



Truyện ngắn NHẬT LINH



Mục lục

[Lời Giới Thiệu](#)

[Người Quay Tơ](#)

[Nô Lệ](#)

[Chiến Tranh](#)

[Giấc Mộng Từ Lâm](#)

[Sư Bác Chùa Kênh](#)

[Làm Gì Mà Bân Khoăn Thế?](#)

[Giật Mình Tinh Dậy](#)

[Vuông Vải Trắng](#)

[Thế Rồi Một Buổi Chiều](#)

[Chết Dở](#)

[Nghèo](#)

[Hai Cảnh Ngoài Phố \(Lòng Từ Tế\)](#)

[Hai Vẻ Đẹp](#)

[Hai Chị Em](#)

[Tiếng Kêu Thương \(Lời Một Người Đàn Bà Bán Hàng Nước\)](#)

[Hai Buổi Chiều Vàng](#)

[Mười Năm Qua](#)

[Cái Tây](#)

[Vết Thương](#)

[Câu Chuyện Mơ Trong Giấc Mộng](#)

[Lan Rừng](#)

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Lời Giới Thiệu

Hoạt động văn học của Nhất Linh có thể chia ra làm 3 thời kỳ: Thời kỳ trước năm 1930; thời kỳ từ 1932-1945; thời kỳ sau 1945, trong đó quãng thứ hai là nổi bật và ông có nhiều đóng góp nhất. Nói tới Nhất Linh, người ta liên tưởng ngay đến Tự lực văn đoàn mà Nhất Linh là người chủ xướng. Tự lực văn đoàn - một phong trào văn học tồn tại trong lịch sử khoảng 1932-1945, có vị trí quan trọng trong lịch sử văn học thế kỷ XX. Cơ quan ngôn luận của nó là hai tờ báo Phong hóa, Ngày nay và Nhà xuất bản Đời nay đều do Nhất Linh điều hành. Đây là trung tâm quy tụ đông đảo các cây bút tài năng, nhiệt tình trên con đường hiện đại hóa văn học. Các truyện của Khái Hưng, Nhất Linh, Thạch Lam, Thế Lữ, Thanh Tịnh, Bùi Hiển, thơ đã kích của Tú Mỡ... trên các trang báo Phong hóa sau năm 1934 đã thổi vào xã hội một luồng sinh khí tươi trẻ, nhẹ nhàng, giàu sinh lực phản ánh được cái khí thế của một thế hệ trẻ rất hăng hái cải tạo xã hội và văn hóa. Nhà xuất bản Đời nay, cùng hai tờ báo trên là nơi giới thiệu, cổ vũ cho các tài năng mới thuộc các môn nghệ thuật khác như Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Đỗ Cung, Lê Phổ, Trần Văn Cẩn... (hội họa), Nguyễn Xuân Khoát (nhạc), Nguyễn Cao Luyện (kiến trúc)... Giờ nhìn lại có thể thấy rõ là nhiều tài năng của nền văn nghệ mới có lúc từng quần tụ nơi Tự lực văn đoàn. Tất nhiên bức tranh văn nghệ 1932-1945 rất rộng lớn và nhiều màu vẽ trong đó Tự lực văn đoàn chỉ là một bộ phận. Thêm nữa công lao làm nảy nở và phát triển phong trào văn học nói trên không thể chỉ quy vào mỗi Nhất Linh. Tuy nhiên rõ ràng ông là người chủ xướng và tổ chức quan trọng nhất.

Về sáng tác, Nhất Linh từng viết ở nhiều thể loại: Thơ, phóng sự, khảo luận, phê bình, tùy nhiên ngẫu bút của ông chủ yếu vẫn là để sáng tạo văn xuôi - truyện ngắn và tiểu thuyết, nhất là tiểu thuyết. Nhất Linh thuộc vào số những nhà cách tân tiểu thuyết quan trọng của văn học ta.

Vũ Ngọc Phan trong Nhà văn hiện đại (1942) đã sớm nhận thấy rằng "tiểu thuyết của Nhất Linh biến đổi rất mau". Nho phong (1925) tác phẩm đầu tay của ông thuộc loại một tiểu thuyết lý tưởng hóa. Đầu những năm 1930, ông sáng tác một loạt những tiểu thuyết luận đề: Đoạn tuyệt, Lạnh lùng...

Đến Bướm trắng (1940) thì đã là tiểu thuyết phân tích tâm lý. Những tiểu thuyết sau năm 1945 có thể xếp vào loại phân tích hiện thực xã hội, chẳng hạn Xóm Cầu mới. Tuy nhiên ông vẫn thành công nhất ở loại tiểu thuyết luận đề và tiểu thuyết phân tích tâm lý. Các tiểu thuyết Đoạn tuyệt, Lạnh lùng từng gây chấn động một thời. Viết các tác phẩm này Nhất Linh nhằm trực tiếp đả phá các hủ tục, thiết chế đại gia đình phong kiến, kêu gọi xây dựng đời sống mới tiến bộ, giàu nhân tính cho mỗi con người được chủ động và tự lập. Độc giả bấy giờ đọc các cuốn sách đó một cách hưng phấn, nhiều người muốn và đã hành động theo Loan, Nhung, những nhân vật chính của tiểu thuyết Nhất Linh. Tuy nhiên sau này Nhất Linh có nói rằng trong các tiểu thuyết của mình ông ưng ý nhất Bướm trắng. Với Bướm trắng, ngẫu bút của ông tiến hành cuộc phiêu lưu vào tâm hồn con người. Cuốn tiểu thuyết được xây dựng trên cái hiện thực ý thức và tâm cảm.

Nhất Linh viết văn theo các thể loại của văn học Âu Tây, xây dựng nhân vật, kết cấu truyện... theo lối của các nhà văn châu Âu. Văn phong của ông là sự áp dụng lối tổ chức ngữ pháp Tây phương vào tiếng Việt: lôgích chặt chẽ, sáng sủa và cực kỳ giản dị. Tuy nhiên ở các tác phẩm của Nhất Linh, người ta vẫn thấy chất thơ phương Đông luôn tồn tại khi thì đậm nét, khi thì mờ ảo. Nhà văn đã sử dụng những phương tiện nghệ thuật phương Tây để xây dựng tâm hồn phương Đông. Đọc Nho phong, Người quay tơ,

ta nghĩ tới các truyện Nôm Tống Trân Cúc Hoa, Hoàng Trừu và cả Kiều (Nhất Linh rất khâm phục Nguyễn Du và từng viết bình luận về Kiều).

Chất thơ của Giấc mộng Từ Lâm, Lan rừng... là chất thơ của loại truyện truyền kỳ, truyện Liêu trai. Còn con bướm trắng trong hoài niệm của Trường cũng là con bướm trắng trong giấc mộng Trang Chi chất thơ đó chính là cái đẹp. Cái đẹp hiện hữu nhưng khó nắm bắt, nó như con bướm trắng luôn chập chờn bay trong không gian và thời gian của thế giới nghệ thuật Nhất Linh. Không gian đó là những "vùng quê xa xôi và yên lặng", "bầu trời xanh lơ trong suốt", "khu vườn nắng vòm lá lấp lánh ánh sáng", "màu vàng hoa chuối tây nở góc giậu"... là "bóng cây lư thừa chạy trên áo trắng của Loan trên đường Hà Nội". Thời gian đó là "những ngày thơ ngây trong sạch", "những ngày chưa mắc tội lỗi"... là một ngày cuối thu "Trời muốn trở rét" (Đôi bạn). Cái đẹp đó là sự chung thủy trong tình yêu và rộng hơn chung thủy với chính mình. Nhất Linh rất thích cái ý của L. Tônxtôi cho rằng, bản tính của mỗi người thực ra không thay đổi bao nhiêu, năm tháng chỉ ghi dấu trên bề mặt của nó mà thôi.

Không phải mọi tác phẩm của Nhất Linh đều hay và có giá trị. Một số tác phẩm giờ đọc lại thấy nhạt và đơn giản. Những tác phẩm viết sau 1945 không thật xuất sắc. Tuy nhiên rõ ràng là không ít tiểu thuyết và truyện ngắn của ông vừa là tiếng nói của một thời, vừa là tiếng nói của không chỉ một thời... Những tác phẩm tốt, có giá trị của Nhất Linh cung cấp cho bạn đọc, góp phần để hiểu rõ hơn về một nhà văn rất đáng chú ý của thế kỷ XX.

Hà Nội, 9 tháng 10 năm 1999

Trịnh Bá Đĩnh

(TS. Ngữ văn)

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Người Quay Tơ

Tử Nương là một người con gái thôn quê làm nghề chần tằm, ươm tơ, ở làng Xuân Nghi huyện Hồng Lạc. Nhà nghèo, cha mẹ đã già, làm lụng để nuôi hai thân. Cô trông xinh xắn, người thanh thanh vừa tầm, hai con mắt êm đẹp, mỗi khi trời nắng, gió lạnh, cô ra sân hai tay ngọc xe sợi tơ vàng dệt lụa là cho người trong làng mặc. Một hôm, đương ngồi quay tơ ngoài sân thời có một người học trò đi qua, thấy nàng đẹp quá mê đứt đi, ngày nào cũng hai lần trèo qua cái đồi cao, sang để gặp mặt nàng như thế, được gần một năm. Về sau nàng biết mà cảm thương, đem lòng mến. Mùa đông gió trên đồi thổi mạnh, lắm hôm rét quá mà nàng cũng chịu khó ra ngồi quay tơ ngoài sân cho người học trò được trông thấy mặt.

Tin đi mỗi lại rồi hai người lấy nhau, lúc ấy nàng mới có mười sáu tuổi. Nhà chồng nghèo nàng vẫn giữ nghề cũ nuôi chồng đi học, năm sau đỗ tú tài. Hai vợ chồng hòa hợp yêu thương nhau lắm, lấy nhau được trên hai năm cũng chưa có con cái gì. Một hôm ông tú gọi nàng đến, khóc và dặn rằng:

- Tôi đi phen này chưa biết bao giờ về, mà tôi cũng không mong đâu trở về nữa, không biết có còn thấy được mặt nhau nữa không?

Nàng nói:

- Thôi tôi hiểu cả rồi, việc của nhà tôi xin thay, chàng cứ yên tâm mà đi. Việc gì phải khóc lóc thế. Làm tài trai trong nước mà không được như người con gái quê mùa này ư?

Nhưng nàng nói thế rồi nàng cũng khóc theo. Ông tú lên Hà Nội, rồi đi đâu mất, họ đồn là theo bọn văn thân. Mấy tháng sau có mật thám về bắt bà cụ chánh là bà mẹ ông tú và từ đường lên tra hỏi. Lúc mới đến, nàng biết ngay, mặt tái ngắt, song gượng lại ngay mà nói:

- Các bác cứ để yên tự khắc bà tôi và tôi sẽ lên, chúng tôi không việc gì mà phải trốn, không cần phải xịch tay, xịch chân gì cả.

Các bác kia thấy người con gái nhà quê mà ăn nói cứng cáp, khẳng khái, bằng lòng để cho hai mẹ con được tự do.

Ông tú phải đi đày Côn Lôn chung thân: Nàng lại đem bà Huấn về quê giữ cái guồng tơ khung cửi để lấy tiền phụng dưỡng thay chồng. Như thế được bốn năm trời: Từ mẹ chồng cho đến người trong họ ai cũng cho phép nàng cải giá, nàng nhất định không lấy ai cả, quyết giữ lời thề với người cũ. Ông tú ở Côn Lôn cũng mấy bận viết thư về khuyên nàng, bắt nàng lấy người khác, lời lẽ thâm thiết thương. Nàng xem thư chỉ khóc rồi có khi nào nhớ chồng, lên tít trên đỉnh đồi cao mà đứng trông, có khi về nhà bố mẹ để ra ngồi quay tơ ngoài sân, tưởng tượng đến lúc gặp gỡ, người thư sinh từ mấy năm về trước; những lúc ấy thời nàng lại đẹp lên bội phần, ai cũng thương mà ai cũng yêu, trong làng nhiều người rắp ranh bản sê: Một ông giáo có quen ông tú, góa vợ đã lâu cũng đem bụng yêu nàng, cho mối sang hỏi. Lúc mối sang, nàng biết ngay, than rằng:

- Ai ngờ bác giáo mà cũng đến như thế ư!

Nói xong mắng mối đuổi ra. Ai cũng giận mà ai cũng mến nàng hơn trước.

Bà cụ Huấn mất, nàng làm ma chay cho chu đáo, rồi lên tỉnh xin phép đi theo chồng. Xin mãi mới được phép, nhà nước lại cho cả tiền tào nữa.

Nàng về quê thu xếp, rồi một thân một mình ra đi, đất lạ quê người. Nàng ở bên ấy với chồng khổ sở trong ba năm, sinh được một đứa con trai

thời ông tú bảo nàng về:

- Như tôi chiếc thân đầy đọa đã đành chứ vợ con tôi thời có tội tình gì, nay đã được đưa con trai để nối dõi thời mợ đem con về nước, cố mà nuôi cho nên người khí khái, chứ ở đây với tôi mãi, thời chỉ thêm phí hai đời người nữa mà thôi. Còn tôi... tôi cũng không định sống lâu đâu, xin đừng tơ tưởng đến tôi nữa!

Nói xong, nắm tay vợ khóc mà từ biệt.

Hôm nghe tin nàng đem con về, cả làng Xuân Nghi ai ai cũng rủ nhau ra quán đón mừng. Lúc nàng bế con ở trên xe xuống hai con mắt ngơ ngẩn đưa nhìn khắp hết người làng, trông nàng có vẻ thần tiên: Nàng có vẻ cảm động quá ứa nước mắt mà khóc, người làng cũng nhiều người khóc theo.

Nàng thấy ai cũng có bụng kính mến, nên vui lòng mà làm ăn, tậu được cái nhà con ở chân đồi ngày ngày đi buôn hàng tẩm. Một hôm nàng đang ngồi chơi với con thời có giấy về báo tin rằng ông tú tự tử mất đã được hơn một tháng rồi. Nàng ôm con vào lòng rồi ngã xuống ngất người đi. mấy ngày hôm sau mới nhận được bức thư ông tú gửi về từ biệt.

Nàng cũng khuây dần: Có lẽ nàng nghĩ mình đã có con cũng đủ, và một đấng sống một đấng chết, sống mà cũng như chết, thời thà chết còn hơn, linh hồn mới có thể về cùng vợ cùng con được.

Năm sau những người phải tội đi đầy chung với ông tú đã được tha cả. Nàng cũng biết tin ấy, thế có ai oán không? Đứa con nàng tự nhiên phải bệnh chết, nàng hóa điên từ đấy; bây giờ cứ đi lang thang, hát nghêu ngao, nhưng thường thường nàng hay về nhà bố mẹ đẻ, lấy cái guồng năm xưa ra quay tơ, quay cả ngày mà không biết mỏi, thỉnh thoảng có hát lên mấy câu.

Mới đầu cũng thương hại, song nghĩ cho kỹ thời thế lại hay cho nàng đấy, có lẽ thế mà lại xong, thật đấy nàng là người sung sướng nhất đời còn chúng mình đây không được như nàng phải đầy đọa chung thân.

Ừ, thử nghĩ xem sống mà đeo cái đau khổ suốt đời, cái đau khổ không bao giờ khuây được chỉ có một cách là tự diệt mình mới thoát ly, thời cái điên là chẳng nên ước lắm sao? Nàng không biết mình là khổ thời nàng là người tiên rồi. Ôi! Nhưng bây giờ Từ Nương còn biết gì nữa, nàng có nhớ đến chồng con nàng nữa đâu, ai đã yêu nàng, nàng có nhớ đâu mà nàng còn yêu ai nữa, nàng chỉ ngày ngày thơ thẩn một mình lên tới đỉnh đồi cao mà đứng trông... Nhưng nàng trông ai bây giờ?

Đường trần mới đến nửa chừng,

Mà guồng tơ cũ đã ngừng bánh xưa.

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Nô Lệ

Một cái làng yên tĩnh ở vùng Thanh Sơn, đất ít núi nhiều, có con sông trong và mát xuôi dòng chảy ra trường giang. Chỗ thung lũng thời cấy lúa, mưa thuận gió hòa, đời đời con cháu an cư lạc nghiệp.

Có một người muốn mở đồn điền xin khai khẩn; nhà nước cho tạm khẩn từ mốc A đến mốc B, phu đồn cứ việc kéo dây thừng để phân địa giới. Chính giữa trong đồn điền có ít ruộng của dân làng mà gần khắp là ruộng của một chàng nông phu kia.

Dân làng kêu ca, ông chủ đồn điền dỗ ngọt, cho các kỳ mục trong làng một bữa chén no say rồi phân giải rằng:

- Không, các ông không sợ, tôi đến đây các ông chỉ có lợi chứ không có hại, vì tôi trồng cà phê, các đàn em trong làng ai không việc làm tôi dùng cho cả, kiếm bát cơm mà ăn, còn ruộng của các ông trong đồn điền thời các ông cứ vào mà cày cấy chứ tôi lấy làm gì mà tôi lấy thế nào được!

Kỳ mục mỗi người được năm đồng, khoan khoái ca tụng rồi giải tán; Dân làng cũng không kêu ca kiện tụng gì; sống ở đời cơm no, áo mặc, ăn ở với nhau cho hòa hợp, thế là đủ chứ có biết đâu đến cái mảnh khoe là thế nào; những dân ấy ta thường gọi là dân ngu.

Lệ nhà nước xin đồn điền, trong ba tháng không có ai kêu ca thời được khẩn, và trong ba năm thời một phần ba miếng đất mình xin phải có trồng cây cối rồi.

Trong lúc đó dân làng vẫn vào đồn điền cày cấy làm ăn như thường, chàng nông phu kia thấy lúa tốt thời mừng, thấy thóc nhiều thời hởi dạ, mà ruộng ở trong đồn không sợ cướp bóc gì lại càng vững tâm hơn nữa.

Ít lâu cà phê đã lên cao, một năm, một năm rưỡi. Ông chủ đồn điền ra lệnh cấm không cho ai qua lại vì trâu bò giẫm chết cà phê. Vì ông không nghĩ đến cái quyền mà dân làng được vào cày cấy nên ông làm thế cũng là có lý lẽ lắm. Những người khỏe không phải là nhẫn tâm mà làm hại kẻ dưới đâu, nhưng chỉ tại không thèm để ý đến mà vô cố làm hại đấy thôi. Nhưng kẻ dưới thì dầu cho ông nhẫn tâm hay là ông vô ý cũng không làm gì được, phận nhỏ thân hèn, phải cắn răng mà chịu vậy.

Dân làng sợ thanh thế nên không dám nói gì, chàng nông phu kia tâm hăng.

Dần dần những ruộng cày cấy trước kia thành hoang điền, cỏ non tốt um, tưởng chừng chưa thấy lưỡi cày nhát cuốc bao giờ. Chàng nông phu ta ngày ngày nhớ ruộng xin phép vào đồn điền, đứng trên đồi cà phê xanh tốt mà nhìn xuống ruộng mình, thấy ngọn cỏ cao dần, lòng đau như cắt: Thịnh thoảng thấy ông chủ đồn đứng xa xa, sai bảo mấy người phu, tiếng nói oai quyền đông dặc như ông chúa tể một vùng ấy, chàng nông ta có ý sợ hãi, lại sực nghĩ tới mấy năm trước, ruộng mình mình cấy, đường mình mình đi, nghênh ngang ai nạt ai cấm.

Hồi ấy Hội đồng Ủy viên xét đồn điền đến khám. Ông chủ đồn điền bèn tiếp đãi cẩn trọng đưa đi xem cà phê: Xem đến khu ruộng ấy thời tuyệt nhiên là đất bỏ hoang rồi liền ghi vào biên bản là đất của đồn điền.

Nhà đồn làm trên đỉnh đồi cao rộng rãi mát mẻ, các hội viên đi từ sáng đã thấy mệt mỏi, ông chủ liền mời lên mở rượu giải khát, rồi làm việc: Trí nhận xét các hội viên cũng theo hơi cháo ám mà tiêu tán đi hết; đến khi sâm banh nổ, thời chẳng chút áy náy rằng đã làm một việc bất công.

Vài năm sau, chàng nông phu kia chỉ còn ít thửa ruộng ở ngoài làm không đủ ăn. Đâu là những lúc thóc lúa gánh về đầy vựa đầy sân, đâu là những lúc cơm trắng cá tươi, vợ con hôn hờ? Dần dần còn ít thửa ruộng cũng bán nốt; năm sau vợ chết, mấy đứa con, bò nheo bò nhóc. Ở làng không tìm được việc làm phải đưa con lên chốn rừng xanh núi đỏ; hay lang thang ba bốn tháng trời rồi lại bỏ về chốn quê hương.

Nhân lúc ấy đồn điền đã có hoa lợi, cần nhiều người vào hái "cà", anh đã quần bách, nói với người cai xin vào làm phu trong đồn điền, coi ông chủ như thần như thánh, ca tụng, dâng bấc, hễ gặp đâu thời cúi rạp xuống tận đất. Ông chủ mắng một tiếng thời mặt cắt không được giọt máu, khen, cho một câu thời bay bổng lên tận trời xanh! Cứ ai vào làm thời ông chủ lại cho một thửa ruộng mà làm ăn, ruộng ấy là ruộng của làng trước. Ân huệ mưa móc xiết bao!

Chàng nông phu trước kia tự do, bây giờ đem thân nô lệ một người.

Buổi chiều đến, thấy ngọn đèn sáng trên đồi, tiếng chó tây cắn người inh ỏi, anh em ngồi quanh bếp nói với nhau: "Ấy, đèn ông chủ", "Ấy, chó ông chủ".

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Chiến Tranh

Năm tôi mười hai tuổi đương học lớp ba trên Hà Nội, vì nhà buôn bán thua lỗ phải về quê học trường huyện. Vào lớp đưa thầy giáo xem một bài viết tập, thầy cho bảy điểm thế là được vào học...

Tính tôi nhu mì không hay đánh nhau trông thấy họ đấm đá cũng đã thấy sợ rồi, lại xưa nay chưa từng về nhà quê thành thử ở giữa đám quê mùa, áo cộc nâu, đầu để chỏm mà tôi là anh ngớ ngẩn nhất.

Tôi còn nhớ buổi học đầu, lúc giờ chơi, họ ra cả ngoài sân, thầy giáo vào nhà hậu vắng. Đứa em họ tôi tự nhiên nó kêu to lên rằng:

- Anh Kỳ tôi mới ở Hà Nội về, giỏi võ lắm, đố anh nào địch nổi?

Tôi bấm tay, kéo nó bảo thôi nó cũng không nghe. Bấy giờ anh em bạn đổ xô cả lại, khoa chân khoa tay, nhảy nhót mà nói:

- Nào có anh nào dám ra không? Thôi lại sợ cả rồi, đánh thế nào lại được cánh Hà Nội.

Xem chừng anh nào cũng sợ tôi cả, mà tôi lúc đó phập phồng chỉ mong cho thầy giáo gọi vào học ngay. Đứa em họ tôi nó cứ nói hùn vào:

- Ai ra, anh tôi chỉ cho một cái song phi là mất mạng.

Có một anh bằng trạc tôi, mặt hồng hào, dáng khỏe mạnh, anh em đưa đẩy vào lưng giục ra... mà khốn nạn tôi có biết cái song phi là cái gì đâu.

Anh tự nhiên xắn tay áo nhảy ra đứng giữ miếng hăng hái lắm. Chúng lại kêu:

- À! Anh Trạch đánh miếng húc dưới cũng khá đấy, nào lăn vào đi.

Tôi bây giờ bản khoản khó nói ra được, mặt đỏ bừng lên, hai tai nóng như lửa; đứa em họ tôi nó cứ lấy tay thúc vào lưng bảo ra, còn học trò thời nói:

- Ấy, anh ấy còn đương lấy gân, giữ miếng cao không, Trạch ta đánh thua mất.

Nào tôi có lấy gân lấy cốt gì đâu, song thấy họ nói thế không nghĩ gì nữa, sẵn vào mà đánh, chẳng có miếng gì cả, cúi đầu xuống lấy hai tay khua. Trạch ta thấy tôi đánh hăng quá quên cả miếng húc dưới, luống cuống bị tôi đâm đến đớp một cái vào má, ngã quay xuống đất. Tôi trông thấy, chân tay run lẩy bẩy, còn anh kia mặt tái ngắt lấy tay ôm má mà khóc nước nỏ.

Đứa em họ tôi nó lại nói:

- Nào bây giờ còn anh nào dám ra nữa không? Sợ rồi...

Một anh cao lớn nhảy ra tôi chưa kịp giơ tay thời bị một cái song phi vào giữa ngực, năm sóng soài ra đất.

Vừa lúc ấy thời thầy giáo gọi vào lớp học.

Tôi hãy còn bé, trí còn non nên không biết suy nghĩ gì cả, nhưng mỗi tuổi một lớn, biết tìm đến nguyên nhân đem lòng thương cho người đời vô hạn. Ủ, nào tôi có muốn đánh nhau đâu, có vì một việc gì đâu mà bị cái song phi tức ngực, còn anh Trạch cũng tự nhiên vô cớ mà sưng hàm. Tôi càng nghĩ đem lòng ghét sự chiến tranh, chẳng qua cũng chỉ như trận đánh nhau khi chúng tôi còn bé dại vậy, có khác gì đâu? Tự nhiên hai người chưa

từng quen biết nhau bao giờ, giờ súng, giờ gươm nhẫn tâm mà giết nhau để
cái khổ cho mẹ già, vợ dại, con thơ, mà có vì gì đâu? Suy đến nguyên nhân
thật đáng thương cho đàn trẻ bé dại lắm vậy!

1926

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Giấc Mơng Từ Lâm

Tôi vừa ở Sở về, nghĩ đến thân mình lằm than mà buồn tình thế sự. Hai buổi đi về công việc càng làm càng thấy chán nản, đời mình thật là lạt lẽo vô cùng, lằm lúc muốn ẩn thân một nơi thôn dã, đối với đời không có tiếng tăm gì là đủ; nhà giàu, có công việc làm đây không chút gì bổ ích cho ai, ra luồn vào cúi mà vẫn không sao rút ra được.

Đương bữa khoản thời thấy một người đi vào trông hơi quen quen, đứng dậy nhìn kỹ thì hóa ra anh Trần Lưu trước cùng học với tôi trường luật. Năm nọ ăn mặc tây, bây giờ trông lạ hẳn đi: Mình mặc cái áo the thâm, đầu đội nón dứa, tay xách cái khăn gói to như người ở phương xa đến, thấy tôi thì tươi cười mà cúi chào, chứ không bắt tay như trước nữa.

Xưa nay tôi vẫn phục anh Trần Lưu là người trí: Anh Lưu học cùng với tôi trong trường luật, đến năm thứ hai thời bỏ vì hai thân anh qua đời cả. Hôm về quê, anh có than vãn với tôi, không biết cuộc đời anh sau này sẽ xoay ra làm sao:

- Tôi bây giờ một thân một bóng, về quê là để thăm chút phần mộ của hai thân tôi, rồi sau đây non nước bốn phương biết đâu là quê hương xứ sở, anh dẫu có nhớ đến tôi cũng không biết đâu mà tìm tôi nữa. Tôi định bây giờ đi khắp các vùng nhà quê, lằm vào đám làm ăn, vừa để học vừa để dạy cho họ và xem xét dân tình, ăn mặc thời quần nâu áo nâu đi đất, đánh cái nón rách vừa đi vừa kiếm ăn, anh nghĩ sao?

Tôi khuyên anh cứ chịu khó, tuy đi như thế chưa chắc ăn thua gì song có ngày sẽ nảy ra một cái ý kiến hay, nói xong anh từ biệt. Thế là từ độ ấy

tôi không thấy tin tức anh đâu cả. Năm sau tôi được bố tham biện phủ thống sứ mà cũng không lần nào gặp anh nữa.

Hôm nay tình cờ anh đến, vui mừng quá, thấy anh ăn mặc thế cũng không lấy gì làm lạ, nhận ra ngay. Anh Trần vào, vừa cười vừa bảo tôi rằng:

- Anh còn nhớ tôi ư, tôi ăn mặc thế này, thật khác xưa lắm nhỉ?

Tôi bảo pha nước uống và hỏi chuyện:

- Tôi ở đây đi làm hai buổi buồn quá, thấy anh đến mà mừng, muốn hỏi anh trong hai năm nay anh ra làm sao và anh kể cho ít câu chuyện có cái hương vị nhà quê thời thích quá.

Bạn tôi nói đã lâu mới lên Hà Nội, muốn đi xem cảnh tượng và quan sát, mua sách vở, tối về thư thả sẽ nói.

Đêm ấy trăng cao và sáng, chúng tôi bắc cái chõng ra nằm ngoài sân. Bạn tôi nói:

- Trước khi tôi nói cho anh biết những công việc của tôi trong hai năm nay, tôi hãy xin anh đừng vội trách tôi, mà tôi cũng không có gì mà đáng trách. Anh cũng biết cái thành thói trong lòng là ít người có, và nếu bao giờ cũng giữ được thành thói, thời cứ như thế đời người ta sống cũng đã dễ chịu và chính đĩnh lắm rồi. Anh đừng cho tôi là một người có tài cán làm những việc ích quốc lợi dân, tôi không dám mong thế, có khi tôi muốn làm mà không làm được, tôi chỉ như một người thường khác mà thôi. Thân tôi không phải chỉ có hiện tại thôi đâu, tôi chính là cái ý muốn của ông cha ta từ mấy đời trước mà trong óc tôi còn sót lại. Tôi cứ thật thà mà ngỏ lòng tôi cho anh biết, anh thương hay anh giận, anh trách hay anh khen tôi cũng thế, mà ai bình phẩm tôi thế nào cũng không cần.

Tôi bỏ học được mấy ngày thời thu xếp về quê thăm mộ thầy để tôi, hôm sau ăn mặc quần nâu áo nâu, đi thẳng. Trong một năm trời đi được gần khắp trung châu, mới đầu về Hải Dương, xuống Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, vòng lên Hà Đông, có khi một mình khăn gói lang thang, có khi đi lẫn vào bọn thợ, cũng làm lụng như họ, vất vả khổ sở quá, nói ra không thể nào tin được.

Có khi ngủ ở giữa cánh đồng, có khi ốm mà không ai trông nom, song cái đó không làm tôi ngã chí. Tôi học cũng được nhiều và kiếm ăn cũng đủ tiêu dùng, tuy mồ hôi nước mắt mà thành thơ không lụy ai. Thỉnh thoảng thấy cảnh đẹp, trời chiều man mác, điểm cỏ cầu sương mà tự nhiên bật miệng ngâm lên câu thơ chữ tây, lại vội vàng nhìn quanh xem có ai nghe thấy không? Về sau phải tập luyện cho quen, bây giờ thật là An Nam rồi. Còn về phần dạy cho người khác thời tôi ngỡ không biết có bổ ích gì không, mà bổ ích thế nào được. Tôi cứ ngỡ như thế mãi, thành ra ý tưởng tôi đổi khác đi mà tôi không biết, cái tính tình vẫn nặng hơn lẽ lý nhiều, vùng nào phong cảnh tiêu điều, thời tôi hay lánh đi, chỉ tìm những nơi nào có đồi có sông, dân phong thuần hậu thời hay luẩn quất ở lại lâu.

Bây giờ đã đến cái thời kỳ tôi hơi ra ngoài đời mà đến gần cảnh vật rồi đó, tôi mới biết rằng tôi chưa từng yêu gì hơn yêu cảnh thiên nhiên, lắm khi có thể lấy đấy làm cái vui ở đời, khuây khỏa được lắm nỗi đắng cay sâu thẳm: Có khi tôi ngắm cảnh mà quên cả mọi nỗi gian truân, quên cả thế sự; tưởng có thể bỏ cả vinh hoa phú quý để được hưởng một cái thú cón con với cây cỏ. Ánh sáng hơi thu, gió lạnh, những lúc mùa nọ thay sang mùa kia thường đem cho tôi lắm cái cảm giác êm đềm man mác, tôi là người khách rồi, cái nguyên nhân ấy muốn tách bạch ra thì phải người nào giỏi về tâm lý học lắm mới làm nổi.

Tôi đương mang tấm lòng như thế, thời đến một nơi gọi là Từ Lâm: Xa xa toàn là núi, ngọn nọ, ngọn kia không dứt, sắc núi màu lam, buổi sáng chiều mây bay sương phủ. Từ Lâm là một cái làng nho nhỏ ở chân đồi, về

đặc sắc nhất là tình, có con sông con, sắc nước trong xanh chảy từ từ trong lòng cát trắng: Mảnh đất đó, đối với tôi là khách qua chơi một ngày, sao có liên cảm sâu xa như thế? Tuy không phải là nơi danh thắng, non không cao, nước không sâu, nhưng có vẻ đậm đà, điều độ, ân ái, dễ xiêu người. Tôi không úy phục, tôi không say đắm, nhưng tôi dễ nhận dễ yêu như một nơi quê hương xứ sở vậy, lòng tôi lúc đó băng khuâng, không nỡ rời đi nơi khác, định chỉ kiếm việc gì đấy để lưu liên lại ít lâu.

Tôi muốn vớt hết những ý nghĩ bản khoán của đời quá ư văn minh này, cố giữ trong lòng được thành thơ mà yên thân ở đấy. Cái lòng tôi yêu cảnh thiên nhiên thật đã tới đến cực điểm.

Tôi để ý đến dân tình thời thấy phong tục rất hay, rất thanh thú, đúng với óc tôi mơ tưởng bấy lâu. Tôi có xem xét cho kỹ lưỡng thời thấy mình biết thêm được nhiều điều đáng cho vào quyển sách sau này. Nhưng tôi lại tự hỏi: Thời phong tục làng ấy hay, nhưng hay ở thời này để làm gì mới được chứ? Có phải là chỉ để so sánh và lấy tiếng khen của người đời sau đâu? Điều đó tôi chưa giải quyết, chỉ riêng phần tôi bấy lâu chịu nỗi phất phơ, đến chốn đó có cái khi vị thanh nhàn, đời người đáng sống, đáng tôn trọng lắm. Nhưng họ có biết không? Nếu họ không biết thời cái mục đích của tôi đổ đen hết cả. Đến lúc tôi tìm thấy là lúc tôi lại muốn phá đi. Tôi thành ra hoài nghi, nhưng tự an ủi mình rằng: Đời ta đáng sống, ta vui lòng mà sống là nhờ có một cái tuyệt đích, là tu trường là hay, cố công đeo đuổi cho suốt đời. Sự run rủi đã đưa ta đến chốn này, thời ta cứ tỉnh tâm xem xét phong tục rồi làm thành sách mà giúp đời.

Ta cứ yên tâm mà theo cái đường ta muốn đi, thời đời ta mới có nghĩa lý đôi chút, ta tin ở đấy thời ta sống mới có phần đầy đặn hơn.

Một hôm tôi ở dưới làng lên đồi chơi, đường đi men sườn đồi, thấy có cái vườn dâu cành lơ thơ như bức màn hồng lấm tấm lá xanh. Giữa vườn có nóc nhà lá: Theo cái ngõ con đi vào thời thấy sáng sủa phong quang như nhà một người ẩn sĩ.

Hôm ấy về mùa đông mà trời nắng, gió thổi lá dâu phất phới, lòng tôi nhẹ nhàng, vui vẻ làm sao! Cái vui như chan chứa trong tâm can tưởng không bao giờ có thể hết vui được nữa.

Vừa vào đến sân thời tôi đứng ngẩn người ra: Một cô con gái trạc độ mười sáu, mười bảy, đương ngồi quay tơ ngoài hiên thấy tôi vào đưa mắt trông lên. Tôi chưa từng thấy người nào đẹp đến thế, băng khuâng như mình lạc vào cảnh tiên.

Nàng thấy tôi vào, không biết tại sao đứng dậy, tấm áo dịu dàng, mắt hoa ngơ ngẩn mà nhìn tôi: Nàng nhìn tôi rồi lại nhìn quần áo, tôi mới sực nhớ ra mình ăn mặc như người thợ, cái tinh hoa ẩn vào trong sao lại cảm được nàng, làm sao nàng nhìn tôi mà lại hình như biết là tôi được. Tôi lấy làm ngượng, cái cử chỉ không được thật, như tỏ ra mình là người thế nào mà nàng đã biết hết. Nàng đột nhiên hỏi:

- Cậu vào đây muốn hỏi ai? Tôi làm ra bộ ngơ ngẩn mà nói:

- Thưa cô, tôi làm ở trên đồi, xuống nhờ cô bát nước mưa uống đỡ khát.

Nàng nhìn tôi một lúc lâu, hai con mắt trông như ngạc nhiên muốn hỏi, rồi nói:

- Trời này uống nước mưa thời lạnh chết, để tôi vào xem có nước chè nóng, thời tôi cho một bát.

Tôi uống xong ngẩn ngừ không muốn đi ra, thấy nàng lại sắp ngồi vào quay tơ, liền nói:

- Cô cứ quay tơ đi cho tôi đứng xem học lấy cách thức thế nào.

- Mỗi người một việc, cái bác này người lạ quá, uống nước xong thời lên đồi mà làm việc lại còn ngẩn ngừ đứng lại, quay tơ thời có gì lạ mà

xem.

Nàng nói thế là có ý đui, tôi cứ mê mẩn không đi.

Nàng thấy tôi kỳ khôi lên tiếng gọi người nhà:

- Thầy ơi, có người thợ lòi thối quá người ta muốn hỏi thầy đấy.

Nhà trên một ông cụ đi ra trạc ngoài năm mươi tuổi, râu đã lấm tẩm bạc, vừa đi vừa nói:

- À, có phải bác phó Nghi đấy không? Sao lên chậm thế?

Nàng nhìn lại tôi, thấy tôi vẫn đứng ngậm ngùi, với cái guồng tơ lấy làm lạ, liền nói:

- Thưa thầy cái người nào ấy, không phải bác phó Nghi đâu.

Ông cụ đến thì tôi vái chào, ông cụ không trả lời, mắt đăm đăm vào tôi như nhìn một vật gì lạ, rồi bỗng như nhớ ra, giơ hai tay lên mà nói:

- ... Ông giáo Lưu.

Lúc bấy giờ cô bé đến gần cũng giương hai con mắt mà nhìn tôi, rồi lại nhìn ông cụ, con tơ nàng cầm ở tay rời xa rơi xuống đất.

Tôi thốt nhiên nghĩ đến tứ cố vô thân, người trong nước như thờ ơ lạnh nhạt, bấy lâu gian truân khổ sở mà không có ích cho ai, nên không thiết gì nữa, muốn ghen với nghìn người khác được sung sướng hơn mình, liền ngả nón mà nói một câu, một câu ấy mà cuộc đời tôi xoay hẳn đi; bấy lâu vì xã hội, vì danh giá làm cho mình không phải là mình, nay đến trước cảnh thiên nhiên bao nhiêu cái phụ thuộc xưa kia tôi tạo nên tôi không có nữa.

- Vâng, thưa cụ chính tôi đây.

Rồi kể lại từ lúc thôi dạy học, vào trường luật, cha mẹ qua đời, ý muốn làm những gì, tại sao lại ăn mặc thế này và tình cờ đến đây được. Cả nàng cũng ngồi nghe rồi cũng nói:

- Thảo nào mới đầu tôi trông quen quen, hơi quen thôi. Tôi cũng hơi mỉm cười thôi mà nói:

- Trước tôi đi dạy học ở trọ nhà cụ thời cô em còn bé. Về sau có một hôm tôi ghé vào thăm cụ, thời họ nói đã dọn cả về quê rồi.

Ông cụ nói:

- Nhà quê tôi đây, người dưới làng Từ Lâm gần hết là người trong họ tôi cả. Tôi cũng có nhà dưới làng, trên này chỉ là chỗ ở cho mát mà thôi. Bây giờ ông đã đến đây, đem lòng yêu thương phong cảnh đất này thời cứ ở đây với tôi mà làm sách. Vả ông không có ai là họ hàng nữa, thời ở đâu chả là quê hương. Dưới làng Từ Lâm có cái trường mới mở mà chưa có thầy giáo, để tôi nói cho họ biết ông là ai, rồi ông dạy học ở đấy, xem xét phong tục cho tiện.

Anh ạ, thế là từ hôm ấy, ngày ngày hai buổi xuống đồi dạy học; dân làng Từ Lâm thật là thuần hậu, càng ở lâu càng mến mà họ cũng có ý mến tôi, học trò cũng khá đông. Những lúc tan học về, trèo lên đồi, đi qua những vườn chè đất gồ ghề, tuy vất vả mà cái vui trong lòng thật là vô cùng. Tôi hình như lúc nào cũng háo hức muốn làm hay cho người khác, ở chỗ thiên nhiên này, cái lòng tôi mới có thể nảy nở ra được. Tự độ ấy mà tôi nghĩ ra một cái ý rất hay, chốc nữa sẽ nói anh nghe.

Tôi ở một gian đầu, nhà cũng khá rộng sạch sẽ mà sáng sủa, khi đi dạy học về lại ngồi vào bàn viết lách. Sách vở mới đầu chưa có gì, về sau tôi có tiền gửi về Hà Nội mua, bây giờ cái thư viện cũng kha khá. Cửa sổ, chỗ cái giường tôi nằm thời trông xuống dưới cánh đồng, xa xa dãy núi mấy chòm cao, cây xanh trùm đến ngọn, làn khói như sợi tơ lên nền khơi. Dòng sông

uốn quanh chảy lại, sắc trong trong có mãi không cùng. Đồng lúa xanh kéo đến tận chân đồi, cô con gái áo nâu yếm đào lên núi lấy sơn, con ngựa rong ruổi xuống dòng uống nước. Nét bút các nhà cổ danh họa cũng tài tình mà phong phú thật; nếu muốn lấy cảnh trời đất làm vui ở đời thời cái buồng nhỏ ấy cũng là giang sơn cho mình được. Ông cụ ở nhà ngoài, có người con gái thời có khi lên trên này, có khi xuống dưới làng với bà cụ.

Những ngày chủ nhật thứ năm, khi nào viết nhiều quá mỏi tay, nghĩ quá nóng đầu, thời tôi thường lên đồi chơi vẽ cảnh. Có khi gặp nàng đương hái chè, lần đến nói chuyện làm ăn, chuyện thật thà mà ngây ngô. Gió đưa quần áo phấp phới, trông nàng đẹp quá, không sao không cảm được. Có khi tôi đứng vẽ cả nàng nữa. Nàng quay mặt lại thấy tôi, có ý ngượng, xong xem ý cũng muốn để tôi vẽ, thấy tôi đến thì chít lại khăn vuông cho ngay ngắn, buộc lại thắt lưng cho gọn gàng. Tôi vẽ xong, nàng táo bạo chạy lại nhìn vào tờ giấy rồi nói:

- Trông giống đấy nhưng sao lại thiếu mất một tay.

Tôi cười, nàng cũng cười, gió trên đồi thổi mạnh; Từ mảnh trời sắc núi, cho đến ngọn cỏ, dáng người như hòa hợp lại với nhau, điều độ, nhịp nhàng như khúc nhạc Quân thiên.

Dưới chân, bờ ruộng, kẻ ngang kẻ dọc trông như bàn cờ, mỗi chỗ mỗi khác, công việc đồng áng thong dong, tiếng gà gáy chó sủa văng vẳng gió đưa lên đồi làm cho chúng tôi quên hẳn mình là người thời buổi nay, ở lùi lại đời hồng hoang, thái cổ. Tôi giảng cho nàng nghe về cái vẻ đẹp của trời đất, bảo nàng chỗ tôi với nàng đứng đây là chỗ trung tâm của mọi sự hòa hợp trên đời, lấy cái vẻ đẹp bàng bạc trong non sông mà chung đúc nên.

Một hôm tôi đi dạy học về thấy nàng đứng trước tờ tranh tôi vẽ nàng hôm nọ, tôi vào mà nàng không biết. Tôi nói:

- Thôi đẹp lắm rồi, ngắm mãi!

Nàng quay lại lấy làm thẹn, má đỏ hồng. Thời kỳ này là thời kỳ mà nàng đã bảo tôi để ý đến nàng, mà nàng cũng muốn tôi rời đây: Lẽ ấy là lẽ thường, nàng là người con gái mới, gặp tôi còn mơ ước gì hơn nữa, mà tôi cũng định tâm lấy nàng thật.

Một buổi chiều tôi đi một mình lên rừng chơi, lăm chỗ cỏ mọc cao đầu, cây cối rậm rạp, tôi lạc lối cứ đi mãi, gặp suối thời kéo gỗ trên rừng xuống bắc cầu mà qua. Trời đã tối vẫn lẩn quẩn không thấy đường ra. Nửa đêm mới về đến nhà, thấy nàng vẫn còn chong đèn thức mà đợi tôi, như có vẻ lo sợ, tôi hỏi thì nói là ngồi khâu nốt cái áo cho xong. Nhưng tôi cũng hiểu lòng nàng thế nào rồi, mà lòng tôi cũng có khác chi đâu. Những lúc đi dạy học về, đợi nàng dưới làng lên, trời đông sao mà quạnh hiu như không có một ai nữa, đến lúc thấy nàng qua vườn dâu, thấy nàng đi vào mặt tươi như hoa và lạnh như sương, thời lòng tôi phấp phới như bướm trên hoa. Có khi tôi theo nàng lên đồi làm lắm việc trẻ con quá, không ai nghi ngờ gì cả, đồi cao cây phủ ai biết đó là đâu.

Một hôm tôi đột nhiên sắm sửa nói với ông cụ xin đi:

- Bấy lâu ở đây thật cảm ơn cụ quá không biết lấy gì mà đền ơn được. Bây giờ công việc tôi ở đây đã xong cả rồi, phải dời đi nơi khác. Vậy xin từ biệt cụ, mà đi phen này không biết có còn gặp được cụ nữa không.

Nàng cũng có đấy, tôi nói xong trông lên, thấy nàng đứng đằng sau ông cụ mà nhìn tôi, làn thu ba, đăm đũa như hỏi như han như oán trách vô ngần. Tôi nói chuyện với ông cụ một lúc lâu thời không thấy nàng đứng đấy nữa. Tôi nhìn ra cửa sổ chỗ con đường đi xuống dưới làng, cũng không thấy bóng ai, lên đồi chỗ chúng tôi vẫn thường nói chuyện với nhau thời thấy nàng có đấy đương cúi mặt mà khóc nức nở. Tôi đến gần mà bảo nàng rằng:

- Sao cô vội khóc thế, để tôi nói cho nghe đã, không thể thời bao giờ chúng ta có thể lấy nhau được, thế nào tôi cũng phải đi độ nửa năm cho ai

cũng quên tôi đi, rồi sau mượn mỗi đến hỏi thời tránh được tiếng người ngoài. Trong nửa năm ấy tôi lại khăn gói lang thang hồ thi bốn phương, cô đừng tư tưởng đến tôi nữa, nên cầu cho tôi có thể xa cô càng lâu bao nhiêu càng hay bấy nhiêu.

Bấy giờ nàng mới hiểu, gạt nước mắt mà nhìn tôi như trách đã để nàng sa mấy giọt nước mắt không đâu. Trời đã lờ mờ tối, về phương xa trên mấy cái núi cao họ đốt rừng, trời đất bao la, chúng tôi cầm lấy tay nhau sung sướng quá, không thích sống gì nữa.

Hôm sau tôi từ giã ông cụ và Từ Nương vác khăn gói ra đi. Trong một năm trời nay đây mai đó, non nước lắm khi thấy lạnh lẽo, xa lạ mà buồn tênh quá. Còn nàng thời ở lại chốn vườn xưa, con bướm bướm cái hoa đậu, lần lần thán trọn ngày quả xinh đẹp thêm ra, không lớn lên.

Tôi đi đến đâu cũng không thấy được như chốn cũ nữa, người đời sống nhỏ nhen, đê tiện quá, không cái gì có thể làm cho mình vui lòng đôi chút. Tôi trở về Từ Lâm thời lòng đã tê tái, lúc trông thấy cái yêu quý xa xa, bao nhiêu nỗi buồn như giũ sạch, lòng thấy nhẹ nhàng, hăng hái, rất tin về công việc mình làm, không có những cái ý nghĩ băn khoăn nó xô đẩy nữa. Tôi lại men sườn đồi như năm nọ, đến khi trông thấy nàng đứng trong sân mà nàng cũng trông thấy tôi thời dẫu cho long trời lở đất, chúng tôi cũng không nở rời nhau ra nữa.

Ông cụ bằng lòng cho chúng tôi lấy nhau và để riêng cái nhà ấy cho hai vợ chồng ở. Tôi đi dạy học, làm sách, nàng ở nhà dệt vải, ươm tơ, ngày tháng như thoi, thời gian bát ngát, chúng tôi cũng không mong mỗi gì nữa.

Hôm nọ cầm mấy quyển sách và lâu ngày cũng nhớ anh bạn cũ, nên mới dò lên đây đây. Thôi bây giờ tôi đã giàu lắm rồi anh ạ, mà tôi còn muốn làm giàu nữa. Tôi làm sách mà nói thời chắc không ăn thua gì, chỉ có một cách thực hành ngay là hơn; anh chắc đã biết không còn mong gì ở quan rồi, cũng không thể mong ai được nữa, vậy bây giờ tôi định có nhiều

tiền tậu một cái đồn điền độ mấy nghìn mẫu vừa đồi vừa ruộng; mở đồn điền không phải là cứ vự gặt đến, nhảy ô tô lên thu thóc, thu tiền đâu, cũng không phải là chỉ nhìn cây cà phê ra quả đâu, cốt nhất là giáo hóa cho dân. Tuy không được lan rộng nhưng thấy kết quả hiển nhiên, làm cho mấy nghìn con người được sung sướng vì mình, thời chết đi tưởng cũng hả dạ lắm, đời mình không phải là không có cho ai. Tôi lại đi tìm những người nào đồng chí, phải đồng chí lắm mới được rồi thì mời về thực, hoặc ai bận bịu thời giúp cho họ thoát ly, về ở với nhau, lập thành cái làng con ở chân đồi. Nhà ở thời toàn là nhà gỗ, nhưng cao ráo mà sáng sủa, chung quanh có vườn rộng trồng cây có quả. Đồ đạc đơn sơ mà thật nhã, thiết hợp với sự cần dùng, đồ mỹ thuật có ích nhưng rất quý; một vài bức cổ họa màu dịu, một vài lọ dành để cắm hoa, bao nhiêu cái xa hoa phiến phức thời bỏ đi hết. Chung quanh nhà nuôi chim, nuôi ong cho vui. Ngoài việc làm ruộng dựng một cái nhà tắm, trồng mười mẫu dâu, dệt vài khung cửi, để đám phụ nữ săn sóc về việc tắm tang, canh cửi để lấy lụa trong nhà dùng. Làng có một cái nhà chung để bàn việc trong đồn điền, có một cái thư viện gồm cả sách tây, sách nho chọn lọc kỹ.

Người thời làm cho trong đồn điền có nhiều hoa lợi cho dân khỏi đói, người dạy về công nghệ, người thì dạy học, cốt làm cho họ biết ăn ở với nhau cho hoà hợp, biết yêu cảnh thiên nhiên, biết sống ở đời là vui, mà ở đời thường cũng chỉ có thể mà thôi, còn ngoài ra là hão cả.

Tôi tưởng tượng ra như một nơi mà người nào cũng ăn ở hòa hợp với nhau thương yêu nhau lắm, người nào cũng lấy sống ở đời làm vui, không có thiếu thốn cái gì để phải khổ sở, mà cũng không có cái gì nhiều quá để mê đắm lòng mình, cái gì cũng điều độ, nhịp nhàng như khúc âm nhạc để ca tụng ông trời kia đã cho lòng mình được trong sạch, giản dị, mà lúc nào cũng đầy những gió trắng hoa mộng. Cũng vì cái xã hội ngày nay không hợp với tôi, tôi không có thể nào theo người khác được nên mới có cái ý tưởng kỳ khôi ấy. Tôi chán tất cả. Tôi không có cái hăng hái như người khác mơ tưởng một cái văn minh mà ta vẫn thường cho là văn minh, tôi chỉ

muốn trở lại thời cổ sơ, cố đạt được cái mộng các bậc hiền triết ta ngày trước, có thể thôi. Tôi đã biết từ khi hãy còn trẻ rằng rồi sau thế nào tôi cũng thế này, nên từ bé cho đến khi hơn hai mươi tuổi đầu, bao nhiêu những việc tôi làm, những công gắng sức của tôi là theo thói người đời mà làm đấy thôi, chứ thật ra tôi không tiện ở đây, cho là tạm thời hết cả. Vì thế mà lúc nào tôi cũng buồn, buồn rằng cái óc như người khác mà không sao sống như người khác được.

Tôi tưởng thế mới là văn minh; chứ biết đo hết cả vũ trụ, biết thấu hết mọi cái huyền biến vạn vật, biết hết cả mà rút lại ăn ở với nhau không nên thân, lấy cái óc mà nghĩ cách giữ lẫn nhau, thời văn minh làm gì, đưa nhau đến đâu mới được chứ? Hoán cải cái văn minh lại mà thôi.

Bạn tôi nói xong, lặng yên mà nhìn lên trăng cao tít trên trời, nét mặt thanh thản như chan chứa cái vui, tôi nhìn anh Lưu mà tôi thương hại cho tôi. Tôi nói với bạn rằng:

- Anh là người sung sướng vì anh sớm biết theo cái chí hướng của anh, không cần thiên hạ, còn tôi ngày ngày hai buổi đi về, tôi có phải là tôi đâu, cái đời tôi thật là khổ nạn quá. Không biết sau đây, anh đạt được mục đích, có để cho tôi về nương thân ở đây không, hay cái lòng tôi còn tục quá, còn hám tiền của, danh lợi quá, vẫn ưa những cái phiền phức, xấu xa, chưa biết yêu cảnh thiên nhiên nên không đáng là người đồng chí với anh chẳng. Nếu thế thì từ nay tôi xin luyện hồn trước đi, còn về đường vật chất chắc anh làm cho tôi thoát ly ra dễ lắm. Nhưng tôi giúp gì anh được, các công việc tôi học mấy năm trời vứt đi cả, lệ luật mà tôi nhồi vào óc bấy lâu dùng ở cái xã hội nhân công tổ tạo này thời nay còn được, chứ nó sống sướng lắm nên quẳng nó đi cho nhẹ óc, trước kia tôi cũng có cái ý nghĩ như anh, nhưng còn mập mờ chưa rõ, là vì sợ người khác, sợ người khác họ chê là tại mình dốt, mình yếu nên không chen được với họ nên mới đâm ra nghĩ như thế. Và đời sống là sống thế này rồi, ai ai cũng công nhận như thế, nay trái hẳn lại, mấy người đã có cái gan ấy!

Sáng hôm sau, bạn tôi nói xin về, tôi cũng không giữ lại.

Tôi định tiễn tiễn tàu thời bạn trả lại không lấy mà bảo rằng:

- Hôm nào thư thả mời anh lên chơi với tôi cho khuây khỏa nhưng chắc anh bận lắm thì phải, chỉ ngày lễ mới đi được thôi. Mẹ cháu ở nhà năm nay tơ tốt có dệt được mấy tấm lụa đẹp, hôm nào anh lên sẽ xin tặng gọi là một chút quà ở nơi sơn trại.

Bạn tôi về Từ Lâm, còn tôi lủi thủi vác ô vào sở. Nghĩ mà cũng phải: Ở đời sống là thế này rồi, ai cũng công nhận như thế, nay trái hẳn lại, mấy người đã có cái gan ấy.

23-10-26

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Sư Bác Chùa Kênh

Chùa Kênh ở trên đỉnh một cái đồi cao, quạnh hiu vô chừng. Đường lên uốn khúc, rải rác một vài hòn đá núi tim tím nằm trên sườn cỏ xanh, trở trở đã mấy nghìn đời như để chứng kiến những sự đổi thay của trời đất. Chùa cũng cổ lắm, chung quanh có một vài cây thông gió hắt hiu. Về buổi chiều lên đồi, thấy cái chùa đó, giá lòng người tê tái, thế sự thờ ơ, tưởng có thể đem tấm thân suy mòn mà nghìn năm gửi cùng cỏ cây chốn này được.

Tu hành trong chùa đó, có một ông sư cụ đã ngoài bảy mươi tuổi, một ông sư bác trạc độ tứ tuần và một vài chú tiểu ngây ngô ngày ngày quét lá cửa chùa.

Sư bác chùa Kênh đã nổi tiếng khắp vùng ấy, là một ông sư chân tu; ông học thâm lắm, bao nhiêu sách Phật, thiên kinh vạn quyển ông đều xem cả. Ông càng xem càng hiểu thấu lẽ Phật, càng biết đời là cõi hư vô, bể khổ mông mênh, không bờ không bến. Suốt ngày ông ngồi tụng kinh gõ mõ, nét mặt đăm đăm, không lúc nào nhãng, khi nào mệt thì lại nằm trong giường mà niệm Phật. Người ông xanh lợt như cây cỏ, hai con mắt ông sáng quắc như hai ngôi sao. Bao nhiêu các sư ở vùng quanh đây đều tôn trọng ông lắm, thường đến nghe ông giảng thuyết về sách Phật.

Chiều chiều ông lê gậy trúc quanh chùa đứng rũ tay mà nhìn xuống thế gian khổ sở điên cuồng; làng mạc luẩn quất xa gần, tiếng gà gáy chó sủa, người đời sao mà sống nhỏ nhen, nhỏ nhen thế? Ông nghĩ đến câu "nước mắt chúng sinh trong ba nghìn thế giới, đem chứa tích lại còn nhiều hơn là nước trong bốn bể" mà ông đem lòng thương chung cho muôn vạn

con người dưới chân ông đương xâu xé, đâm giết nhau; ông thương nên ông muốn ra tay cứu vớt kẻ đắm chìm trong bể khổ.

Đêm đến ông ngồi tĩnh tọa, rồi lại niệm Phật đến gà gáy tỉnh quá nửa đêm mới đi nghỉ. Ông tập tĩnh tọa đã ngoài mười năm, đêm nào cũng không bỏ, thành ra trí sáng suốt thấu hút mọi lẽ ở đời. Ngày nào cũng như thế mà không bao giờ chán nản, trong lòng lúc nào cũng thanh thoi, không buồn không vui như đã đến được cõi Nát Bàn rồi vậy.

Trước cửa chùa Kênh có một cái tượng đá cao hai thước, không biết ai tạc nên mà để vào đây, chỉ thấy nói của một người Tàu đem cúng vào chùa từ đời hậu Lê. Một hôm sư bác thơ thần, chợt nhìn thấy trên chính giữa đỉnh đầu pho tượng có một lỗ thủng to bằng đồng hào, gõ vào tượng thời thấy kêu biết là tượng rỗng.

Ông nghĩ cũng kỳ cho bức tượng bằng đá mà cũng rỗng được nhưng cũng không để ý. Tối hôm ấy ông ngồi tĩnh tọa, thấy không được tĩnh tâm như mọi khi, phảng phất cái lỗ đen trước mặt, trước còn to bằng cái lỗ thủng trên đầu pho tượng rồi cứ to dần, to mãi, lâu lâu bằng cái miệng bát, bằng cái mâm, cái nong, cứ to mãi rồi thì chỉ thấy bóng tối như ban đêm mờ mờ mê mê vô hạn, một lúc thấy lơ mơ như có ánh lửa lòe ra tắt đi, dần dần trông rõ một cái vạc dầu, tiếng người than khóc, có hai đứa quý sứ, tay cầm đình ba đương đứng nhìn ông chòng chọc một lúc thì... biến mất... Ông hơi có ý sợ thành thử phải cố ý nghĩ xem tại sao pho tượng đá ấy lại rỗng và có cái lỗ thủng trên đầu; ông cứ tự hỏi tại làm sao cho đến sáng mới nghĩ ra. Ngày hôm ấy ông ra xem lại thời quả nhiên ở chỗ rỗng pho tượng lại có một cái lỗ thủng nữa nhưng bé lắm, thật đúng như trong trí ông đoán cả. Cũng vì ông tĩnh tọa đã lâu, nghiền ngẫm câu "tự giác nhi giác tha" nên mới có cái trí sáng suốt nghĩ ngay ra được như thế. Tối đến ông lại tĩnh tọa một lần nữa thời trăm phần không còn phần nào sai được.

Tối hôm ấy là ngày mồng hai tháng chạp, trời rét như cắt, tối đen như mực, ông đợi cho sư cụ và các tiểu ngũ kỹ rồi, mới trở dậy cầm cây đèn,

một cái chuông và một vò nước lớn, mở cửa ra ngoài chùa, hơi thấy tiếng động thì lại đứng dừng ngay lại lắng tai nghe. Tiếng thạch thùng kêu, tiếng chuột chạy trên mái chùa, ngày thường những lúc ông tụng kinh ông vẫn nghe thấy luôn mà bây giờ như dọa ông, làm ông run sợ không khác gì kẻ gian nghe thấy tiếng động vậy. Khó nhọc lắm mới đến được chỗ pho tượng. Ông lấy vò nước đổ vào cái lỗ thủng trên đầu tượng rồi soi đèn vào chỗ lỗ ở rốn xem thì quả nhiên có một tia nước phụt mạnh ra hai thước. Ông mừng quá, nhận xem tia nước ra xa đến đâu, đánh dấu lấy chỗ ấy, rồi cầm chuông đào đất. Đào đã sâu mới gặp một viên gạch, bật lên thì thấy một cái chum có cái vung to đập lên. Nhà sư chân tay run lấy bấy cú xuống nhấc cái vung ra, giơ đèn nhìn vào thì quả nhiên thấy một chum đầy vàng cốm dưới ánh đèn chói lọi, nhà sư lúc bấy giờ mắt hoa lên cho hai tay vào chum mà quờ mà bốc!

Dưới chân đồi, làng mạc ngủ yên cả thỉnh thoảng thấy có ngọn đèn sáng, một vài tiếng chó sủa xa xa. Êm đềm thay! Suốt ngày khó nhọc, người nào người nấy cuốn chăn ngủ kỹ, nhưng trong cái nhà có đèn sáng kia biết đâu không có hai vợ chồng nhà ai, trai tài, gái sắc, dưới ánh đèn xanh, đương chung bóng cùng nhau câu chuyện ân tình... biết đâu.

Nhà sư cho vàng vào bao, đập chum lại rồi lấp đất y nguyên như cũ.

Sáng hôm sau thấy mâm cơm mấy quả cà mà ngao ngán, trông đến các tượng ngồi mà tênh sự đời.

Được mấy ngày khắp suốt vùng ấy, ai ai cũng hỏi nhau ngỡ ngác không biết sư bác chùa Kênh lên tiên hay đi đâu mà biệt vô âm tín.

Ba năm sau, ký giả thấy ông ra ứng cử nghị viên thành phố Hà Nội.

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Làm Gì Mà Bận Khoản Thế?

Nếu ai biết ở đời cái gì cũng là ảo mộng, là người ấy khổ mà mục đích ở đời là sự hạnh phúc thời chẳng là trái ngược lắm sao. Khốn nhưng nếu không nghĩ gì mà được sung sướng thời dễ chứ đã biết nghĩ rồi, biết nghĩ là cái nguồn khổ về tinh thần, muốn thoát ly ra thật là khổ lắm. Nhiều người lại cho cái đau đớn là cao thượng, là cái lẽ sống của mình, lấy đấy làm cái mục đích ở đời, nhưng thiết nghĩ cũng là ở tại cái bình phẩm của người khác mà gây nên đấy, chứ trong thâm tâm cũng tự biết ở đời không phải là chỉ để chịu cái đau khổ mà thôi. Không muốn đau khổ mà cũng không ù lì mặc thạch, chỉ là muốn có tư tưởng mà được thành thói trong lòng, nhưng muốn cả hai như thế thật là khó khăn vô cùng. Không biết các bậc hiền triết ngày trước lánh người đời lên núi bặt với thông, với hạc có giữ lòng mình được yên ổn không hay là dẫu đi đâu đi nữa mà không đổi được lòng mình thời cái khổ kia vẫn liên miên vô tuyệt.

Phạm Đài lúc còn đi học cũng có tính điềm đạm, thâm trầm hay nghĩ sâu xa, mới ngoài hai mươi tuổi mà người đã già cỗi, trước khi làm việc gì thời đo đắn ngược xuôi rồi mới làm, có khi nên làm mà lại không làm nữa. Lúc đỗ tú tài tây xong, đưa đơn xin được bổ ngay tham biện ở một tỉnh nọ.

Mỗi buổi đi làm về, nhân có thì giờ rồi nên xem được nhiều sách lắm, tư tưởng cổ kim đông tây đều thiệp liệt qua cả bắt óc mình phải suy nghĩ nhiều. Anh em bạn đến thường vẫn nói đùa rằng: "Anh hay xem nhiều sách tán óc quá, chỉ thêm được cái tính tự cao tự đại, bõ rồi ruột gan mà thôi. Chẳng qua cũng chỉ một bọn nông cuồng không lấy con mắt như người khác, đem cuộc đời mà "tán óc" ra, kẻ nọ khen kẻ kia, chẳng qua cũng là để tán óc lẫn nhau".

Phạm Đài ngày ngày hai buổi ung dung lên xe nhà vào sở tưởng cũng khổ tâm lắm. Mỗi bận ở sở ra như là thoát khỏi nhà ngục tù vậy. Từ lúc đó trong lòng bản khoán không lúc nào yên, cái bản khoán vô cố vô hình như nhấm gan đục óc, muốn giữ đi mà không tài nào được. Không còn vui về một cái gì nữa, ăn cơm cũng không thấy ngon, động làm cái gì thời khó chịu, mà cứ ngồi yên không làm gì thời khó chịu hơn. Nếu ngủ đi thời thôi, khi tỉnh dậy nghĩ đến tại sao mình lại bản khoán để tìm cách đuổi nó đi thời cứ bản khoán mãi.

Xưa kia, khi chưa có nỗi gì đau đớn, vẫn tưởng nếu mắc phải thời một chốc nó đến đột ngột như người bị sét đánh. Không, cái buồn ấy chỉ thoảng qua mà còn có nghĩa lý đôi chút. Cái bản khoán này mới gớm ghê. Phạm Đài một hôm bực quá, tự than rằng:

- Cái buồn cái lo nhỏ mọn làm gì bứt rứt thế? Ôi! Con người ta sinh ra là mảnh bụi làm gì mà bản khoán thế? Ta hãy quên đi, ta hãy nguôi đi.

Phạm Đài tự nghĩ mình hay suy xét về nghĩa lý ở đời mà công việc mình làm đây lại không có nghĩa lý gì mới nên thế chẳng, nghĩ vậy viết đơn bỏ phăng. Ở nhà ai cũng tưởng một người như thế là sung sướng lắm, mà kể ra cũng là sung sướng lắm rồi thật.

Tự bấy giờ Phạm Đài về ở nhà, bắt buộc mình không được xem sách gì nữa; bây giờ muốn được yên tâm, yên tâm để hưởng cái vui để chịu cái khổ thời không nên nghĩ quá đến cứu cánh mọi sự ở đời. Không thể thời cái khổ đã vô nghĩa lý, đến cái vui cũng không còn nghĩa lý gì nữa. Ta không nên tự hỏi "tại sao" nhưng nên tự hỏi "làm thế nào", vẫn biết việc gì cũng là mộng ảo, nhưng đã để tâm đến việc gì thời phải cố đạt cho kỳ được.

Từ lúc đó xoay về kỹ nghệ, mở một cái nhà máy to, cố để tâm vào việc buôn bán mà quên đi cũng không tài nào quên được, nó cứ theo đuổi hoài.

Sau lúc đi ngoài đường thấy đám trẻ nô đùa, mấy cậu công tử quần áo tây nghênh ngang cười cợt mắt liếc mấy cô tiểu thư mặt hoa da phấn, thấy họ yên tâm mà sống như thế cũng ước ao được như họ, tuy thế thời nhỏ nhen đê tiện thật, song ở đời thế nào là to tát mà thế nào là nhỏ nhen?

Bao nhiêu tiền cổ phần rút ra hết, ăn chơi cho thật sung sướng, nhưng quần áo có khác, thức ăn chơi có thay đổi luôn mà lòng vẫn y nguyên như cũ.

Phạm Đài cho bọn ấy là những đồ khốn nạn đến nỗi muốn bắt chước những đồ khốn nạn ấy mà không xong, không tài nào hưởng cái vui gì cho toàn vẹn cả mà có vị gì đâu. Nhưng cho mình là gàn là điên đến thế nào cũng vẫn thế. Đến cái khổ của mình cũng không có nghĩa lý gì thời có bực tức không.

Phạm Đài tưởng tượng bây giờ đi làm nghề kéo xe thời có khác gì không, chắc vẫn thế mà thôi, chỉ đổi cái bề ngoài không ăn thua, cốt chính là ở mình, muốn thoát ly thời phải giữ lòng mình được thanh thoi, giá lúc bấy giờ có cái suối tiên nào mà tắm được nhẹ nhàng tắm thân, làn nước nào làm trôi sạch cả cái bực tức ấy đi thời khoan khoái đến đâu. Bấy giờ đem những sách về đạo Lão ra mà xem xét suy nghĩ, khao khát muốn được như các cụ ẩn dật ngày xưa. Một hôm bỏ nhà, bỏ vợ con (tuy lòng thế mà vẫn lấy vợ, vẫn có con nghĩ cũng kỳ) lên rừng núi ở tưởng lên đây là có thể giữ sạch được cả. Nhưng đem thân mình đến đâu là nó theo đuổi đến đấy, có khi tức quá lấy tay chỉ lên đầu mà than với mình rằng: "Nó ở đây, đi đâu mà không có nó được". Trong lòng không tĩnh thời dầu thu mình vào hạt bụi, ẩn bóng trên cánh hoa, ruột gan vẫn nung nấu như thường. Hay là lấy giọt nước cành dương mà an ủi mình chẳng, nhưng lòng ta không có tín ngưỡng nữa rồi đến cả vũ trụ này cũng không tin thời tin ai được nữa, mà tin ai bây giờ?

Phạm Đài lại tự hỏi: Nhưng cũng có nhiều người như mình mà vẫn được yên tâm, vẫn sống như người khác có làm sao đâu.

Phải biết rằng đối với những người hay ngẫm nghĩ về nghĩa lý ở đời như thế thì chỉ có hai cách sống mà thôi. Một là hành động, hành động cho đến kiệt lực cho mãn chiều xế bóng, lấy cái mộng tưởng mà mê sinh trong cái đời hư vô mộng tưởng này. Hai là không thiết gì nữa, cứ để ngày tháng đi qua như dòng suối chảy, không sợ chết mà cũng không mong cái chết, mình không sợ chết, mình cũng không mong cái chết mà vẫn không tỉnh tâm thời chỉ có cách trên họa may là có thể giải thoát cho mình chăng? Nhưng làm thế nào mà tìm cho mình được cái mộng tưởng mê mình bây giờ, tìm ở đâu cho thấy nữa. Vì chỉ tại rằng cái mộng tưởng nào mình cũng biết nó là mộng tưởng mình mới đến nỗi mang cái đau khổ bản khoắn trần trọc trong bấy nhiêu lâu!

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Giật Mình Tinh Dậy

Cái đêm tôi trồng rau cách trại độ nửa ngày đường. Đến mùa hoa nở tôi đem một chiếc thuyền với người con cả tôi ra ở để coi sen, vì đấy xưa nay vẫn có lắm đũa hay đến hái hoa trộm. Nhân tiện mang theo mấy cái cần câu và mấy cái lờ nan để bắt cá.

Cái nhà lều coi sen, tôi làm đã lâu, nay mục nát và hư hỏng nhiều chỗ. Nhưng mà có gì đâu? Chỉ có bốn cái cọc cắm xuống đáy nước, mấy tấm phản gỗ nằm ngang với một cái mái lá trùm hụp lên trên. Đằng trước có một cái cửa con trông ra dải sen, phía sau treo một cái màn hình rách.

Trong nhà nào chăn, nào chiếu, nào gối bừa bộn, một bên để chỗ nằm, còn một bên làm bếp nấu nướng. Trên mái treo mấy cái rế đựng đồ ăn, và củi để thối.

Khi nào mưa to gió lớn, căn nhà lều cứ lung lay hình như muốn đổ sụp xuống nước. Tôi quấn cái chăn nằm trên chiếu, mặt quay ra phía dải sen để trông trộm. Tôi phải đắp chăn vì đêm ấy ở ngoài trời làm rét lắm.

Những đêm trời bình tĩnh, tôi không đi ngủ mấy khi, tôi ra ngòi phía sau lều, cuốn màn lên câu cá, có khi đến nửa đêm chưa thôi. Sát vào nhà lều có một cái bãi vào độ một mẫu đất, nổi lên trên mặt nước. Trên bãi có vài cái mả Khách đã lâu ngày lắm. Chen vào đám cỏ rậm, có một con chó đá ngồi yên lặng như để canh giữ lấy cổ lăng. Họ đồn rằng trước Tàu có phong thần để giữ của ở đây. Những hòn đá rải rác bên mộ, con chó đá ngồi trơ trơ, những hốc tối, những con rắn bò trong đám cỏ dưới bóng trăng lờ mờ, trông thấy dấu người bạo đến đâu cũng kinh khiếp.

Một hôm chỉ có một mình tôi ở ngoài lều; đưa con cả tôi vì bận chút việc phải về nhà. Hôm ấy tôi ngồi câu đến khuya lắm, trời vẫn lặng lẽ như thường không có sự gì lạ cả. Vào độ nửa đêm bỗng nhiên trời tối sầm lại: Trông lên, mây kéo tối đen, không còn một ngôi sao nào. Được một lúc trời mưa xuống như trút nước. Tôi vội cuốn cần câu rồi buông mình vào trong lều, bỗng nghĩ thầm rằng đêm nay gió bão thế này chắc không đứa nào dám chèo thuyền hái trộm hoa. Nghĩ vậy liền đi ngủ, lấy chăn đắp kín. Vì gió lọt vào lạnh cả chân tay.

Ngủ một mình trong cái lều nhỏ giữa đầm nước mông mênh vào một hôm mưa to, gió lớn như đêm nay, cứ nghĩ đến cũng đủ sợ rồi. Ngay bên cạnh tôi nằm lại có mấy cái mả Khách. Không biết ma Khách đêm nay có đến trêu ghẹo mình không. Bụng nghĩ vậy, rồi thiu thiu ngủ lúc nào không biết. Nhưng trí tôi hay nghĩ đến cái mả Khách, nên lúc đi ngủ, chiêm bao thấy rất ghê rợn; ở trong lều như có một cái đuôi sam, động đậy được, bò ở phen rồi tự nhiên rớt ngay xuống trước mặt tôi. Tôi giật mình tỉnh dậy.

Ngoài lều vẫn mưa to, lắng tai nghe chỉ thấy gió ào như sóng bể vỗ vào bờ.

Tôi nhắm mắt sắp ngủ, sau thấy bụng lạnh lạnh và như bị cái gì đè lên, bèn lấy làm nghi, lặng yên, cố sức nghĩ xem vì có gì, rồi lần lần đưa tay lên bụng sờ thấy một vật tròn và nhờn nhờn. Tôi sợ quá run cả người nhưng phải nín hơi không dám cựa quậy. Tôi lấy tay sẽ lật chăn lên, thì vừa có một cái chớp sáng rực. Trên bụng, tôi trông thoáng một con rắn bằng cổ tay nằm vắt ngang. Tôi trông thấy không còn hồn vía nào nữa, muốn vùng trở dậy nhưng lại sợ nó cắn. Tôi đợi đến cái chớp thứ hai, rồi giơ tay thật nhanh nắm lấy cổ con rắn đứng ngay dậy. Con rắn giẫy lên mấy cái ngoi ngóp đầu rồi cong đuôi lên châm vào cổ tôi đau quá, nháy lùi lại một bước may sao con rắn không nghĩ đến cắn, bò lần theo phen rồi nhân lỗ thủng chui xuống bãi.

Tôi đã thoát khỏi nạn, mà chân tay vẫn run lấy bấy, ngồi thu hình giữa chiếu không dám đắp chăn nữa.

Ngoài lều trời tối đen như mực, cơn mưa đã tạnh chỉ thỉnh thoảng còn vài cái chớp rớt lại. Trên bãi tôi trông thoáng có bóng người, không biết ai dám bạo gan, đến đây trong lúc đêm tối tăm này? Tôi vội lấy tay vạch mảnh mảnh trông ra bãi. Một cái chớp nhoáng ở phương xa làm sáng rực cả góc trời. Gần mà Khách, tôi trông rõ hai bóng người: Một người đứng còn một người ngồi xống như đào vật gì. Hai cái bóng người ghê gớm đương đào mà làm tôi khiếp đảm.

Một chốc có ánh sáng ngọn đèn bật ra giữa đêm tối, nhờ đấy nên tôi trông thấy hình hai đứa.

Đứa ngồi mặt hung tợn, người to lớn đầy đà. Thằng đứng đưa hai mắt sáng quắc nhìn ra bốn phía, tay giơ đèn soi vào hốc tối, còn mồm thì lầm bầm nói gì tôi không nghe rõ, vì lúc bấy giờ gió thổi còn mạnh lắm.

Chúng thò tay móc ở trong mả ra mấy miếng gỗ nát rồi rút dao cạy sãng, một lúc lâu, thằng cầm đèn thò tay kéo ra một cái hòm gỗ con quần đai sắt chặt chẽ, rồi đưa cho thằng kia cầm. Trong mả dưới ánh sáng ngọn đèn, tôi không thấy một cái xương người nào. Chúng xếp gỗ sãng vào rồi lấp lại như cũ, một thằng đưa mắt về phía lều, hai con mắt sáng quắc ghê gớm như hai mắt con ma. Ngọn đèn tắt; đêm lại tối đen như thường. Tôi sợ chúng nó đến giết nên không dám đánh tiếng, lặng yên để chúng nó đi khỏi rồi mới về chỗ cũ.

Bỗng tự nhiên tôi thấy rùng mình, sờn óc, tóc gáy dựng ngược lên, tôi nghĩ đến con rắn, đến con rắn lúc này nó nằm ngang trên bụng, con rắn ấy chính nó ở dưới mả nó bò lên, chính là thần giữ của cho hai thằng Khách ấy.

Sáng ngày hôm sau tôi ra ngoài mà thấy vết đào còn mới, ngay bên má có một cái xác rắn to, vướng trên bụi cây.

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Vuông Vải Trắng

Minh Tử là một người học trò nhà nghèo rất hay chữ, cha mẹ qua đời cả, lấy được người vợ tên là Trần Thị con nhà giàu có. Chàng ở gửi rể ở đây, giang sơn chỉ có hai cặp sách, ngày ngày nấu sủ sôi kinh. Trần Thị vốn tính xấu láo mà ác nghiệt, lại cậy mình giàu có, hay chê chồng dài lưng tốn vải. Minh Tử thế bách thường vẫn phải nhịn, đọc sách mà lơ đi.

Một hôm có hai người bạn thân ở Thái Nguyên đến chơi; liền bảo vợ làm cơm thết đãi, rồi ra tiếp chuyện bạn, nói những việc Tam hoàng ngũ đế bình những thơ Lý Bạch, Đỗ Công, nào luận về thuyết Dương Minh, nào bàn về văn Trang Tử; đã khám phá được nhiều điều trong rừng văn kim cổ, xong xem ra nói chuyện cũng đã lâu. Liếc mắt trông xuống dưới bếp thời thấy khói lạnh tro tàn, lắng tai nghe không thấy tiếng mâm, tiếng bát, có ý chột dạ. Lén dò xuống thời thấy trên bếp có một cái nồi đồng to đánh sáng choang, trong để một chồng sách, bên cạnh có để một cái thớt với con dao. Tinh thần Minh Tử lúc bấy giờ băng lạnh, đành phải gọi hai bạn thân xuống bếp chỉ vào mà nói.

- Tôi lấy phải vợ không ra gì, các bác đến chơi bảo nó dọn cơm thết đãi, thời nó làm ra thế này là có ý bảo chỉ có sách, thời đem lược sách đi thái ra mà thết bạn, thế có cực không. Để tôi xem có cái gì hai anh đem ra cầm rồi vào hàng cơm ăn vậy.

Các bạn vội nói:

- Ấy chết, chúng tôi cũng có tiền cả đây chứ không đâu, tưởng là bạn thân thời vào nói chuyện ăn cơm, không có thời thôi, chứ có ngại gì.

Tối hôm ấy Minh Tử lấy sách cho vào cặp, bao nhiêu quần áo nhà vợ may cho trả lại cả, chỉ mặc có cái áo rách và một cái quần cũ của mình ngày trước, định chí trốn đi. Trần Thị sang nhà bố mẹ ngủ không về. Sáng sớm tỉnh mơ, Minh Tử gánh sách đi thẳng, không còn quay cổ lại nữa. Đi mãi, ai ngờ cái quần cũ quá, càng đi càng rách tứ tung, mà chỉ có cái áo cánh, không sao che đậy được, song cứ nhắm mắt đi liều. Đến gần một cái giếng thời gặp mấy cô con gái đi gánh nước, xấu hổ quá, phải ẩn xuống giếng. Họ kêu rầm lên:

- Ô hay! Giếng nước cả làng người ta ăn, cái bác này hư quá.

Minh Tử luống cuống nói rằng:

- Thưa các cô, quả tôi không dám thế, tôi vốn là học trò nghèo, quần áo rách tứ tung cả, không có cái khố mà mặc, thấy các cô thẹn quá phải xuống ẩn ở đây, các cô không tin thời đã có hai cặp sách mà tôi để bờ kia.

Họ nhìn thấy cặp sách, không nói gì nữa gánh nước về, một lát lại ra. Có một cô xinh nhất đám ấy lần khân ở lại sau, đợi chị em xa rồi đi ghé qua chỗ Minh Tử ngồi ném cho mấy vuông vải trắng cô vừa dệt xong, rồi cứ lặng yên gánh nước đi thẳng.

Minh Tử đóng khố rồi gánh sách chạy theo hỏi:

- Thưa cô tôi hỏi không phải, cô làm ơn cho biết tên cô là gì để sau này đền ơn.

Cô kia không trả lời, Minh Tử cứ lạch cạch vác sách theo mà kêu, đến cổng làng hỏi đám trẻ thời mới biết tên cô ấy là Thảo, con ông Lý cự trong làng.

Hỏi xong lại gánh sách đi, đi mãi mỏi chân và đói bụng quá, sẵn có bóng cây đa ở giữa đồng liền ngả lưng nằm ngấm sự đời.

Ông chánh tổng ở làng gần đấy trưa nằm ngủ thấy có thần báo mộng rằng cánh đồng làng nhà người có ông Trạng bây giờ đang đói nằm ở gốc đa. Ông Chánh giật mình thức dậy lấy tay dụi mắt mà lầm bầm nói khôi hài một mình rằng:

- Quái, ta tỉnh hay mơ. Trạng nào lại nằm ở ngoài cánh đồng mà Trạng nào lại đói bao giờ. Song thần nhân báo mộng, thử ra xem sao.

Liên lấy nón ra chỗ cây đa thời chẳng thấy Trạng nào cả, chỉ thấy một anh đóng cái khố trắng đương nằm bắt chân chữ ngũ ở đấy, hỏi thời nói học trò nghèo, lỡ đường đói bụng nằm đợi chết. Ông Chánh liền mời ngay về nhà dạy học con mình, may quần áo, cấp lương cho tử tế.

Năm năm sau quả nhiên Minh Tử đỗ Trạng Nguyên làm quan tại triều. Một hôm nhớ người con gái gánh nước năm xưa, liền xin nghỉ đi tìm nàng, ăn mặc như người học trò kiết; tìm đến cái làng ấy thời họ nói nàng đã lấy chồng, bây giờ chồng chết, ở vậy nuôi con. Một hôm đón nàng ở ngoài đường mà chào:

- Cô còn nhớ người học trò ngồi ẩn dưới giếng không?

Nàng nhìn một lúc rồi nói:

- Phải tôi nhớ ra rồi, nhưng bây giờ ông muốn đến xin tôi gì nữa.

Minh Tử nói rõ ngay rằng:

- Tôi muốn cùng cô kết nghĩa trăm năm.

Nàng đỏ mặt lên mắng là số sòng, rồi bỏ đi.

Minh Tử lên huyện xưng danh hiệu rồi bắt cho giấy về đòi nàng lên, nàng chỉ khóc mà nói:

- Tôi đã thề giữ trinh tiết với chồng, thời tôi xin giữ cho đến suốt đời. Quan Trạng ngài biết tới, thời cũng xin tạ lỗi mà thôi, sự đã quá rồi, không sao được nữa.

Minh Tử cố khuyên thế nào cũng không nghe, cho nàng tiền bạc bao nhiêu nàng cũng từ chối cả.

Minh Tử than rằng: Cái danh phận, cái phú quý của ta không đủ cảm được nàng, mà mấy vuông vải trắng của nàng cảm ta sâu xa đến thế!

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Thế Rồi Một Buổi Chiều

Dũng bước trên con đường làng. Ban trưa, đường vắng, tiếng gió thổi kẻo kệt trong những rặng tre già lẫn với một vài tiếng gà gáy xa xa đưa lại và tiếng trong trẻo của mấy đứa trẻ nô đùa dưới ánh nắng ấm áp. Dũng cứ cắm đầu bước, tuy chàng vẫn biết rằng lần này khó lòng thoát được; từ nửa đêm đến giờ, chàng đã chồn chân, đi hết làng này sang làng khác, nhưng không có một nơi nào để chàng tạm ẩn.

Bên đường, cạnh vài gốc thông già, mấy người con gái xúm quanh một cái giếng khơi đương kéo gàu lấy nước. Dũng khát ráo cổ, nhưng vẫn không dám dừng lại xin nước uống, sợ người ta nhận biết mặt mình. Chàng cắm đầu đi, văng vẳng nghe sau lưng tiếng gió reo trong rặng thông, tiếng cười nói của mấy cô con gái và tiếng nước chảy từ gàu xuống giếng sâu.

Đi gần hết làng, Dũng trông xa ra: Ở giữa tận chân trời, thấp thoáng có mấy nóc nhà gạch. Chàng biết đó là dãy phố huyện V.D., chàng biết rằng chàng đã cùng đường, tiến không được nữa, lùi tất gặp người đuổi mình. Chàng rẽ liều vào một cái ngõ con, đi hết một quãng, gặp một cái cổng chùa, nửa khép nửa mở. Dũng chép miệng:

- Cứ liều.

Liều, vì chàng biết rằng vào đây chỉ là đợi người ta đến bắt. Dẫn sao, khi đã khép cổng lại rồi, Dũng thở dài, người như nhẹ hẳn. Một dãy hồng nở hoa, thoang thoang đưa hương thơm. Dũng đi qua một cái vườn rộng, vừa vào đến gần chùa, thì một vị sư bà chạy ra nói:

- Ấy chết mời thầy ra ngay cho, chùa này là chùa sư nữ ở.

Dũng ngần ngừ nhìn sư bà, rồi trả lời ngớ ngẩn:

- Nhưng tôi đã trót vào rồi thì để tôi vẫn cảnh chùa đã. Rồi Dũng nhìn ngang ngửa như một nhà khảo cổ, ngắm nghía vẻ đẹp của nếp chùa. Thật ra chàng đương loay hoay tìm cách ẩn thân, ngắm nghía mãi rồi sư bà cũng đến mời ra thôi.

Mười lăm phút sau, khi đã xem khắp các nơi để tìm chỗ trốn, Dũng đứng vờ đọc những chữ mà chàng không hiểu trên một tấm bia cổ. Bỗng có tiếng người đẩy cổng chùa. Chàng giật mình, lắng tai nghe, nhưng lại yên tâm ngay vì thấy có tiếng cài then cửa lại. Chắc là có người nào ở trong chùa vừa đi đâu về. Dũng thấy động sau lưng, quay lại: Đôi mắt hoa đương dăm dăm nhìn chàng, đôi mắt ngạc nhiên của một cô sư trẻ tuổi.

Dũng như không để ý đến người sư nữ, lại vờ nhìn bia. Một lát sau, sư bà lên cùng với sư cô trẻ tuổi, vừa cất tiếng mời Dũng ra, thì ngoài cổng có tiếng đập mạnh. Ba người cùng lặng yên, lắng tai. Dũng tiến đến gần sư bà, van lơn:

- Bạch sư bà, tôi sống chết bây giờ là ở tay sư bà, xin sư bà thương mà cứu tôi. Họ sắp vào bắt tôi, tôi... một người...

Tiếng sau cùng chàng nói thật khẽ, nhưng hai nhà sư cùng nghe rõ, và thấu ngay tình cảnh nguy cấp của người khách lạ thăm chùa.

Sư bà đưa mắt nhìn sư cô, còn sư cô vẫn dăm nhìn Dũng không chớp. Tiếng gõ cổng ngoài một lúc một mạnh.

Dũng nói:

- Sư bà cho phép tôi đi trốn... Nhưng ẩn đâu. Ẩn đâu bây giờ?

Trong lúc sư bà còn đương lưỡng lự chưa biết xử trí ra sao, thì sư cô điềm nhiên, nói một cách bình tĩnh như không:

- Được, ông vào buồng tôi mà ẩn.

Rồi cô lấy tay chỉ về phía nhà trái, bảo Dũng:

- Ông xuống ngay đi!

Tuy đương lo sợ, hốt hoảng mà Dũng cũng phải lấy làm ngạc nhiên về cử chỉ của cô sư. Chàng thoáng thấy một vẻ đẹp oanh liệt, lạ lùng hiện trên nét mặt dịu dàng của người sư nữ đã tìm cách cứu chàng, che chở chàng như một người chị.

Trong lúc Dũng ở trong buồng tối, nép mình sau mấy bức hoành phi và câu đối, thì sư cô lên tiếng hỏi người gõ cổng:

Một lát sau, Dũng thấy có tiếng người đàn ông nói:

- Lạ thật! Có người bảo đi vào ngõ này mà tìm đâu cũng không thấy.

Và tiếng người sư nữ đáp lại:

- Chùa này lúc nào cũng đóng cửa, ai vào được đây.

- Họ trèo tường vào.

- Các ông thử đi xem.

Tiếng sư cô trả lời bình tĩnh như không, im một lát, rồi Dũng thấy tiếng chân đi về phía cổng và tiếng cài then. Chàng vững tâm lại gần cửa nhìn qua khe ra ngoài, thấy hai sư đương đứng ở sân bàn chuyện.

Sư bà nói với sư cô:

- A Di Đà Phật! Bây giờ làm thế nào?

- Bạch sư bà con nghĩ nên để cho người ta ẩn đến chiều.

- Thế ngộ làng nước...

- Bạch sư bà... ai biết được.

Thoát nạn Dũng bước ra, đến gần hai nhà sư ân cần tạ ơn và xin đi ngay để khỏi phiền lòng hai nhà sư.

- Không sao, ông cứ lánh ở nhà chùa, đợi đến sâm sẩm tối hãy đi. Bây giờ ra ngay thế nào được. Họ biết thì lôi thôi đến cả nhà chùa nữa.

Sư bà gật đầu cho là phải và khi thấy Dũng có vẻ mệt, liền ân cần hỏi:

- Thầy chắc đói lắm.

Rồi quay lại bảo sư cô:

- Sư cô lên lấy ít oản chuối xuống đây để thầy ăn cho đỡ đói.

Sư cô lên chùa rồi đem xuống một đĩa đầy oản chuối, đặt trên bàn, mời:

- Có ít lộc Phật, ông vào xơi nước.

Bây giờ Dũng mới để ý đến giọng thanh tao của vị sư nữ, đến đôi bàn tay xinh xắn, trắng trẻo đương nhẹ nhàng xếp lại mấy phẩm oản, và đôi bàn chân nhỏ nhắn trong dép da mộc mạc.

Chàng đói bụng, nôn ăn có dáng ngon lành. Rồi trong khi uống nước, chàng nói chuyện với hai nhà sư về cuộc đi trốn của chàng trước khi đến chùa; thấy hai nhà sư ân cần hỏi han, chàng đem đời mình ra kể qua loa bằng một giọng thành thực và tự nhiên. Chàng sẵn có tài nói, nên dễ cảm động người nghe. Sư bà chốc chốc lại điểm hai tiếng: Tội nghiệp. Dần dần, Dũng biết rằng ông cụ thân sinh ra sư bà trước kia cũng đã gặp cảnh ngộ giống như cảnh ngộ của chàng. Bây giờ chàng mới hiểu vì có sao sư bà không sợ gì tội lỗi, hiềm nghi, để cho chàng ẩn vào buồng sư cô. Còn sư cô

từ này đến giờ vẫn ngồi yên, không nói nửa lời, mắt nhìn ra sân về mặt lạnh lùng, bí mật, có dáng nghĩ ngợi.

II

Trời đã sâm sẫm tối. Gió lạnh nổi lên vù vù lọt qua khe đại. Lấm tấm có vài hạt mưa. Dũng biết là đã đến lúc từ biệt hai nhà sư: Tuy ra ngoài chưa chắc thoát khỏi những nơi canh phòng, nhưng Dũng biết rằng không thể nào đêm hôm ở lại trong chùa, chỉ có một mình mình với hai sư nữ. Sư bà chắc cũng nghĩ vậy, nên khi Dũng tạ ơn xin đi, không giữ lại, thương hại bảo Dũng:

- Thầy cầm vài phẩm oản để đêm có đói thì ăn.

Sư cô vội can:

- Bạch sư bà... Ông ấy chả dám nhận. Cửa nhà chùa không nên để ông ấy mang theo mình. Thôi, để con đưa ông ấy ra cổng.

Trời đã tối, lúc ra không dám đem đèn mà Dũng lại không quen đường, nên phải lần từng bước, theo bóng sư cô.

Khi thoang thoang ngửi có hương hoa hồng, chàng mới biết là đã ra gần đến cổng chùa. Gió lạnh thổi mạnh hơn, mưa đã bắt đầu rơi nặng hạt. Dũng rùng mình: Nửa vì lạnh, nửa vì nghĩ đến những sự nguy hiểm đợi chàng trên những con đường làng chàng không thuộc lối, đêm hôm canh phòng nghiêm ngặt. Hai người cùng đứng dừng lại dưới mái cổng. Sư cô hình như trù trù chưa muốn mở then cửa, quay lại phía Dũng. Trong bóng tối mờ mờ, Dũng đoán thấy hai con mắt nhà sư đương nhìn chàng. Một lát sau, sư cô nói rất khẽ:

- Này ông...

- Sư cô dạy?

- Tôi ngại cho ông lắm. Đêm hôm...

- Sư cô không ngại, tôi đi được, tôi đã quen đi đêm, đã quen lạnh rồi.

- Thưa ông, tôi không ngại gì đêm lạnh nhưng tôi sợ...

Sư cô ngừng một lúc rồi nói tiếp:

- Tôi sợ... Ông không thoát được.

Dũng chép miệng:

- Đành liều vậy? Thôi, xin chào sư cô ở lại. Thật không biết lấy gì tạ ơn sư cô. Suốt đời tôi, còn sống được ngày nào, tôi không dám quên...

Sư cô chùng như cũng hiểu thấu sự cảm động của Dũng:

- Ông tạ ơn gì, Phật. Còn đi... thì bây giờ ông chưa đi được. Vâng, ông không thể nào đi được. Ông nghe tôi... Tôi chắc thế nào ra, họ cũng bắt được ông...

Dũng cứ yên lặng để sư cô nói, chàng cũng chưa hiểu sư cô định ý ra sao.

- Ông...

- Dạ.

- Ông đi theo tôi.

Ngoan ngoãn như đứa trẻ dễ bảo, Dũng lẳng lẳng theo sư cô.

Hai người qua một cái vườn rộng, đi vòng ra sau chùa. Dũng chỉ thấy cái bóng trắng lơ mờ của bức tường và nghe tiếng sột soạt của lá khô dưới gót chân hai người. Sư cô đứng dừng lại sẽ bảo Dũng:

- Ông cẩn thận, có mấy bực gạch.

Rồi hai người trèo lên mười bực thang gạch vào một cái buồng nhỏ: Dững đoán là một cái gác chuông hay gác khánh bỏ hoang. Sư cô bảo Dững:

- Ông đứng yên ở đây để tôi về qua chùa, kéo sư bà thấy tôi đi lâu người quở.

- Thưa cô... Thưa sư cô, sư cô cho biết.

- Ông cứ ở đây, ông hãy tạm lánh ở đây một vài hôm. Ông chớ để sư bà tôi biết. Rồi chúng ta sẽ liệu...

Dững ở lại một mình trong gác tối, còn lấy làm ngạc nhiên về cử chỉ lạ lùng của cô sư. Trên ngọn mấy cây thông gần đây, gió vẫn thổi rì rào, Dững giơ tay ra ngoài cửa sổ hoa thì thấy mưa chưa tạnh. Chàng định tâm lại mới biết mình đòi đi ngay đêm nay là đại đột không biết ngần nào.

Đương suy nghĩ bối rối, Dững thấy có bóng lửa lập lòe dưới chân thang. Sư cô bước lên, tay cầm một cây đèn con, đặt ở bực gỗ rồi lại xuống ngay. Một lát sau lại lên, lễ mễ cắp một bó chiếu nặng.

Dững vội vàng chạy ra đỡ giúp:

- Sư cô tử tế quá. Sư cô nhìn bó chiếu:

- Đêm nay mưa lạnh lắm. Thế này chưa chắc đã đủ ấm. Nhưng mà ở chùa chỉ có chiếu thôi.

- Thưa sư cô, xin đủ lắm rồi. Cảm ơn sư cô.

Dững cảm động. Dưới ánh đèn, nét mặt sư cô nhiễm một vẻ đẹp thần tiên: Hai con mắt từ bi dịu dàng nhìn Dững thương hại, như an ủi chàng.

- Ông có khát không?

Sư cô bước xuống thang còn quay lại đưa cho Dũng một bao diêm:

- Thôi, ông đi nghỉ ngay kéo mệt. Ông nên tắt đèn đi nhờ có người trông thấy.

Dũng cầm đèn chiếu xuống cầu thang. Sư cô vội can:

- Thôi, ông nên tắt đèn ngay đi thì hơn. Tối tôi đi cũng được.

III

Sáng hôm sau, khi Dũng thức dậy, ánh nắng đã xuyên qua cửa sổ, chiếu vào sân, ngoài gác khánh, tiếng chim buổi sáng ca hát hòa với tiếng lá thông rì rào. Dũng ngồi vào chỗ có ánh nắng để sưởi, vì trong người thấy lạnh buốt.

Qua cửa sổ, chàng trông ra một cái vườn rậm rạp trồng toàn ổi và chuối. Dũng toan đứng dậy xuống gác xem xét, bỗng có tiếng chân người bước lên bậc thang. Sư cô tay cầm tích nước và cái chén bước lên, thấy Dũng có vẻ mặt sợ hãi thì mỉm cười nói:

- Ông tha lỗi, tôi làm ông sợ. Nhưng ông cứ yên tâm, sư bà tôi không ra vườn sau này bao giờ. Mời ông xơi chén nước chè nóng. Đêm qua ông nghỉ yên?

Dũng thấy sư cô hỏi han ân cần, có vẻ thân mật hơn hôm trước, nên cũng mỉm cười, đáp lại:

- Đa tạ sư cô, tôi vừa mới dậy được một lát, thì sư cô lên. Tôi chưa kịp định liệu việc gì.

- Ông chớ vội vàng, ông cứ tĩnh dưỡng cho khỏe, vì rồi ông còn phải đi nhiều. Để tôi ra ngoài xem tình hình thế nào đã.

Khi nhà sư đi rồi. Dũng ngồi yên một chỗ, chờ đợi tin tức. Đợi lâu, chàng đoán lúc đó vào quãng mười giờ cũng chưa thấy sư cô về. Bụng chàng đã thấy đói, mà ở nhà chùa phải đúng giờ Ngọ mới được ăn cơm. Chàng cũng không hiểu sư cô dọn cơm cho chàng ăn ra làm sao, bằng cách nào. Rồi chàng mỉm cười một mình, lẩm bẩm:

- Chắc là cơm nắm, muối vừng. Ăn cơm nắm và ngồi bó gối trong cái gác nhỏ hẹp này! Có trốn đi để khỏi ở tù mình không khác gì ngồi tù.

Rồi mệt quá, chàng dựa lưng vào tường, ngủ thiếp đi. Có tiếng đập vào vai. Dũng thức giấc lơ mơ tưởng thấy một người tiên nữ đương cúi nhìn mình. Chàng mơ màng giơ hai tay lên mỉm cười... bỗng có tiếng:

- Tôi đây mà, mời ông dậy dùng cơm. Dũng giật mình tỉnh hẳn, hơi thẹn, nói chừa:

- Tôi ngủ mê quá... xin sư cô tha lỗi cho.

Nhà sư hai má đỏ ửng, không trả lời, đặt xuống sân một cái khay trong có một liễn cơm, một cái bát và một đĩa vừng rang.

Hai người cùng đứng yên một lúc. Dũng nhìn xuống khay cơm, nói pha trò để che sự ngỡ ngàng của hai người:

- Khõ, tôi chẳng khác gì đứa trẻ ốm liệt giường, liệt chiếu.

Rồi chàng nghiêm nét mặt hỏi:

- Thưa sư cô, tin tức ở ngoài ra sao, xin sư cô cho biết.

- Ông chưa thể đi được, mà có lẽ còn lâu ông mới có thể đi được.

Rồi sư cô kể cho Dũng nghe rành mạch vì cớ gì, Dũng lo lắng:

- Làm thế nào bây giờ?

- Làm thế nào? Thì ông hãy cứ lánh thân đã. Ông hay nóng ruột vô ích. Ông có việc gì vội không?

- Tôi thì lúc nào cũng có việc vội. Nhưng bây giờ chỉ có một việc cần nhất: Đi trốn.

- Ở đây không là trốn sao?

Dũng cũng vẫn đã nghĩ như vậy rồi, nhưng chàng cho là ở đây không phải nơi trốn. Ngập ngừng, chàng trả lời:

- Thưa sư cô... nhưng...

Không thấy Dũng nói hết câu, sư cô hỏi:

- Ông bảo sao?

- Thưa cô... sư cô tha lỗi cho, tôi mang ơn sư cô, nhưng đời tôi, tôi có kể làm gì, tôi rất ngại cho sư cô. Tôi biết rằng tôi ở đây được yên thân không sợ gì, nhưng tôi vẫn ngại. Sư cô là người tu hành, tôi là một người... một người trần tục...

Chàng không dám nói hết câu. Sư cô ôn tồn đáp lại:

- Tôi cũng đã nghĩ đến điều đó, nhưng đã là kẻ tu hành, thì cốt có lòng thương người, xin ông đừng quan tâm gì cả. Việc này chỉ có trời, Phật và ông với tôi biết mà thôi, can gì ông phải nghĩ ngợi. Vậy xin ông cứ an tâm và xin ông dùng tạm bữa cơm chay.

Hai người nhìn nhau; sư cô vội vàng quay mặt đi, và lật đật bước xuống thang về chùa.

IV

Đã ba hôm rông rã, Dũng ở luôn trong gác khánh, chưa đi được mà cũng không dám bước xuống vườn. Hết đứng lại ngòi, và mỗi ngày mấy lần sư cô vào thăm chàng đưa cơm nước.

Vẫn biết rằng ngòi một mình buồn bã, ắt là mong có người vào thăm, nhất là khi nào người đến thăm đó lại là một người sư nữ vừa dịu dàng, xinh đẹp, lại vừa lanh lẹ, vui tính. Đó là một sự thường lắm. Nhưng dần dần Dũng thấy sự mong mỏi của mình vượt ra ngoài sự thường đó; chàng tha thiết được gặp mặt sư cô như người khát mong được uống nước suối trong. Mỗi lần sư cô bước lên thang gác, chàng ngòi đếm từng bước chân, và khi trông thấy mặt sư cô, Dũng cảm thấy trong lòng êm ả, quên hẳn cái thân trốn tránh, tưởng tượng như người đương đi nắng thấy thoang thoảng có hương sen theo ngọn gió mát ở đâu đưa lại.

Khi Dũng nhìn sư cô và thấy vẻ mặt sư cô nhìn lại mình, Dũng biết rằng sư cô cũng có một cảm tưởng như chàng. Dần dần hai người trông thấy nhau có vẻ thẹn thùng, ngượng ngịu như kẻ lẩn lút làm một việc gì không chính đáng. Có lần Dũng buột miệng, nói:

- Nhờ sư bà biết!

Dũng lấy làm lạ sao mình chỉ nghĩ đến việc sợ sư bà biết mà không nghĩ tới việc trốn. Dũng lại lấy làm lạ rằng mỗi lần chàng ngỏ ý với sư cô muốn đi khỏi chùa thì sư cô tìm được những chứng cứ chắc chắn, rõ rệt để khuyên chàng không nên đi vội. Mà lần nào chàng nghe sư cô nói cũng thuận tai, cho là phải. Chàng chép miệng như người thất vọng:

- Biết bao giờ mới được đi!

Nhưng nói xong Dũng lại ngượng với mình, vì chàng thấy sư cô nhìn chàng như đã hiểu rằng chàng vừa nói một câu không đúng với ý nghĩ.

Thế rồi một buổi chiều...

Một buổi chiều yên tĩnh. Sư cô một mình thờ thần đợi giờ thỉnh chuông. Gió bắc nhẹ nhàng thổi như đem theo với cái lạnh lẽo của buổi chiều đông những nỗi buồn xa xôi, không duyên cớ. Tiếng rì rào của mấy cây thông già lọt vào chùa nghe phiêu diêu như tiếng than vãn của không trung.

Sư cô thấy tâm hồn mình lạnh lẽo với gió hiu hiu, rung động với lá thông reo rì rào. Hương thơm từ trên Phật tòa theo gió đưa xuống phảng phất, bao bọc lấy người sư cô, chiều hôm ấy, đem lại cho sư cô những cảm giác mới lạ, gợi trí sư cô nghĩ tới những nỗi ái ân, yêu thương của quãng đời mà sư cô tưởng đã xóa mờ trong trí nhớ. Nàng quên cả những nỗi đau đớn về sự thất vọng nó đã bắt nàng, giục nàng lánh đời ba năm nay, mà chỉ nhớ tới những ngày đầm ấm của tuổi xuân như còn để trong tâm hồn, trong da thịt nàng cái dư vị không bao giờ phai của những sự yêu thương cũ.

Sư cô vùng người thờ dài một cái như để xua đuổi những ý nghĩ nó đến ám ảnh, rồi vội vàng lên gác thỉnh chuông.

Tuy miệng đọc chú, tay đánh chuông nhưng trí nghĩ của sư cô chập chờn theo tiếng chuông ngân nga, lẫn xa ra mãi...

Thỉnh chuông xong, sư cô lặng yên một lát rồi uể oải bước xuống thang gác. Nàng lững thững lần theo dãy hành lang qua cửa vườn sau, không để ý đến những hạt mưa rơi lấm tấm, rồi như người không ý nghĩ đi lần về phía gác khánh bỏ hoang. Thấy trên gác có ánh sáng, nàng bước lên hỏi:

- Ông còn thức sao? Dững vui vẻ hỏi lại:

- Sư cô phải không? Vâng tôi còn thức đây, có việc gì thế, sư cô?

- Không.

Rồi hai người yên lặng. Một lát có tiếng sư cô:

- Người ta mới biếu nhà chùa bao chè ngon, để mời ông xơi nước.

Dũng giơ đèn soi đường cho sư cô:

- Vâng, tôi đang khát, xin mời sư cô lên.

Dưới ánh đèn, Dũng thấy hai con mắt sư cô long lanh sáng như hai ngôi sao. Sư cô mỉm cười, nói một cách thân mật:

- Nhưng ông hãy thông thả, để tôi về đun nước đã.

- Vậy tôi xin đợi. Sư bà bây giờ...

Sư cô vội đáp:

- Sư bà hôm nay mệt, đã đi nghỉ...

Hai người đều có một cảm tưởng như nhau: Lẫn lút hẹn hò một cuộc gặp gỡ.

Nửa giờ sau, sư cô đem khay chè và siêu nước lên. Trong căn gác nhỏ ấm áp, dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn con, hai người ngồi đối diện bên mấy chén trà nóng, hơi lên nghi ngút. Bên ngoài bắt đầu mưa to. Dũng cất tiếng nói trước:

- Đã mười hôm nay mới được uống chén nước ngon! Lúc này thật quên những nỗi khó nhọc, vất vả vừa qua.

Chàng khoan khoái không muốn nghĩ đến những sự nguy hiểm đang đợi chàng ngoài kia, giam mình chốc lát trong một cảnh đời như thực như hư.

Dũng thấy sư cô ngồi yên lặng, nhìn chàng đăm đăm như nghĩ ngợi điều gì, chàng hơi ngượng phải cúi mặt xuống. Một lát Dũng thờ thẩn hỏi:

- Sư cô vì sao lại đi tu?

Câu hỏi tình cờ, đột ngột, thốt nhiên nói ra làm sao cho sư cô luống cuống, ngừng nhìn Dũng:

- Tôi cũng không biết.

- Sư cô không biết... nhưng tôi, tôi trông người sư cô tôi biết không phải vô cớ, không phải tự nhiên mà sư cô đi tu.

Dũng thấy đôi mắt sư cô luôn luôn chớp như cảm động, chàng nói tiếp:

- Chắc là sư cô có một nỗi khổ giấu giấu, một điều gì thất vọng.

Câu nói của Dũng nhắc sư cô nhớ lại những ngày đau đớn của quãng đời tục lụy ba năm về trước đây, hồi còn là một thiếu nữ mười chín, hai mươi tuổi. Một sự thất vọng về tình ái đã làm cho sư cô chán nản đến tuyệt vọng, đành đem thân nương cửa Phật để quên... Nhưng nào có quên được. Ba năm ròn rã, tiếng chuông chiều với mùi nhang thơm chỉ như gọi cho nàng nghĩ đến sự lạnh lẽo của một đời cô độc, khô khan, gọi cho nàng mơ ước những sự yêu thương vợ vãn, những tình ái băng khuâng.

Quên đời, nàng vẫn biết là không sao quên được, nàng càng muốn lánh xa sự đau khổ thì sự đau khổ lại càng như ác nghiệt đuổi theo.

Trong lúc tâm hồn như vậy, thì sự tình cờ đã run rủi cho nàng gặp Dũng, một thiếu niên có chí khí mà ngay lúc buổi đầu khi tìm cách che chở, nàng đã đem lòng ái mộ. Xúi giục Dũng ở lại chùa, tìm cách giúp đỡ cho Dũng trốn tránh, đó không phải là lòng thương mà chính vì lòng yêu, yêu người mình đã cứu giúp. Nàng lấy làm sung sướng đã mười hôm nay, lần này là lần đầu, Dũng hỏi đến chuyện đời riêng của nàng. Nàng cảm động, thở dài sẽ nói:

- Đó là chuyện cũ, chuyện ngày xưa. Tôi không muốn nhớ tới nữa, không muốn nhắc đến nữa, tôi ao ước được quên hẳn...

- Thế nghĩa là bây giờ sư cô chưa quên...

Tiếng rì rào trong rặng cây thông như âm thầm hoà nhịp với tiếng thở dài của hai người. Dũng nói tiếp:

- Tôi thì tôi cho là khó lòng quên được, đi tu không phải là để quên, nhất là để quên những thất vọng về đường tình ái. Tôi nghiệm như tôi, bận bịu nhiều việc, lòng tôi như đã khô héo, không bao giờ nghĩ đến những sự yêu, sự thương, thế mà mới đến chùa này ít lâu, những khi ngồi một mình, nghe tiếng chuông, tiếng mõ... tôi thấy...

Nói đến đây, chàng đưa mắt nhìn sư cô:

- Xin sư cô tha lỗi cho... tôi thấy... tôi thành ra khát khao yêu đương, tôi thấy tôi dễ yêu vợ vãn. Nếu sư muốn lánh xa tình ái mà vào đây thì thực là nhầm. Sư cô tưởng tìm được con đường đi tới sự quên, con đường ấy chỉ đưa người ta đến sự nhớ mà thôi.

Dũng bỗng ngừng bật, chàng nghiệm ra rằng chàng vừa nói nhiều quá, nói những câu mà có lẽ sư cô không sao hiểu được. Chàng có biết đâu sư cô đang chăm chăm ngồi nghe như người khát được uống nước. Những câu của Dũng nói ra, sư cô cho là rất phải, rất hợp với tâm hồn sư cô. Nàng thật đã cảm thấy như vậy, nhưng cảm thấy một cách lờ mờ, nay lấy làm lạ rằng Dũng đã tìm được lời để diễn những ý nghĩ ngấm ngấm của mình đúng được đến thế. Nàng nói:

- Ông nói rất phải. Trước, tôi cũng tưởng rằng tôi sẽ quên đi.

Nàng chép miệng:

- Tuy vậy cũng còn hay, vì khi người ta gặp sự đau khổ quá thì chỉ có hai cách: Một là quyên sinh, hai là nương thân cửa Phật, hai cách khác nhau nhưng chỉ là một. Cửa Phật tuy không an ủi hẳn được tôi, nhưng đã giúp tôi không đến nỗi quá liều mà đến hủy thân mình đi. Tôi nghĩ không còn cách nào nữa.

Dũng đáp:

- Sư cô tưởng vậy... nhưng hình như cũng còn nhiều cách khác để mình quên được. Tôi thiết nghĩ không những chỉ có hai cách như sư cô tưởng, sư cô nghĩ xem.

Dũng biết chàng định nói gì rồi, nhưng chưa vội nói ra. Sư cô thì trong lòng sung sướng, không muốn nghĩ ngợi gì, ngồi lặng yên chờ đợi. Nàng tưởng rằng lời Dũng nói ra sẽ là lời mà nàng khao khát muốn nghe. Nàng gợi trước:

- Người ta ở đời không gì khổ bằng muốn quên mà không sao quên được, không có gì có thể giúp cho mình quên...

Dũng đáp lại:

- Thừa sư cô, sư cô muốn quên như ý tôi nghĩ...

Lúc đó, Dũng thấy sư cô nhìn mình một cách nồng nàn, chàng ngập ngừng nói tiếp:

- Sư cô là người tu hành. Tôi nói ra sợ làm ngăn trở sự tu hành của sư cô. Nhưng tôi cần nói rõ để tùy ý sư cô suy nghĩ. Theo ý tôi tưởng, người ta muốn quên... không gì hơn là quên mình trong sự hành động. Vâng, chỉ có sự hành động làm cho người ta quên hẳn những nỗi khổ riêng. Cái đời yên tĩnh ở chùa không sao giúp mình quên được, muốn quên phải dẫn thân vào một cuộc đời náo động...

Rồi Dũng đem đời riêng của mình kể cho sư cô nghe, chàng kể lại những sự đau khổ của đời chàng. Trước kia, chàng cũng tưởng những vết thương đó không bao giờ mất được, nhưng từ ngày chàng dấn thân vào một cuộc đời hoạt động, một cuộc đời sống vì người khác, chàng đã quên hẳn được những vết thương cũ, đời chàng tuy vất vả nhưng tâm hồn chàng lúc nào cũng thư thái.

- Thừa sư cô, tôi vì chán đời mà hành động, ngờ đâu chính sự hành động đó đã đem lại cho tôi cái vui vẻ, cái hăng hái sống ở đời... cho đến bây giờ... cũng vì thế mới được cái vui mừng gặp sư cô ở đây...

Trời đã bắt đầu đổ mưa to, gió nổi lên thổi mạnh ào ào, ngọn đèn lập lòe muốn tắt. Sư cô không để ý đến ngoại vật, lắng lặng ngồi nghe; lời Dũng nói như đưa tâm hồn nàng đến một mảnh đời khác hẳn cảnh đời lạnh lẽo ở nơi am vắng này, một cảnh đời tươi tốt mà tiếng đàn, tiếng sáo thay vào tiếng chuông tiếng mõ mà hương thơm nồng nàn của trăm thức hoa thay vào hương trầm, hương nhang thanh đạm. Ngoài tiếng nói du dương của Dũng, tiếng gió rì rào trong vườn rậm, nàng mơ màng nghe thấy một tiếng khác thiết tha hơn: Đó là tiếng gọi của tình thương yêu không thể dập tắt trong lòng, tiếng gọi của đời tục lụy, đời ái ân mà trước kia nàng muốn lánh xa.

Nhớ tới mối tình thất vọng thuở trước, nhớ tới những ngày buồn nản, quạnh hiu, liên tiếp nhau đã ba năm nay, lại nghĩ đến cuộc đời mới sắp đem lại cho nàng biết bao hy vọng, nàng thấy trong người êm ái, băng khuâng, nàng cảm động quá; hai giọt nước mắt long lanh từ từ rơi trên má, hai giọt nước mắt sung sướng của một người đã trở lại với đời, đã trở lại với tình yêu.

Dũng vội nói:

- Tôi làm phiền lòng sư cô...

Nhưng chàng ngừng bật ngay vì chàng vừa nhận thấy một cách rõ ràng rằng người ngồi trước mặt chàng lúc đó không phải là một người tu hành nữa, mà chỉ là một cô thiếu nữ nồng nàn tình yêu. Chàng vừa sung sướng vừa lo sợ.

Một cơn gió mạnh thổi tạt vào gác khánh làm ngọn đèn suýt tắt; sau một tiếng chớp lóe, một tiếng sét dữ dội làm vang trời đất. Mưa đổ như trút, qua cửa sổ nước mưa hắt cả vào hai người. Sư cô đứng dậy toan bước xuống gác, Dững can:

- Sư cô...

Nhưng sư cô không quay lại, vội vã bước xuống bậc thang.

Dững cầm đèn bước theo xuống.

- Mưa ướt hết... sư cô nghe tôi... sư cô điên hay sao...? Sư cô luống cuống chưa biết mình lùi hay tiến; nàng thấy Dững xuống theo mình, vội đứng né ra một bên, ép lưng vào tường và hai bàn tay bám chặt lấy tường. Dững vừa xuống tới nơi.

Nàng ngừng mặt lên nhìn Dững: Hai con mắt sáng quắc, đôi má đỏ bừng và cặp môi hé mở. Se sẽ nàng nói như van lơn:

- Ông để mặc tôi... về chùa... Tôi van ông...

Thốt nhiên Dững hiểu, Dững biết rằng người con gái đắm đuối đứng trước mặt chàng lúc đó chỉ còn đợi chàng tiến lên một bước, nói lên một câu... Nhưng câu ấy chàng không dám nói.

Trong khi chàng lùi lại sau thì sư cô đâm đầu bước, vội xuống như người đi trốn, rồi vụt biến vào trong bóng tối đen.

Dững tay còn cầm cái đèn đứng yên như bức tượng...

Ngoài vườn tối, tiếng chân giẫm trên lá khô mỗi lúc một xa.

V

Dũng đi đi lại lại trên gác khánh không biết bao nhiêu lần. Lúc ấy vào quãng bốn giờ chiều; Dũng chỉ định sâm sẫm tối là đi khỏi chùa, từ biệt nơi yên tĩnh, nơi mà chàng tạm dừng bước nghỉ đã hơn mười hôm nay, để lại dẫn thân vào cuộc đời hoạt động, cuộc đời mà chàng đã chịu nhận sống cho đến hai tay buông xuôi. Bỗng chàng chép miệng thở dài... chàng chợt nghĩ đến sư cô, đến cái đêm mưa gió mấy hôm trước. Chàng lẩm bẩm:

- Làm thế nào bây giờ?

Chàng chưa biết xử trí ra sao. Đã lâu lắm, chàng luyện cho lòng chàng khô khan và tránh xa những sự tình ái, yêu thương, những sự mà giữa lúc non sông mờ cát bụi, chàng đâu dám nghĩ đến. Nhưng lần này... chàng thấy tâm tính chàng đối với sư nữ không phải chỉ là một thứ tình có thể theo thời gian mà phai lạt được.

Chàng chép miệng nhắc lại:

- Làm thế nào bây giờ?

Không tìm được câu trả lời, chàng lại tự nhủ chàng rằng dầu sao cũng đã cứu được một tâm hồn chán nản mà đạo Phật không thể yên ủi được. Rồi sau này, câu chuyện xoay ra làm sao, chàng không nghĩ tới, mà cũng không muốn nghĩ tới. Chàng cho rằng sư cô vì chán sự sống mà đi tu nghĩa là đã muốn đi tìm cái chết trong đạo Phật thì còn sợ gì những sự xảy ra sau này.

Chàng có cảm tưởng rằng chốc nữa không phải chỉ là một mình trốn khỏi chùa, vì sau đêm ấy, chàng thấy sư cô không những không tìm cách giữ chàng ở lại mà còn xúi giục chàng trốn đi như ngầm bảo: "Hai ta cùng trốn".

Cùng trốn! Hai tiếng đó đối với chàng có một âm hưởng réo rất lạ lùng. Chàng không nghĩ ngợi gì nữa. Chàng mê man như người liều. Chàng thoáng thấy hiện ra trước mắt chàng một con đường đầy gió bụi, xa lắc xa lơ, mà trên con đường đó có hai bóng người ra bước cùng đi, hai người mà trước kia sự chán nản ở đời đã làm cho tâm hồn khô héo, rỗng không, nhưng nay lại trở về với cái đời đầy đủ, cùng đem theo hai tấm tình yêu và hai tấm lòng hăng hái ham sống và ưa hành động.

*

* *

Chiều hôm ấy, sư bà không thấy sư cô đâu, cặm cụi lên gác thỉnh chuông. Mỗi tiếng chuông nổi lên rung động vắng vắng như ở cõi hư vô đưa lại, rền rĩ, tha thiết như tiếng gọi...

Nhưng ngoài cánh đồng làng, trên con đường lờ mờ trắng, hai bóng người ra bước cùng đi như không nghe thấy tiếng chuông gọi. Họ đi... đi xa chốn hư không tịch mịch, không đoái nhìn lại, dăm dăm như theo một tiếng gọi khác réo rất hơn ở tận phía trước xa xa đưa đến: Tiếng gọi của đời tục lụy, đời ân ái.

Sau lưng hai người, tiếng chuông chùa liên tiếp nhau mỗi lúc một nhỏ, rồi như đua nhau, theo nhau dần dần tan vào quãng hư vô...

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Chết Dở

Khương chống hai tay xuống chiếu, lê dần người ra một góc giường, rồi giơ tay mở ngăn kéo bàn. Chàng cúi mặt nhìn vào trong ngăn kéo, nhưng vì buồn tối, không nom rõ, nên chàng cho tay vào lục lọi, năm ngón tay xoè ra quờ quạng bốn góc, tìm một lúc lâu, chàng đẩy ngăn kéo lại, có vẻ thất vọng. Khương nhớ rõ một hôm có vứt vào ngăn kéo một điều thuốc lá hút dở, thế mà nay biến đâu mất. Chàng cau mày lẩm bẩm:

- Chắc lại thằng nhỏ khốn nạn ấy nó xoáy của mình rồi. Bỗng Khương chợt thấy một mẫu thuốc lá nằm gọn ở chân cái ghế. Chàng cầm lên, thổi mạnh cho hết bụi, để vào mũi ngửi.

- Thuốc lá Ăng Lê. Chắc là của thằng cha Hạp lại thăm mình hôm nọ.

Khương nhóm dậy và lấy ngón tay cời thuốc cho tươi. Chàng nhìn đúm thuốc trong lòng bàn tay, vui mừng nói:

- Cũng được một điều nhỏ.

Móc túi một lúc lâu, Khương lấy ra một tập giấy thuốc lá, ngời loay hoay quẩn. Chàng làm công việc ấy rất thông thả như có ý kéo dài cái thời kỳ chờ đợi được hút một điều là rất ngon.

Từ ngày bị liệt hai chân - đến nay đã gần bảy năm - Khương lúc nào cũng quanh quẩn bên giường.

Không làm việc gì cả, nên chàng thấy cái nghiện thuốc lá làm một cái thú độc nhất để khuây khỏa nỗi buồn. Nhà chàng nghèo dần; chàng còn

sống được đến bây giờ là nhờ ở người vợ có ít lưng vốn mở một cửa hàng bán gạo tẻ.

Khương đánh diêm châm điếu thuốc lá, nhưng vì thuốc ẩm, hút mỗi mồm cũng không được tí khói nào. Giấy ướt nước bọt, rách tung; Khương nhổ mạnh cho những sợi thuốc khói bám lấy môi rồi tức mình quăng điếu thuốc đi.

Khương nằm im một lúc, toan gọi thằng nhỏ, thì có tiếng vợ chàng thét ở ngoài nhà. Chàng định bảo thằng nhỏ xin tiền mua thuốc lá, nhưng thấy vậy, chàng đành nhịn thêm đợi lúc khác. Nửa giờ sau, nghe ngóng biết là ở ngoài cửa hàng không có khách nào, Khương khẽ gọi:

- Nhỏ ơi!

Không thấy thằng nhỏ vào, và biết là nó bận luôn tay, nên Khương cứ thỉnh thoảng lại gọi khẽ một tiếng, may ra lọt vào tai nó chẳng. Sau cùng, thấy thằng nhỏ vào, chàng ngập ngừng dặn:

- Em ra xin mượn tiền mua cho cậu bao thuốc lá.

Lúc thằng nhỏ ra ngoài nài cất tiếng hỏi, chàng đã đoán trước được những lời của vợ chàng:

- Cậu mày hút gì mà hút lắm thế. Cậu mày hút nửa, thì mày cũng hút vào đấy một nửa. Đánh mãi cũng không chừa được thói ăn cắp của chủ.

Theo sau lời nói, một tiếng cộp mạnh lên đầu thằng nhỏ, nhưng Khương chỉ để ý đến tiếng mở nắp và tiếng xu, hào chạm nhau. Đưa tiền rồi, vợ chàng còn lăm bằm nói một mình:

- Hút vào chỉ tổ ho, chứ có được tích sự gì đâu.

Thằng nhỏ vào buồng, nửa như đặt, nửa như vứt bao thuốc lá trên nắp cái ấm giỏ, rồi bước vội ra ngay. Khương không nhận thấy cử chỉ khinh thị ấy của đầy tớ, chàng chỉ khó chịu về nỗi phải lê mãi mới tới cái giỏ để lấy bao thuốc. Chàng trân trọng mở bao ra, quấn một điếu thật to, rồi nằm ngửa hút luôn mấy hơi dài.

Khói thuốc khi bay ngang qua những tia nắng xiên chéo từ khe cửa sổ xuống đất hiện rõ ra những đám mây, rồi một lúc sau lại biến mất vào trong bóng tối gian phòng. Khương đau đớn nghĩ đến cái thời kỳ cường tráng từ năm hai mươi năm đến năm ba mươi tuổi, cái thời kỳ còn chứa chan hy vọng về cuộc đời lúc nào cũng hoài bão những công cuộc to lớn, bỗng bột chí khí hùng dũng. Học trường luật được hai năm, Khương bị đuổi, rồi từ đấy, chàng bắt đầu hành động. Vợ chàng người đàn bà cần cỗi, chua ngoa, ngồi bán gạo ở cửa hàng hồi đó, còn là cô Liên, một thiếu nữ mảnh dẻ dịu dàng, hai con mắt đẹp lúc nào cũng như đương mơ một giấc mơ xuân. Liên lấy chàng chỉ vì phục chàng là người có chí rộng. Nhưng nay cái chí khí của chàng, cũng như cái sắc đẹp của Liên không khác gì làn khói thuốc lá đã bay qua tia nắng biến vào bóng tối đen.

Từ khi bị chân tê liệt, tuy vẫn nghĩ đến những việc hoài bão cũ nhưng Khương dần dần thấy không tha thiết nữa, cho những việc ấy là không cần. Chàng thờ ơ với mọi việc, thờ ơ với cả vợ chàng là người chàng tưởng yêu đến khi nhắm mắt. Vợ chàng cũng không yêu chàng nữa, và sau bảy năm vất vả, khổ sở, nàng chỉ coi chồng như một cái bao nặng trên vai, muốn vứt đi nhưng không nỡ.

Khương chỉ mong vợ bỏ hẳn mình, vì có thế, chàng mới có can đảm định liệu lại đời chàng. Còn có người nuôi cơm ăn, thì chàng còn như thế này mãi, vì chàng đã hết cả nghị lực, không thể tự mình vùng dậy được.

Khương quấn luôn điếu thuốc lá thứ hai hút tiếp; trong phòng khói um như có sương mờ. Chàng thấy rức đầu và rạo rạo trong người. Tiếng vợ

chàng the thé mắng đầy tớ ở ngoài nhà khiến chàng bịt tai lại. Tuy vậy, chàng cũng vẫn nghe rõ và lần này khác hẳn mọi lần, chàng lại để ý nghe.

- Vừa mới thấy bóng ở đây đã chạy rúc vào buồng ngủ. Ngủ gì mà ngủ lăm thế. Tao nuôi mày để mày ườn thây ra ngủ và ăn hại tao à?

Vợ chàng hứ lên một tiếng dài rồi tiếp theo:

- Sao mà cái số tôi số khổ sở thế này. Những tội, những nợ nặng trình trịch cả người.

Khương xoay mình úp tai xuống gối nằm yên như người không muốn nghĩ ngợi gì cả. Nhưng trí chàng vẫn cứ quanh quẩn nghĩ về mấy tiếng mắng:

Mình bịt tai thì mình chỉ không nghe thấy. Nhưng những tiếng ấy vẫn có.

Chàng vùng ngồi dậy, máu rục lên làm chàng nóng bừng mặt.

Chàng cất tiếng gọi :

- Nhỏ!

Liên chạy ngay vào, vì thấy tiếng chồng gọi to khác thường, đoán là có việc gì nguy kịch:

- Gì thế, cậu?

- Mợ ngồi xuống đây, tôi nói câu chuyện.

Liên nhìn quanh quẩn biết là không xảy ra việc gì, liền gất:

- Cậu làm gì mà rối lên thế?

- Mợ ngồi xuống đây đã nào?

- Cậu muốn nói gì thì cứ nói ngay đi. Tôi đang giờ bận...

Khương nói như quát:

- Thì tôi bảo mợ ngồi xuống!

Liên cũng quát lại:

- Cậu muốn mắng tôi đấy, có phải không? Ồ lạ chưa? Khương hạ giọng xuống:

- Tôi tưởng khi mợ mắng đầy tớ, thì mợ cũng nên nghĩ đến tôi mà liệu giữ gìn lời nói. Mợ cũng phải có ý tứ một chút chứ?

- Bây giờ cậu lại cấm đoán không cho tôi mắng đầy tớ nữa sao. Tôi giận thì tôi nói cho sướng mồm, tôi không rỗi hơi đâu mà nghĩ đến ai cả... Khổ tôi chưa, muốn yên thân mà người ta không cho tôi yên thân. Thế này thì chết đi cho rảnh.

Khương đợi cho vợ im hẳn rồi cố lấy giọng ôn tồn nói:

- Mợ khổ thì tôi cũng không sung sướng gì. Nhưng mợ nên nghĩ lại ngày trước mà thương tôi. Sao vợ chồng mình...

Khương muốn nhắc lại cái thời kỳ hai người yêu nhau ngày xưa, nhưng nhìn vợ thấy nét mặt lạnh lùng, hai con mắt khô khan, chàng biết rằng không bao giờ, không bao giờ nữa, còn mong sống lại được những ngày hạnh phúc đã qua.

Liên không hiểu chồng định nói gì, trước khi quay ra, nàng cười gằn, nói:

- Làm người ta mất cả thì giờ! Chẳng được tích sự gì, chỉ được cái nhặng hão.

Hai tiếng "nhặng hão" khiến Khương uất người lên, vì nhắc Khương nghĩ đến cái tính hăng hái của chàng nay đã nhạt. Chàng muốn ngoài chàng ra không ai được nhận thấy sự trụy lạc của tâm hồn mình. Chàng nghiêng rặng, nắm tay giơ lên trước mặt vợ:

- Mợ phải biết, nếu tôi không tàn tật...

Nhưng dáng dấp hùng hổ của Khương chỉ làm cho Liên cười nhạt:

- Cậu không phải dọa. Cậu dọa nhiều lần rồi. Cậu tưởng tôi sợ cậu lắm hay sao.

Nàng đi ra lấm bẫm:

- Anh hùng rơm!

Khương nắm cái nắp ấm toan ném theo vợ. Nhưng chàng lại hạ tay xuống. Chàng tự bảo:

- Có hơn được gì đâu. Nó cũng đã khổ chán vì mình. Giờ nó thành ra khốn nạn như vậy, đâu phải lỗi tại nó.

Khương chán nản, nắm vật xuống giường. Chàng cố nhấc hai chân lên, nhưng không thể được.

- Mình cũng như thằng chết rồi!

Mắt chàng bỗng để ý đến con dao díp, lưỡi thuôn thuôn nhọn vì đã bị mài nhiều lần. Con dao đó chàng mua từ ngày còn khỏe mạnh, và đã nhiều lần dùng để hộ thân, vì độ ấy chàng có bao nhiêu người thù, người sợ chàng! Nhìn cái mũi dao nhọn hoắt, chàng lại nhớ những hôm hội họp với các bạn ở nhà ả đào dùng mũi dao để mở những hộp thuốc phiện mới mua về. Chàng còn như trông thấy rõ trước mắt bàn tay của cô đào yếu điệu tìm chỗ chích, rồi mũi dao cắm xuống, làm phọt lên một ít thuốc phiện đỏ sẫm

như máu đào. Khương bất giác với con dao díp, lấy ngón tay trở vờn lưỡi để thử xem sắc, nhạt. Chàng nắm chặt cán dao trong lòng bàn tay, đưa lên gần cổ. Chỉ một cái chích nhẹ vào gáy, một ít máu phọt ra, thế là hết. Văng vẳng bên tai chàng mấy tiếng:

- Anh hùng rơm! Anh hùng rơm!

Chàng sẽ yên lặng không kêu một tiếng nào để tỏ cho vợ biết rằng mình cũng có can đảm, cái can đảm cuối cùng, biết chết một cách lặng lẽ.

Bỗng chàng sợ hãi, hai con mắt mở to chăm chú nhìn bàn tay nắm con dao. Cánh tay tự nhiên ngả dần dần xuống chiếu và bàn tay mở ra; con dao lăn trên mấy ngón tay rồi rơi khê xuống nền đất. Khương lẩm bẫm bằng tiếng Pháp:

- Không! Ta không thể được.

Cánh cửa sổ hé mở bị một cơn gió đóng sập lại. Trong buồng tối om. Khương thấy lạnh cả người; những câu nhiếc của vợ, sự nhát gan lúc định quyền sinh đã làm cho chàng trông thấy rõ cái chết của tâm hồn chàng. Chàng cảm thấy cái chết ấy ghê sợ bằng mấy mươi cái chết thật, vì nó bắt chàng phải sống mãi, sống để mà biết.

Khương duỗi hai tay, nhìn lên mái nhà. Một tia nắng lọt qua khe lá làm chàng nghĩ đến cảnh vui sống của cuộc đời bên ngoài. Chàng tưởng tượng các ngọn cây đương phấp phới ánh sáng, ngả nghiêng đùa với gió và những đám mây trắng đương nhẹ nhàng trôi trên trời xanh cao...

Mấy cô con gái vừa đi ngang qua vừa nói chuyện. Khương tưởng tượng họ đẹp lắm, người nào cũng khỏe mạnh, má rúm hồng vì nắng, và mắt trong sáng vì phản chiếu ánh trong trẻo của trời thu.

Một tiếng cười giòn sau một câu nói đùa, Khương nghe như là ở trên cõi sống đưa xuống, mà cái buồng tối này chàng tưởng như là một cái áo

quan lớn để chôn sống chàng.

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Nghèo

- Mình đã đỡ chưa?

Thấy vợ ngồi dựa vào tường, mắt có ngấn lệ, Trọng không biết là nàng khóc hay vì tại trong nhà đầy khói. Chàng thở rất khó, ngồi ghé vào đầu phản, hai khuỷu tay chống nặng nề xuống đùi và bàn tay bỏ thông, có vẻ mệt nhọc. Tuy trời nóng như hâm, mồ hôi ra ướt đầm áo trong mà Trọng cũng không buồn cởi áo bành tô xanh đầy vết dầu xe ô tô.

Nhìn qua cái màn rách sang góc nhà bên kia, Trọng thấy bác Phác, người đàn bà bán hàng rong ở chung với chàng cũng đang ngồi, hai khuỷu tay chống vào đùi có vẻ ngẫm nghĩ. Trọng thấy buồn cười nên vội vàng ngồi khác kiểu đi: Ở trong một cái nhà lúc nhúc hơn mười gia đình lúc ăn lúc ngủ, ai cũng nhìn thấy ai, nên Trọng luôn luôn khó chịu, cử động không được tự do.

Người đàn bà đột nhiên chửi lên mấy tiếng, rồi tiếp theo một tràng dài:

- Đôi guốc bà vừa để đây, ngoảnh đi một cái, hừ đã mất biến! Vật thứ không là bao, nhưng mà tức chứ! Hừ, ở lẫn với những quân ăn cắp!... Xin đừng ai chạnh lòng. Tôi mất của thì tôi nói, chẳng ông bà nào cấm được tôi.

Trọng biết là người ấy nói đã lâu rồi, mà nói câu ấy có lẽ đã hơn vài chục lượt. Họ vừa ngồi nghỉ cho đỡ mệt, nay lại bắt đầu. Vì chiều nào, những người ở trong nhà cũng tìm dịp to tiếng với nhau, nên chàng không để ý. Nhưng đến lúc thấy người đó mon men lại gần chiếc màn, cúi nhìn xuống gầm cái giường của chàng, vừa nhìn vừa nói: "Vật một cái biến mất, nhậ thực!" như có ý đồ cho vợ con chàng lấy đôi guốc, thì chàng không

giữ được giận, muốn chạy ra nắm tóc người ấy giúi xuống thêm gạch cho bổ tức. Chàng lẩm bẩm:

- Hừ, quá lắm. Dám nghi cho mình ăn cắp.

Nhưng chàng vẫn ngồi yên: Hai tay nổi gân bám chặt lấy thành giường. Chàng trấn tĩnh lại ngay, tự bảo:

- Mình hãy còn giữ những thói của cuộc đời sang trọng cũ. Nếu cứ tức giận họ thì tức giận cả ngày.

Quay lại, thấy vợ vẫn ngồi yên trong góc giường. Trọng đoán là nàng không biết chuyện. Bảo thấy chồng nhìn mình chăm chú, nên nhếch mép hình như nàng phải cố hết sức, phải khó nhọc lắm mới nhếch nổi một nụ cười đón chồng.

Trọng đau đớn nghĩ đến rằng vợ chàng con một nhà gia thế, lấy chàng không phải vì tình yêu, cũng không phải vì chàng có tài cán, mà chỉ vì cha mẹ nàng ham cái gia tài của chàng. Hơn sáu năm ở với nhau, lúc nào chàng cũng nhận thấy lòng khinh rẻ của vợ đối với mình, mặc dầu lòng khinh rẻ ấy rất kín đáo. Ngờ đâu nay nàng ngồi kia, mình mặc chiếc áo cánh vá vai, chiếc quần lĩnh bạc màu, gày gò, ốm yếu, ở lẫn với những người nghèo cùng mạt trong xã hội, mà lại còn nghèo hơn họ.

Xảy ra như vậy chỉ vì mấy cái tai nạn dồn dập đến một cách bất ngờ. Chàng không biết lo xa, quá tin ở của cải mình. Sau khi gia tài khánh kiệt, chàng sống vất vưởng, giữa tay xin anh em quen thuộc mỗi người một ít để nuôi vợ, nuôi hai đứa con đẻ và hai đứa cháu bỏ cô cha mẹ mà chàng đã nhận làm con nuôi. Như thế được mấy tháng, sau không ai giúp nữa, chàng đưa vợ đến đây, thuê một cái giường năm hào một tháng và đã kiếm được việc làm ở một nhà chữa ô tô.

Một người gánh nước đi ngang qua, nước bắn vào bàn chân làm chàng giật mình. Chàng nhìn cái nền gạch long lở ướt sũng nước, nhìn những làn

khói tỏa ở các bếp hỏa lò ra, lấm bẫm:

- Ở thế này chỉ vài tháng là ho lao.

Trước kia, khi còn có nhà cho thuê, chàng chỉ cốt thu về nhiều tiền, không bao giờ cho thế là vô nhân đạo. Nay chàng mới nhận thấy một cách rõ rệt, tuy rằng cách cho thuê ấy đã giúp chàng có nơi trú ngụ bằng một giá rất rẻ.

Chàng cần đến, nhưng chính vì sự cần ấy mà việc cho thuê như vậy là độc ác. Chàng ngẫm nghĩ:

- Nếu phen này ta có nhà cho thuê thì ta nhất định bỏ. Chàng mỉm cười nói:

- Phen này!

Tự nhiên chàng thấy vui vẻ và nghĩ thầm:

- Bây giờ mình đâm ra có lòng tốt, lạ chưa.

Chàng nhận thấy chàng trước kia tàn ác, mà tàn ác chỉ vì vô tâm và ích kỷ.

Bây giờ chàng mới biết không ai muốn giúp mình lúc nghèo, chỉ vì lúc giàu mình không nghĩ đến ai. Chàng sung sướng, mà cái sung sướng ấy mới lạ lắm, chàng thấy vụt có cái quan niệm cao quý về nhân phẩm của mình. Trọng ngừng lên nhìn vợ, mà lần đầu chàng nhìn vợ không có ý thẹn lại có vẻ hơi kiêu. Mấy đứa con chàng ở ngoài chạy vào, cười nói, đứa nào cũng thở hồng hộc. Trọng âu yếm hỏi:

- Các con đi chơi đâu về?

- Chúng con đá bóng ở bờ sông vui quá. Trọng nhìn những gó má hồng hào, lấm bẫm:

- Chỉ ít lâu nữa là hết cả hồng.

Thấy một đứa kêu đói, chàng mới sực nhớ đến giờ nấu cơm. Chàng cho tay vào túi áo, vôn vê ba đồng hào một cách âu yếm, vì ba hào chỉ ấy là tiền của chàng kiếm ra lần đầu tiên. Nó lại quý nữa là vì không có nó tất chàng và vợ con phải nhịn đói.

Tuy trước kia giàu có hàng nghìn, hàng vạn, mà bây giờ chàng mới thấy mình "có tiền". Chàng kêu mấy hào chỉ ở đáy túi vào lòng bàn tay và nắm lấy thật chặt.

*

* *

Trọng thấy tiếng guốc của mình nện trên gạch hè đường kêu to một cách khó chịu vì chàng đi guốc chưa quen. Chàng tưởng như tiếng guốc xui bảo mọi người để ý đến mình. Trước khi rẽ vào một cái hàng cơm, chàng tự nhiên quay đầu nhìn lại phía nhà ở, có vẻ một người vụng trộm. Chàng rẽ vào đây ăn quà sáng để lấy sức làm việc, trong khi vợ con chàng phải nhịn. Chàng không muốn ăn ở nhà một mình trước mặt vợ con.

Vào hàng, Trọng mua một xu xôi đậu đen, vì chàng đoán thứ quà đó no lâu. Chàng lấy đĩa sẵn từng miếng chấm muối vừng rồi nhai thong thả, vừa nhai vừa ngẫm nghĩ, nghe ngóng. Chàng gật gù lẩm bẩm:

- Càng nhai lâu càng thấy bù miệng.

Bà hàng tưởng chàng khen xôi của mình thổi khéo, liền mời:

- Bác ăn xu nữa!

Trọng không ngờ xôi đậu đen lại ngon đến thế; chàng đặt đĩa xoa hai tay với nhau, có vẻ khoan khoái, bảo bà hàng:

- Bà cho tôi thêm một xu. Bà lấy ở đáy rá cho nóng. Trọng lấy làm tiếc rằng một thức ngon thế này mà ăn vụng trộm, vợ con không được hưởng. Chàng cảm động nghĩ đến những cái vụng trộm khác, trốn vợ đi hát mở từng chai sâm banh, và lấy làm lạ rằng những lúc đó sao không áy náy bằng khi ăn có hai xu đậu đen chấm muối vừng rang mặn.

Công việc của chàng cả ngày hôm ấy là nằm dưới gậm ô tô thay "láp" xe. Trên má chàng, những giọt mồ hôi hòa với dầu máy từ từ chảy xuống tai, xuống cổ. Mới đầu, chàng tưởng không sao chịu nổi, nhưng sau chàng nghiệm ra rằng sự nóng bức càng tăng lên, sự khó chịu càng bớt dần. Nếu chàng là một người giàu có đứng ở ngoài, tưởng tượng phải làm việc như vậy, tất ghê sợ lắm, cho cuộc đời là khốn nạn, không đáng sống, không có nghĩa lý gì. Trước kia, chàng cũng tưởng thế, vì chính chàng giàu có; trước kia không thiếu thứ gì, không bao giờ phải mệt nhọc đến thân mà không lúc nào chàng được yên tĩnh, luôn luôn tự hỏi sống để làm gì, và cố tìm một cái nghĩa cho sự sống của mình, của mọi người mà không tìm ra.

Bây giờ cái bản khoán ấy đã mất hẳn. Chàng thấy công việc chàng có nghĩa lắm, vì nhờ nó mà chàng và vợ con chàng được no bụng. Cái nghĩa ấy không cao thượng gì cho lắm, nhưng nó có. Còn hơn là trước kia chàng không biết làm gì để sống, tuy bụng lúc nào cũng no. Bây giờ chàng mới hiểu rằng xã hội khốn nạn không phải là xã hội những người làm việc, tuy làm việc một cách khốn khổ.

Đương khi những ý nghĩ ấy lộn xộn trong óc, Trọng vẫn không quên căn rằng lấy hết sức xoay "bù loong". Mồ hôi chảy ròng ròng trên cánh tay chàng. Mồ hôi chảy cả vào mắt làm chàng hoa mắt nhìn không rõ. Chàng thấy hiện ra một cốc nước chanh với một miếng nước đá trong veo, chàng đã uống bên bờ biển Đồ Sơn một buổi chiều mùa hạ năm nào...

*

* *

Trọng chúi đầu vào một góc màn nằm duỗi thẳng chân tay, thiu thiu ngủ.

Hé mắt nhìn qua vải màn, chàng thấy lấm tấm ở các góc nhà tối om những ngọn lửa đèn hoa kỳ xanh lè nhỏ bằng hạt thóc. Một vài tiếng ho, tiếng khạc nhổ, rồi lại đến những tiếng ngáy đều đều, tiếng vo ve của những con muỗi chui qua lỗ màn rách bay vào. Hơi nóng làm mờ những ngôi sao ló trong khung cửa sổ. Không có một làn gió nhẹ; vải màn rủ nặng nề xuống chiếu. Trọng tưởng như nằm trong một cái địa ngục tối, và tưởng thấy thấm vào người hơi nóng của một cái vạc dầu để gần đó. Chàng gục đầu vào cánh tay, nhắm chặt mắt lại và muốn đắm mình trong giấc ngủ như một người đắm mình trong cõi chết.

Nửa đêm Bảo thức giấc ngồi dậy. Nàng vừa phe phẩy quạt, vừa đưa mắt nhìn chồng, rồi chép miệng nói:

- Ngủ gì mà quên cả thay quần áo.

Trọng nằm ngủ cứ để nguyên cả quần áo làm việc: Một cái quần tây nát nhàu và một cái áo "sơ mi" rách vá vai, dầu dầy be bét.

Bảo dịu dàng ngăm nghía chồng nằm ngủ mê mệt; thấy đứa con cựa quậy, nàng chỉ lo sợ chồng tỉnh giấc, mất một giấc ngủ rất cần để lấy lại sức mai làm việc.

Nàng ngồi lại gần chồng, gượng nhẹ nhắc đầu chồng, đặt lên đùi mình. Lần đầu nàng thấy người yêu chồng đã vì nàng làm lưng vất vả suốt ngày, không có một lời than vãn.

Nàng giơ tay phải quạt, rất nhẹ, còn tay trái âu yếm vuốt ve những làn tóc ướt đầm mồ hôi của chồng. Nàng thấy thốn thức trong dạ, rồi tự nhiên nước mắt ứa ra chảy ướt đầm hai bên má. Nàng không giữ được nữa, cúi xuống hôn một cái lên trán chồng, và như người mê man, nàng ôm lấy chồng, gục đầu vào vai, không nghĩ gì đến mồ hôi và mùi dầu máy khét ở

quần áo chùng xông ra nòng nặc. Trọng thức dậy hơi lấy làm lạ về cử chỉ khác mọi ngày của vợ; chàng hiểu và sung sướng ngẫm nghĩ:

- Có lẽ lần đầu tiên mình và vợ mình biết thế nào là tình yêu. Tuy hiểu vậy nhưng chàng không nói ra, chỉ hỏi:

- Hôm nay em làm sao thế, em Bảo?

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Hai Cảnh Ngoài Phố (Lòng Tử Tế)

Trời vừa mưa xong, đường phố lầy lội. Bên cạnh những cửa hàng đầy tơ lụa màu rực rỡ, Sứu cúi đầu đi thong thả, hai con mắt đỏ ngầu và đầy rử nhìn thẳng ra trước, không để ý đến một vật gì. Trông hình dáng chỉ biết đó là một người nghèo khổ, chứ không hiểu thuộc về hạng nào. Có lẽ người đó đã làm đủ nghề: đi ở, kéo xe... nhưng hiện nay chắc không có nghề gì, vì người bần thiêu và ốm yếu quá. Hai con mắt nhìn một cách đại dột, mồm bao giờ cũng há hốc và hai bàn tay lúc nào cũng run run bảo cho ta biết rằng người đó chỉ còn có việc là đi hành khất để chờ ngày vào nhà điên.

Một cơn gió thổi mạnh, Sứu vội giơ tay lên giữ lấy cái mũ đội trên đầu, một cái mũ dạ màu xám rộng thênh thang đội úp xuống che gần khuất hai con mắt. Muốn tránh một người quét hè, Sứu đi rẽ xuống đường. Vừa lúc đó một người mặc âu phục rất sang, đầu tóc chải mượt và đôi giày bóng loáng, đi vội ở trong một hiệu thợ cạo ra, giơ tay vẫy một cái xe cao su. Vì hai bên cùng vội cả, nên người ăn mặc sang trọng và người ăn mặc rách rưới đụng vào nhau một cái thật mạnh.

Người vận âu phục kêu lên một tiếng to, đẩy Sứu ra, mắng mấy câu theo lệ thường, rồi toan bước lên xe. Nhưng đến lúc nhìn xuống thấy mũ giày của mình bị bàn chân đầy bùn của người kia làm bẩn be bét, thì chàng ta không giữ nổi giận được nữa. Chàng giơ thẳng tay bóp tai người nghèo kia một cái, làm cho chiếc mũ dạ tung ra, rơi ngay vào cái xe tay, trên tấm thảm cao su để chân. Chàng cho thế là đủ giận bèn phui tay, nhắc hai ống quần cho khỏi mất nếp, và ngồi lên giục phu kéo đi. Thấy cái mũ ngay dưới chân, chàng toan hất xuống trả, nhưng không biết nghĩ được một điều gì

hay hay, chàng mỉm cười lấy cái mũi giày còn sạch thọc vào mũi rồi đặt lên cái mũi giày lấm bùn cọ đi cọ lại như người đánh giày.

Chàng lấy làm khoan khoái, ngắm nghía mũi giày bóng trở lại gần như trước. Nhìn cái mũi dạ dùm đó, bần thiêu, chàng hơi hồi hận, nhưng vội tắc lưỡi nói một câu để tự an ủi:

- Chắc thằng cha mới ăn cắp được của ai... Đáng kiếp! Rồi chàng bảo người kéo xe:

- Cho anh cái mũi này.

Sửu bị cái tát tai đứng lạng hồi lâu cho khỏi choáng váng, rồi lắc lư cái đầu tìm xem mũi mình rơi đâu. Một người tài xế thương hại bảo:

- Mũi rơi vào xe ông ta rồi còn đâu.

Sửu nhìn theo cái xe chạy đã xa, không hiểu và lẩm bẫm tự hỏi:

- Thầy ấy lấy mũi của tôi?

Rồi Sửu lại cầm đầu đi, mắt nhìn thẳng ra trước một cách đại dột, mồm há hốc và hai tay run run... Trong lúc đó thì ở đầu phố một thầy đội sếp thông thả đi lại phía Sửu, cầm cái gậy lỏng lẻo bằng hai ngón tay và nghịch đưa đi đưa lại như một quả lắc đồng hồ. Đó là cử chỉ thông thường của thầy mỗi khi thầy sắp có dịp ra oai. Đứng xa, tuy thầy đội không nhìn rõ, nhưng thầy đã "đoán" ra được hết, thầy đoán rằng người ăn mặc rất sang kia vào hiệu mua hàng, lúc ra bắt gặp tên này ăn cắp mũi, liền bợp tai giăng lại cái mũi kia rồi tha... Nhưng thầy thì thầy không tha. Thầy không tha không phải vì bốn phận bắt buộc, nhưng thầy muốn tỏ cho mọi người biết rằng mình tinh mắt. Đến lúc nhìn rõ Sửu thì thầy không còn nghi ngờ gì nữa: Những điều phỏng đoán của thầy đã hiển nhiên biến thành sự thực, sự thực có một không hai.

Sửu thấy thầy đội sếp đến gần mình, theo thói quen, đi khép nép tránh sang một bên. Thầy đội chạy sầm lại nắm lấy tay Sửu và nghiến răng bóp thật chặt. Thầy nhìn mặt Sửu thấy đáng ghét một cách lạ lùng và bóp chặt thêm một tí nữa cho bõ ghét.

- Về bóp! Hừ, quân bay bạo gan thực, dám giở thói ăn cắp ra trước mắt ông.

Sửu hốt hoảng, lúng túng nói:

- Thầy ấy lấy mũ của con...

Thầy đội trợn mắt, vụt một cái ngang lưng Sửu và nhếch mép cười nhạt:

- À, ra thầy ấy ăn cắp mũ của mày. Quân này to gan thật!

Cái trí khôn lu mờ của Sửu báo cho Sửu biết rằng phen trần không có lợi. Sửu bèn van lơn:

- Con lạy thầy, thầy tha cho con. Thầy đội cười một cách đặc chí:

- Tha thế nào được, con ơi!

Người tài xế lúc này tiến đến gần nói:

- Ông đội tha cho nó, nó oan. Nó giẫm phải giày ông kia, ông ấy cho nó cái tát cũng đã đáng đời lắm rồi. Nó lại mất thêm cái mũ... cái mũ khổ ấy mà...

Một vài người đứng gần đó cũng xin hộ.

Nghe mọi người nói, thầy đội lấy làm khó chịu vì mình đoán sai cả và thầy nhìn mặt Sửu càng thấy đáng ghét hơn trước. Thầy lấy ngón tay trở hất cằm Sửu lên và nói:

- Cái mặt gian chưa. Ngỡ này thì thế nào ông cho cũng có ngày tù mọt.

Thầy đội quay ra nói với mọi người, vẻ mặt vui tươi để tỏ rằng mình sẵn lòng khoan dung:

- Lần này các ông các bà xin hộ thì tôi tha nó. Lần sau nó phải liệu mà chừa đi.

Bỗng thầy nhìn cái đầu bù tóc của Sửu, nghĩ ngay được một câu để che ngượng:

- Cái mũ ấy mà không ăn cắp của ai thì tao cứ đi đăng đầu. Cũng may phúc cho mày khi lấy cái mũ ấy lại không gặp tao... Bây giờ thì rút đi ngay.

Nói xong, thầy cầm gậy gõ mạnh vào đốt ngón tay Sửu hai cái. Sửu đau quá, nhưng không dám nhăn mặt, không dám kêu, vì Sửu sợ rằng biết đâu không vì một tiếng kêu mà thầy lại đổi ý kiến không tha nữa.

Thấy thầy đội quay lưng đi, Sửu mừng quá...

Yên lặng như một cái bóng, Sửu cầm đầu đi, mồm há hốc và hai tay run run, nhưng lần này hai con mắt Sửu không đại dột nữa... lại sáng lên một cách khác thường. Trong lúc mừng, Sửu luôn mồm lẩm bẩm:

- Suýt nữa thì vào bóp, may quá, gặp được thầy đội tử tế.

S Sửu quên cả đau tay, quên cả mất mũ, chỉ nghĩ đến cái mừng được thoát khỏi bóp. Thấy có cái ngõ con, Sửu vội vàng rẽ vào, yên tâm rằng đã đi khuất mắt thầy đội. Sửu cười và nói một mình:

- Sao lại gặp được thầy đội tử tế đến thế!

Câu ấy vì nhắc đi nhắc lại mãi, dần dần biến ra:

- Sao người ta lại tử tế đến thế.

Lúc đó cái óc tối tăm của Sửu như có ánh sáng chiếu rọi làm cho Sửu lần đầu tiên trong cuộc đời khốn nạn của mình nhận thấy một cách rõ ràng cái lòng tử tế của người đời!

Suýt nữa thì vào bóp!

Nghĩ đến đó, Sửu vô tình quay nhìn lại...

Mấy hôm sau, Sửu bị bắt vì không có chỗ ở và nghề nghiệp nhất định. Ở nhà pha được ít lâu, thầy thuốc khám nghiệm bảo Sửu có bệnh điên. Thầy thuốc chỉ biết rằng Sửu có bệnh điên là tại cha mẹ trước kia mắc bệnh giang mai. Không ai biết Sửu điên hẳn vì cái bóp tai của người mặc quần áo sang trọng làm cho khối óc đã yếu sẵn bị rung chuyển mạnh quá... hay nói cho đúng, chỉ vì đôi giày bóng bị lấm bùn.

Được cái bệnh điên của Sửu rất lành, không hại đến ai. Cả ngày, Sửu lúc nào cũng mỉm cười sung sướng và thỉnh thoảng lại lẩm bẫm nói một mình:

- Sao người ta lại tử tế đến thế!

Còn như người ta có tử tế như Sửu tưởng hay không thì đó lại là câu chuyện khác.

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Hai Vẻ Đẹp

Anh phải luôn luôn tự nhủ rằng đời người có thể đẹp dễ hơn; đời của anh và đời của những người khác.

André GIDE

I

Doãn cầm cốc cà phê nguội, uống một hơi cạn, rồi đứng dậy xin phép mẹ nuôi và bà khách về phòng ngủ.

Bà Thượng nhìn cốc cà phê bảo Doãn:

- Đem con cần ngủ mà cứ uống mãi cà phê vào. Rồi bà quay lại phía bà khách, tiếp theo:

- Ấy cháu cả ngày chỉ vẽ. Mà sao thích vẽ thế. Từ độ ở Tây về vẽ có đến hàng trăm bức tranh, không biết thế nào là chán...

Bà khách mỉm cười hỏi đùa Doãn:

- Ông cử luật có muốn lấy vợ, để tôi làm mối cho một cô thật xinh, về tha hồ mà vẽ.

Lan, Tuyết và Dung cùng cất tiếng cười lên một loạt. Tuyết nói:

- Để trước mắt anh con một người thật đẹp, anh con vẽ một lúc thành một người xấu như ma lem.

Dung tiếp luôn:

- Mà càng vẽ lại càng xấu hơn. Càng vẽ càng không giống. Lâu dần trông không ra hình người nữa, thành ra một hộp bánh bích quy.

Lan kết luận:

- Nhiều khi anh con vẽ một cái hộp bích quy lại thành một cô con gái tuyệt đẹp.

Tuy đã nghe ba cô em gái nói những câu đùa ấy không biết bao nhiêu lượt thẳng thắn đáp lại.

Chàng không giận ai bao giờ và không bao giờ để tâm đến những lời bình phẩm của mọi người chung quanh. Chàng cho vẽ tranh là một sự cần thiết cho tâm hồn chàng, chứ không phải để lấy tiếng khen.

Doãn bước sang phòng bên và khóa trái cửa lại. Phòng của chàng là một cái buồng rộng chia làm hai ngăn; một ngăn để ngủ, còn một ngăn làm xưởng vẽ. Mỗi lần vào đấy, Doãn thấy người khoan khoái như con cá đang ở trong chậu được thả xuống nước ao. Trong buồng, cái gì Doãn cũng trang hoàng, xếp đặt lấy; từ cái giường ngủ, cái tủ áo, bộ bàn ghế tối tân, cho đến bức thảm dệt kiểu Tàu, các thứ đồ dùng bất cứ lớn, nhỏ đều do chàng tự chế lấy kiểu.

Trên tường, trên bàn, ở các góc nhà, chỗ nào cũng có tranh. Thịnh thoảng, nể lời anh em, chàng đem những bức tranh đó về Hà Nội trưng bày một vài hôm. Nhưng chàng không cần bán, vì chàng đã giàu.

Trước kia, những tranh của chàng gửi sang Pháp bán rất chạy; hơn một năm trời, chàng bán có tới gần vạn bạc tranh, và số tiền đó, chàng đem gửi cả bà mẹ nuôi để tậu ruộng trong làng.

Doãn ngả lưng trên giường, quặt hai bàn tay ra phía sau đầu làm gối, đưa mắt ngắm bức tranh sơn vẽ dở để dựa vào tường. Chàng cau mày tỏ ý không bằng lòng, lắc đầu nói một mình:

- Hồng cả! Nếu vài hôm nữa không mưa to thì đành quăng nó một chỗ.

Bức tranh ấy chàng mới vẽ hôm kia. Khi ngồi trước giá vẽ, chàng say đắm vẽ màu tươi mát của lá cây, mái nhà, nước ao, về cái vẻ đẹp của thứ ánh sáng trong mát, một buổi sớm tạnh ráo sau một đêm mưa to.

Trong hai giờ đồng hồ, chàng hồi hộp vẽ ngấu, vẽ nghiêng như người đương đói vớ được bát cơm gạo tẩm thơm; tuy vẽ hết sức mau mà chàng cũng không kịp ghi lên vải những màu đẹp để và mong manh ấy, đành phải bỏ dở bức tranh.

Chàng quên không nghĩ đến hơn trăm mẫu ruộng của chàng hiện bị úng thủy, chỉ ao ước đêm nay mưa thật to để mai lại có được thứ ánh sáng chàng mong mỏi. Chàng nhìn bức tranh và tưởng tượng đến những màu ở ngoài cảnh thật, ngắm nghĩ:

- Tại mình còn kém lắm. Một nghìn phần chưa đúng một phần.

Doãn đưa mắt ngắm một bức tranh khác; bức tranh vẽ một người đàn bà cởi trần, quần lĩnh vén lên gần đầu gối, để hở cả quần trắng trong, ngồi bên cạnh mấy cái cốc sâm banh đầy rượu và ba quả dưa chuột.

Chàng không hề nghĩ đến sự vô lý của bức vẽ, và chỉ để ý đến những màu, nhất là màu đen của chiếc quần lĩnh bên cạnh màu trắng và màu da thịt người; những màu đó chàng thấy nó hòa hợp, đăng đối nhau và mỗi lần nhìn đến, chàng có cái khoan khoái như được nghe một điệu đàn du dương bằng hình sắc. Thấy bức tranh đặt nghiêng, Doãn đứng dậy lấy mấy cuốn sách cũ kê đệm xuống dưới. Biết là khó ngủ, chàng cầm một cuốn sách về

giường nằm để xem trong khi đợi giấc. Chàng giở mấy trang sách, lẩm bẫm:

- Không biết quyển tiểu thuyết này ở đâu lạc loài đến?

Doãn chỉ mua toàn sách về mỹ thuật và khi còn ở bên Pháp, muốn chiều bà Thượng, chàng phải học luật thì chàng chỉ mua toàn sách luật, ngoài ra không để ý đến một thứ sách gì khác.

Chàng vớt cuốn truyện xuống dưới thảm chân giường. Nằm yên một lúc, vẫn không thấy buồn ngủ, bất giác Doãn giơ tay với cuốn truyện, vươn vai một cái rồi cúi nhẩm đọc trang đầu.

... Đồng hồ điểm ba tiếng. Doãn vẫn còn ngồi trên giường cố đọc rồn hết quyển truyện.

Đã lâu, chàng không thức khuya nên vừa đọc vừa để ý các thứ tiếng ở ngoài: Tiếng dế lẫn với tiếng nhái, tiếng tre lắc rắc và tiếng tù và thổi xa xa.

Chàng có cái cảm tưởng rằng nơi chàng ngồi với những trang sách trắng xóa dưới ánh đèn là một cù lao sáng nổi lênh bênh ở giữa một khoảng tối tăm vô hạn.

II

Đợi gần hai tháng trời mới lại có một đêm mưa to và một buổi sáng tạnh ráo.

Doãn lim dim mắt nhìn cái mái nhà gió đêm qua thổi bay từng mảng để hở cả dui tre. Chàng toan chữa lại bức tranh, nhưng sau lại thôi, vì chàng cho thế là vẽ vụn vặt quá. Những cái mái nhà thủng làm chàng lo sợ; nếu mai kia họ đem rạ mới lợp lại, màu mái nhà đổi khác thì bức tranh của chàng đành vứt đi. Chàng cúi xuống vẽ thật mau. Được một lúc chàng tự nhiên mỉm cười vì một cái ý ngộ nghĩnh thoáng hiện trong óc.

- Mình chỉ cốt vẽ, muốn cho người ta ở nhà đột mãi, không cho người ta lộp lại mái nhà nữa.

Rồi chàng buồn rầu tự hỏi không biết làm sao họ lại có thể sống trong cái nhà đó được. Mấy mảng bèo rau rút màu xanh già, mùa thu rắc hoa vàng lấm tấm, lại càng làm tăng vẻ bẩn thỉu của vũng ao tù, nước đen đặc những váng và sặc mùi bùn. Ngay bên cạnh chỗ chàng ngồi là một đồng phân phủ bùn kín và những đám rác đầy ruồi, nhặng; từng dòng nước vàng từ từ chảy về phía ao bên những đám cỏ xanh, ngọn lên cao vút; non tươi, khỏe mạnh.

Một đứa trẻ con trần truồng, đi ra cầu ao, bụng to và hai chân lẳng khăng trông tựa một con nhái dựng đứng. Nét mặt Doãn bỗng tươi hẳn lên: Chàng thấy bức tranh của mình như thiếu cái gì, nay có màu hung của da thịt đứa bé vào, các màu khác trông hoạt động hẳn lên; chàng sung sướng pha màu và điểm mấy nét thật khéo vào bức tranh. Khi chàng phác gần xong hình đứa bé có một người đàn bà đi ra, tay cầm cái gáo. Người đàn bà kéo đứa bé ngồi xuống, rồi múc nước ao gội lên đầu và cầm lấy tay kỳ ghét. Đứa bé vừa phúi nước trên mặt vừa kêu rét, khiến người đàn bà quát lên:

- Người bẩn như ma thế này mà không chịu tắm à? Phải tắm cho sạch chứ. Bẩn không ai chịu được.

Câu nói của người đàn bà làm Doãn nghĩ đến thứ nước dùng để tắm cho sạch và mỉm cười, lắc đầu.

Vẽ xong đứa bé, chàng lúi húi vờn lại nền trời và chữa lại màu mấy đám mây bay sau ngọn tre, cố diễn được cái ánh sáng rất trong tự phía Đông chiếu đến. Vẽ được một lúc, tuy mắt chàng vẫn nhìn vào bức tranh nhưng trong trí chàng thấy hiện ra những cảnh ở đâu đâu, những cảnh đời do trí tưởng tượng của chàng tô tạo nên, dựa theo những cái chàng đã được thấy lẫn lộn ở bên Pháp, ở trên màn ảnh, ở trong báo, sách. Những cảnh hiện trong óc chàng khác hẳn cái cảnh trước mắt, chàng đương cố ghi lên

vải, đó là những cảnh đời sáng sủa mà nội khắp mọi người ở chung quanh, chỉ có chàng, có mình chàng là trông thấy. Nhưng chàng thấy nó cao xa, không bao giờ có thể thành sự thật được, khác nào những đám mây kia đương hờ hững bay trên trời, xán lạn, sạch sẽ quá không có liên quan gì đến cảnh nhà tranh tiêu tụy, ao tù bẩn thỉu ở dưới này.

Bỗng chàng sực tỉnh, nhận thấy mình đương ngừng bút và tự trách mình đãng trí quên cả vẽ. Đã mấy tháng nay rồi, chàng không có cái bình tĩnh như độ trước. Doãn nhớ lại hôm đọc cuốn truyện thức đến ba giờ sáng, nhưng chàng không biết rõ rằng vì cuốn truyện đó, vì những cuốn sách chàng mua đọc về sau hay là tự nhiên, không tránh được, có ngày chàng phải thế, phải bần khoản không tin hẳn ở cái nghệ thuật của mình nữa.

- Hôm nay cháu thấy ông phải nghĩ nhiều rồi mới vẽ, nên nét bút nhiều chỗ tài tình.

Tiếng nói làm Doãn giật mình nhìn lên ngạc nhiên. Người con trai mặt đỏ ngày nào cũng ra xem vẽ, đến đứng đấy lúc nào chàng không biết, Doãn mỉm cười vì thấy có người vô công rồi nghề đến nổi ra đứng hàng giờ quên cả mỗi chân để xem vẽ một bức tranh mà không tài nào hiểu được vẽ đẹp. Người mặt đỏ thấy Doãn mỉm cười, ý hẳn cho là Doãn biểu đồng tình, liền nói tiếp:

- Đứa bé chưa có con mắt chắc ông còn đợi vì chưa phải giờ điểm nhỡn.

Doãn không thể nhịn cười được:

- Bác này cũng khá đấy. Biết xem tranh. Chắc bác có học chữ nho.

Người mặt đỏ lộ vẻ sung sướng, đáp:

- Bẩm không cháu theo đôi chữ tây. Cháu đỗ tốt nghiệp được ba năm nay...

- Dễ thường trong làng chỉ có bác đỗ về tây học đấy nhỉ?

- Bẩm vâng... trừ nhà cụ lớn ra.

Doãn mỉm cười ngẫm nghĩ:

- Thế là trong làng có hai nhà thông thái thì một nhà bận vẽ, còn một nhà bận xem vẽ.

Doãn đứng dậy gấp ghế và giá vẽ lại. Người rỗ mặt nói:

- Cháu cũng phải ra đình họp việc làng.

- Bàn việc gì đấy?

- Bẩm bàn việc sửa lại đường làng và đào cái giếng. Mãi hôm nay mới mời được thầy địa lý về tìm chỗ đào cho khỏi động.

Doãn lưỡng lự xách tranh và giá vẽ theo con đường lầy bùn trở về nhà, trí vẫn quanh quẩn nghĩ đến anh chàng tây học rỗ mặt. Chàng lẩm bẩm:

- Không hiểu cái học của anh chàng dùng để làm gì? Chàng không ngờ hoàn cảnh thay đổi người ta mau như vậy; chàng không thể nào tưởng tượng được rằng một cậu học trò lớp nhất mới sau có ba năm đã biến thành một anh kỳ mục dớ dẩn, ngu tối hình như cả đời chưa bao giờ cầm đến cuốn sách. Doãn khó chịu vì chàng không thể rời bỏ được cái cảm tưởng vô lý rằng anh chàng rỗ mặt đó là cái bóng của chàng in trong chiếc gương để nhìn vào đấy chàng sẽ nhận rõ hình dáng chàng. Doãn cũng thấy cái học của mình vô dụng như cái học của người kia; gác một bên bao nhiêu cái biết, đâm đuổi mê man với nghệ thuật để lấy một cái khoái chật hẹp, ích kỷ về tinh thần, chàng thấy chàng cũng không khác gì cậu học trò vô tâm kia, cả ngày không biết làm gì, ra đứng xem vẽ tranh để mua vui cho qua thì giờ.

Doãn buồn bã lạ thường. Chàng rẽ vào nghỉ trong một cái quán, đặt bức tranh ở góc tường, và đứng lui ra xa ngắm lại, chàng thấy các màu hồng hết, lắc đầu chán nản.

Nhưng chính cái chán về nghệ thuật ấy đã an ủi Doãn trong lúc bần khổ: Lòng ích kỷ bao giờ cũng mạnh, xui chàng bo bo giữ lấy cái thú vẽ là cái thú độc nhất của đời chàng. Doãn vẫn như không muốn nhận có sự thay đổi đương nhiên động trong tâm hồn nên tìm có giảng giải cái bứt rứt của mình:

- Mình chán nản không yên tâm, có lẽ vì độ này mình vẽ không ra hồn, hồng luôn.

III

Biết là có phiên chợ, Doãn dậy sớm ra ngồi ở hàng nước đầu làng để đón những người gồng gánh đi qua. Chàng cần lấy dáng điệu một bọn người gánh hàng, vì chàng đang làm dở một bức bình phong sơn vẽ cảnh chợ nhà quê.

Doãn vẽ đã mỏi cả tay mà vẫn còn muốn vẽ. Giở cuốn sổ tay xem lại, chàng thấy nhiều dáng rất linh động. Nhưng chàng vẫn nhận thấy nó sai hẳn sự thực; người ở trang giấy đẹp đẽ, sạch sẽ khác xa những người thật xấu xí, bẩn thỉu, tiêu tụy đi diều qua trước mắt chàng từ sáng đến giờ. Thấy một bọn người đi ngang, Doãn lại cảm đầu phác họa; mê mải với những hình; những nét hoạt động trước mắt, Doãn lại quên được một lúc không nghĩ ngợi lôi thôi.

Thấy vẽ tranh hồng mãi, Doãn đã hai tháng nay ở lì trong xưởng vẽ, làm mấy bức bình phong bằng sơn An Nam. Từ việc tô nét vẽ lên gỗ, bôi sơn, rắc vàng đến việc ngồi mài sơn cho lên nước, nhất nhất chàng đều làm lấy cả. Chàng không muốn bắt chước nhiều họa sĩ khác để thợ làm thay mình: Chàng cho thế là mua pháo mượn người đốt. Làm chỉ cốt lấy thích

cho mình, nên có người nhà giàu đã trả tới bốn trăm bạc một bức bình phong nhỏ mà chàng còn ngần ngại chưa bán. Nhưng cái cố chính khiến chàng không muốn bán là thấy người nhà giàu không hiểu một tí gì về mỹ thuật, mua bức bình phong chỉ cốt để khoe sang với mọi người. Chàng không muốn bức sơn của chàng dùng vào việc đó.

Doãn cầm bát chè tươi uống một hớp rồi mỉm cười chua chát. Vẽ tranh cho bọn giàu, chàng thấy không khác gì những bọn thợ ngày xưa hết lòng, hết sức ngồi chạm trổ rất công phu tỉ mỉ những đầu rồng cánh phượng chỉ cốt làm đẹp mắt của bậc vua chúa, còn thân phận khốn khó của mình thì không bao giờ nghĩ tới, không bao giờ tìm cách làm cho đời mình đẹp đẽ hơn lên. Nhưng Doãn cho mình hơn bọn thợ ngày xưa vì chàng có học, chàng hiểu. Nghĩ đến đó, Doãn lẩm bẫm:

- Cần gì hiểu với không hiểu, chỉ biết rằng công việc của mình giống hệt công việc của họ. Họ vì thích làm đẹp mắt người trên, còn mình vì lòng thích nghệ thuật, cái thích có khác nghĩa, nhưng công việc đều ngu muội như nhau.

Bên vệ đường, một người ăn mày vừa ngồi xổm vừa lê chân đi, miệng xuýt xoa kêu khóc. Trông dáng dấp hay hay, có vẻ đặc biệt An Nam, Doãn toan phác để cho vào bức sơn vẽ cảnh chợ, song chàng lại thôi vì thấy ngượng tay.

Doãn vút một xu vào rá người ăn mày, bảo im không được kêu, nhưng chỉ một lúc sau, khi người ăn mày đã đi khuất sau lũy tre, tiếng kêu khóc lại thấy rền rĩ, tha thiết.

Tiếng người ăn mày, Doãn nghe như một lời than náo nùng tự thời kỳ vắng xa xăm của chàng đưa lại. Cái xã hội nghèo khổ của chàng hồi thuở bé, hơn hai mươi năm qua, chàng lại thấy nó hiện y nguyên ở trước mặt. Chàng tưởng như cảnh vật không thay đổi chút nào và có lẽ không bao giờ thay đổi nữa. Đối khác trước họa chằng chỉ có một mình chàng.

Một người đàn bà gánh vàng mã và mũ thổ công đi lại. Doãn mở to mắt chăm chú nhìn, cảm động; nhưng lúc đó chàng không phải là một họa sĩ hồi hộp khi được ngắm những hình sắc đẹp nữa. Chàng chỉ là một người ngây ngất vì thấy một cảnh nhìn đã quen mắt hơn hai mươi năm trước, nay hiện ra như sống lại. Người đàn bà cúi chào Doãn. Doãn mỉm cười nói:

- Kìa, bác Trạch.

Người đàn bà sung sướng lộ ra mặt, đáp:

- Quan còn nhớ đến tôi kia à?

Đã nhiều lần Doãn gặp những người đàn bà láng giềng nghèo của chàng ngày trước, nhưng chỉ lần này là chàng để ý và nhớ lại tên. Chàng bảo người đàn bà vào ngồi ở hàng nước và hỏi xa gần, nhắc đến những chuyện ngày xưa. Có lúc cảm động, chàng tự hỏi:

- Sao lại chỉ có mình là đổi khác trước?

Chàng hồi hận vì nhờ có bà Thượng đem về làm con nuôi, chàng đã một mình trốn tránh được cái đời nghèo khổ mà đáng lẽ chàng phải sống. Nhờ có trí thông minh, cậu bé mồ côi cha mẹ, mặc quần áo nâu vải, đan lờ đem ra chợ bán để khỏi chết đói, nay đã trở nên một người có học thức, sống một đời sung sướng, sang trọng.

Ngồi đối diện người đàn bà là bạn của mẹ chàng, nét mặt tiêu tụy, quần áo rách rưới, trong bao nhiêu năm vẫn vất vả kéo dài cái đời khốn khó, nghĩ đến cảnh đời không đáng sống của mẹ chàng ngày trước, của hết thảy những người chung quanh chàng, Doãn thấy tâm hồn rung động, rạo rức về một mối thương man mác. Trong phút đó, chàng đã nhận thấy rõ rệt cái trống rỗng ghê gớm của đời chàng mà lòng yêu nghệ thuật dầu đắm đuối đến đâu cũng không sao che lấp được.

Bác Trạch cầm nón đứng dậy nói:

- Xin phép quan, tôi phải ra chợ thu nhật tiền nong để vào nộp cụ. Tôi nhờ vả cụ nhiều quá nên không dám chây lười, phải cố cầm bán đi mà trả, lần này còn lần khác. Nếu không đủ, quan làm ơn nói giùm hộ.

Doãn hỏi:

- Bác thiếu bao nhiêu?

- Bấm năm chục.

Doãn sững sốt. Bác Trạch nhận thấy vẻ ngạc nhiên trên nét mặt Doãn, liền giảng giải:

- Thường thường tôi chỉ đến nhờ cụ năm ba đồng để lấy tiền buôn bán. Lần này nợ nhiều như thế là vì hồi năm ngoái, thầy cháu mất, phải cần mấy chục bạc đưa ma. Giá độ ấy cụ không thương mà giúp cho, thì thật không biết xoay xử thế nào.

Doãn đã toan cất tiếng trách bác Trạch vay tiền để tiêu một cách vô lý, nhưng chàng cho là việc đã qua rồi; chàng định chốc nữa về xem sổ nợ để xin mẹ nuôi cho bác Trạch số tiền lời, chỉ đòi lại số tiền gốc thôi.

Sắp về đến cổng nhà, Doãn phải đi thông thả lại vì chợ họp đã đông. Chàng cúi đầu đi rẽ qua dãy lều bán chuối để ra phía sau chợ theo đường tắt về nhà như người đi trốn. Mỗi lần nhìn những người nhà quê nhem nhuốc ngồi bệt xuống Doãn, bên những đống rác hôi hám, hàng bán lèo tèo mấy thức quà vặt bán thiu, đầy cát bụi, và mỗi lần ngửi thấy mùi quần áo, mùi mồ hôi người lẫn với trăm nghìn thứ mùi khác ở các hàng xông lên, Doãn có cái cảm tưởng khó chịu về sự bất di dịch của những xã hội quê, bao giờ cũng khốn nạn, cũng nghèo xơ xác như bao giờ. Chàng thấy cảnh ấy hai mươi năm trước cũng vậy; chàng buồn bã đoán rằng mấy mươi năm sau nữa rồi cũng thế này thôi, không có chút hy vọng gì về một sự thay đổi hoàn toàn và kịch liệt như một trận gió mạnh nổi lên thổi sạch hết bụi cát, rác rơm.

Doãn so sánh túp nhà lụp sụp, tối tăm ở hai bên vệ đường với những mái nhà gạch cụ Thượng đỏ tươi lẫn sau chùm lá hoàng lan phấp phới ánh sáng. Bên trong bức tường cao, ngọn cắm đầy mảnh chai vỡ, là một thế giới khác, biệt lập và sự nghèo khổ, bẩn thỉu hình như đến bức tường là ngừng hẳn lại.

Lúc đó Doãn thấy cái nghệ thuật của chàng không khác gì bức tường cao kín kia bấy lâu đã che khuất mắt chàng không cho nhìn thấy những cảnh tiêu tụy ở bên ngoài. Chỉ ít lâu nay, chàng mới mở mắt nhìn, nhưng không phải tìm cảnh để vẽ như trước; Doãn nhận thấy nghệ thuật của chàng như bức tường lở dần dần, mỗi ngày lại để lộ ra trước mắt chàng thêm một mẫu phong cảnh, tuy xấu xí nhưng một lần đã in vào trí não thì không tài nào xóa bỏ được nữa.

Khi vào đến sân, nhìn những bọn người rải rác khắp nơi đợi vay thóc vay tiền, Doãn có cái cảm tưởng rằng sự nghèo khó đã theo chàng ùa vào trong nhà. Màu quần áo họ, thâm đậm như màu Doãn, trái ngược hẳn với màu vàng sáng chói của giá lộ bộ, của những chữ đại tự trên hoành phi, với màu trắng xanh của mấy chiếc trống lớn đặt trước thềm.

Doãn trông thấy có cả bác Trạch ngồi đợi ở một góc nhà.

Bà Thượng đứng trên hiên thấy Doãn về liền mỉm cười nói:

- Quan cử về xem sổ hộ. Thư ký hôm nay lên tỉnh vắng. Lần đầu Doãn để ý đến và khó chịu vì lời xưng hô kiểu cách của mẹ nuôi. Lúc vào ngồi ở bàn, thấy mấy người đứng cạnh khúm núm chấp tay sợ hãi, Doãn cau mày nhìn họ tỏ vẻ tức bực. Chàng ngẫm nghĩ:

- Họ sợ hãi mình thì lạ thật. Hay là vì họ cho mình là con nhà quyền quý, lại biết luật nên có thể trị họ được... Nhưng sao họ lại chỉ nghĩ đến việc mình có thể hại họ, trị họ.

Nể lời bà Thượng và đã trót hứa với bác Trạch lúc nãy nên Doãn đành cố ngồi lại giở sổ xem. Chàng gọi tên một người bạn quê, bảo đứng lại gần rồi lẩm nhẩm đọc:

- Ngày mười hai tháng tư năm ngoái lấy bốn thùng thóc với năm đồng bạc, ngày mồng bốn tháng bảy vay bốn đồng nữa, tháng tám trả năm đồng, tháng chạp lại vay một chục tiêu về việc làng. Thành tất cả bây giờ phải trả mười bốn đồng bạc với bốn thùng thóc.

Có tiếng vịt kêu. Doãn nhìn xuống thấy dưới chân người nhà quê, bên cạnh mấy thùng thóc, có đặt một cái lồng lớn trong có bốn con vịt.

Doãn hỏi:

- Đem vịt đi đâu thế này?

Người nhà quê vừa đặt tiền vừa xuýt xoa nói:

- Bẩm, chúng con lòng thành xin cụ lớn và quan nhận cho.

Doãn gắt:

- Tiền và thóc nợ thì tôi nhận, còn vịt thì đem về ngay. Người nhà quê ngạc nhiên, nhưng sợ hãi vì câu nói gắt của Doãn không dám khẩn khoản, vội xách lồng vịt lùi ra, có vẻ tủi thân. Doãn không để ý đến, cặm cụi giở sổ đọc, trong lòng hơi vui, vì thấy nhà mình đã giúp cho bao nhiêu người túng thiếu được nhờ. Ngẫm nghĩ một lát, Doãn mở cuốn sổ xuất, đối chiếu với cuốn sổ nhập. Chàng lặng người ngồi yên, mắt mở to nhìn vào trang giấy, không để ý đến những tiếng ồn ào chung quanh, không để ý đến mấy người đứng cạnh bàn đương đợi. Không phải chàng ngạc nhiên vì sổ lãi nặng, cũng không phải chàng đau lòng vì thấy mẹ nuôi cho dân vay để lấy lãi tuy nhà đã giàu, tiêu không hết của. Chàng băng khuâng như người vừa ra khỏi một giấc mộng, lơ mơ được thấy chút ánh sáng lọt vào buồng tối.

Chàng nhận thấy rằng tiền ăn học của chàng trong bao năm là tiền của những người nhà quê đói khổ ngồi kia, vay tiền của những người nhà quê ở các nơi khác, chỗ cha nuôi chàng làm quan. Trước kia chàng cũng biết thế rồi, nhưng chàng không để tâm nghĩ đến và nhất là không lúc nào chàng đã cảm thấu sự khốn nạn của điều đó mãnh liệt, sâu xa bằng lúc này.

Lúc này khi đến cổng, chàng cho bức tường cao vây chung quanh nhà là để ngăn cản những người nghèo khổ; ai ngờ đâu chính những người nghèo khổ đó đã van lạy xin vào để bị bóc lột mà vẫn thản nhiên không biết. Doãn ngừng lên, nhìn qua những người nhà quê một loạt, và thấy họ có vẻ những người chịu ơn nhà chàng nhiều lắm; hình như ơn ấy họ cho là dày nặng, họ còn phải kiếm các thức ngon lành, nhịn ăn đem đến biếu tạ ơn, tạ ơn người đã hại họ.

Bà Thượng lại gần nói:

Anh không đọc số cho người ta. Để người ta đợi mãi, tan chợ mất.

Doãn quay vào và ngơ ngẩn ngắm nét mặt của bà Thượng; lạ thay chàng thấy nét mặt bà Thượng lúc đó như nhiễm đầy vẻ phúc hậu, dịu dàng. Đã trong bao nhiêu năm, bà làm hại bao nhiêu người mà bà vẫn hồn nhiên không biết.

Doãn căn đầu bút chì ngẫm nghĩ và thoáng có một lúc chàng đã tìm ra được nhẽ lý của những sự trái ngược ấy.

Chàng nhớ lại đêm đọc cuốn truyện, nhớ lại cái cảm tưởng rằng nơi chàng ngồi đọc sách là một cái cù lao sáng nổi lênh bênh ở giữa một khoảng tối tăm vô hạn. Tất cả những người chung quanh chàng lúc đó, từ mẹ nuôi chàng cho đến những người nhà quê ngồi kia, như bị chìm đắm vào trong đêm tối; họ đã quen đi rồi, mà từ xưa tới nay không có một người nào bảo cho họ biết tình cảnh của họ. Doãn lấy làm lạ rằng đến ngay như chàng cũng đã bao lâu ở trong đêm tối tăm đó mà không ngờ gì cả.

Tiếng còi ô tô ở xa đưa lại khiến Doãn mừng rỡ đứng lên nói:

- Chắc thư ký đã về.

Thấy tâm trí bối rối, Doãn muốn được yên tĩnh để nghĩ ngợi. Chàng lại gần bà Thượng, nói giúp hộ bác Trạch; rồi đi rẽ xuống sân toan về phòng. Vừa lúc đó, một cái ô tô hòm kiểu mới tiến vào trong sân, bóng loáng như một con bọ cánh cam khổng lồ. Mấy người nhà quê sợ hãi, chạy dạt ra hai bên, rồi khúc khích cười, vui vẻ đưa mắt nhìn Lan, Tuyết và Dung ở trên xe bước xuống. Doãn tưởng như vừa thấy ba cô tiên xán lạn ở trên bông lai bước xuống cõi trần thắm đậm. Chàng để ý đến những người nhà quê và thấy họ khi nhìn không mấy may lộ chút thèm muốn hay đau đớn vì so sánh hai cảnh khác nhau. Họ cũng như chàng, nhìn Lan, Tuyết và Dung như nhìn mấy cô tiên lộng lẫy ở trong tranh không có liên lạc gì đến cái đời lấm bụi của họ.

Doãn mỉm cười:

- Giá mà họ biết rằng ba cô em mình được sang, đẹp và sống nhàn rồi là nhờ họ, nhờ ở cái số tiền lãi bao nhiêu năm súc tích lại!

Trong lúc chàng nghĩ, tiếng một người nhà quê kêu xin năn nỉ với bà Thượng éo le lọt vào tai chàng như làm tăng sự cay chua của ý nghĩ:

- Xin cụ lớn rủ lòng thương cho khất lại số tiền lời đó. Cụ lớn bắt trâu thì chúng con xin chịu, nhưng xin cụ lớn đoái tưởng đến vợ chồng, con cái chúng con sống chết ở tay cụ lớn mà rộng lượng cho.

Xuống xe sau ba cô em chàng là Bảng và bà nghị Tuệ thân sinh ra Bảng. Tuyết thấy Doãn nhìn về phía ô tô mà không chào bà nghị, liền cất tiếng cười nói đùa:

- Anh tôi lại mãi ngắm vẽ. Nhưng xin đừng vẽ chúng tôi đấy.

Doãn giật mình, chạy ra bắt tay Bảng và cúi chào bà nghị. Lan nhí nhảnh nói:

- Bác nghị trách anh mãi đấy. Bác bảo anh không biết việc gì khác, chỉ biết cắm đầu vẽ, không được tích sự gì cả. Bác bảo anh phải đi chơi để mở mắt ra. Anh đừng giận em nhé, vì em chỉ nhắc lại lời của bác... nguyên văn. Cam đoan không thêm bớt một chữ.

Doãn cười nhạt nói:

- Anh cũng sắp mở mắt. Hiện giờ mới mở hé thôi. Cũng tạm đủ nhìn.

Bảng ôn tồn bảo Doãn:

- Độ này tôi thấy chú gầy lắm. Chú phải liệu làm việc cho có chừng thôi. Nên đi chơi luôn luôn cho giải trí.

Doãn đáp:

- Làm việc cho bao giờ yếu người đi. Chỉ yếu người khi nào mình lo nghĩ.

Doãn biết rằng Bảng không tài nào hiểu được sự lo nghĩ của chàng, nên nói tránh đi cho Bảng khỏi hỏi lời thôi:

- Nhưng mà tôi lại không lo nghĩ gì cả. Bao giờ tôi cũng vui vẻ.

Nói vậy nhưng lúc đó Doãn có cái cảm tưởng như một người ở trên bờ vừa bước xuống chiếc thuyền con bập bênh, đương ngả nghiêng giờ hai tay tìm chỗ vịn cho khỏi ngã mà chưa tìm thấy. Nhìn Bảng đứng vững chãi chống hai tay vào cạnh sườn, nét mặt hồng hào, tóc bôi dầu bóng mượt, hình như suốt đời không bao giờ phải suy nghĩ, bứt rứt, Doãn lấy làm thèm; chàng thầm ước được như Bảng, người mà chàng vẫn khinh xưa nay, giờ

chàng mới biết rằng trước kia, hồi chàng còn bình tĩnh cầm cúi vẽ tranh, chàng không có quyền gì khinh Bàng cả. Chàng lẩm bẩm:

- Mình phải tìm cách thoát ra khỏi bước này.

Bỗng tự nhiên, thoáng trong một lúc, Doãn thấy yên trong dạ. Chàng nhìn mấy ngọn cau in như cắt hình lên nền trời không vân mây; cái cảnh diễm nhiên của cây cỏ tự nghìn vạn năm vừa khiến chàng tự trách mình gàn dở và không đâu chuốc lại những nỗi băn khoăn vô nghĩa. Chàng thấy dân quê trong bao lâu cũng hồn nhiên sống như cây cỏ và cái ý tưởng so sánh dân quê với cây cỏ ấy đã an ủi được chàng trong giây lát.

Nhân lúc bà Thượng chạy ra rồi rít hỏi chuyện bà nghị và Bàng, Doãn yên lặng bước lên hiên về phòng. Mỗi lần gặp bất cứ việc gì khó chịu, hễ vào tới xưởng vẽ đóng cửa lại, là Doãn thấy trong người nhẹ nhàng ngay, quên được hết mọi sự. Lần này chàng cũng cố quên, nhưng không thể được vì cái phiền muộn nó ở trong thâm tâm chàng nảy ra chứ không phải ở ngoài đưa đến.

Doãn ngồi chống khuỷu tay xuống đầu gối, hai bàn tay ép lấy hai bên má như người bị lạnh, lông mày giương cao làm da trán nhăn thành mấy nếp, mắt mở to vờ vẫn nhìn những bức tranh treo trên tường.

Những bức tranh ấy vẽ đủ khắp các cảnh quê chàng gặp ở trong làng và ở các vùng lân cận. Những thứ ánh sáng đẹp đẽ, những màu diễm lệ trong mấy năm trời chàng đã tốn bao công phu ghi được lên vải, coi đó là cái khoái độc nhất của đời chàng, nay không làm rung động lòng chàng nữa. Cùng với cái mộng của chàng, vẻ kỳ ảo của những màu trong tranh đã tan đi chỉ còn lại những hình dáng khô khan, trơ trẽn làm Doãn lại nhớ tới cảnh thực bên ngoài. Cảm tưởng của chàng lúc đó không khác gì cảm tưởng của chàng khi đứng xem người ta vớt bèo trên ao; mảng bèo xanh đẹp như một bức thảm gấm đã mất đi và để lộ ra màu đen bẩn của nước ao tù.

Có tiếng động ở bên xưởng vẽ, Doãn đứng dậy chạy sang. Người con gái quê làm kiểu mẫu cho chàng, như mọi ngày đã ngồi đó ngoan ngoãn đợi chàng sang vẽ.

Doãn nói:

- Hôm nay cho chị nghỉ. Tôi hơi mệt.

Chàng quay ra để người con gái thay áo và nghĩ đến bao nhiêu sự khó khăn chàng đã phải vượt qua, bao nhiêu công phu luyện tập mới có được một người con gái biết ngồi làm mẫu. Lần này là lần đầu có người ngồi kiểu sẵn sàng, trời có đủ ánh sáng mà chàng không thiết đến vẽ.

Đợi cho người con gái đi rồi, Doãn lấy ra một tấm bình phong đã khô sơn, đặt lên bàn, ráp nước và lấy than mài. Chàng không nghĩ ngợi, tay đưa đi đưa lại miếng than như cái máy; mỗi lần chàng té nước vào chỗ mài thì những nét bạc lại lộ ra lấp lánh. Nhà cửa và cây cối dần dần thành hình trên nền sơn đen như cảnh vật ở trong một thế giới mộng. Chỉ được một lúc, Doãn lại thấy những ý nghĩ lan man đến quấy rối. Nhìn cái cảnh đời đẹp đẽ, sạch sẽ hiện ở dưới bàn tay đen những than của chàng, Doãn lại nghĩ đến một câu văn đã đọc trong sách. Chàng lẩm bẩm nhắc lại:

- Lúc nào anh cũng phải tự nhủ rằng đời có thể đẹp hơn lên được, đời của anh, đời của những người khác.

Doãn vừa mài vừa ngẫm nghĩ. Chàng thấy đời chàng sống bấy lâu thật là đẹp đẽ, nhưng đó chỉ là một cái đẹp ảo mộng, như một làn mây mỏng hơi có trận gió là tan ngay. Nghĩ đến ông Thượng, bà Thượng, đến nhà cửa, ruộng nương, nghĩ đến thứ tiền của đã giúp chàng đi học, Doãn cũng như nhà văn nọ không muốn nhận cái đời đầy đủ, sung sướng xây trên sự thiếu thốn của người khác.

Doãn giật mình vội gạt nước nhìn: Trong lúc đang trí, chàng đã quá tay mài mất một nét vẽ. Chàng chép miệng rồi lại đều đều đưa miếng than

để trí theo đuổi cái ý tưởng đương bỏ dở.

Chàng tự nhủ:

- Nhưng mình không làm thiệt hại đến ai, mình có quyền sung sướng được không?

Trước kia chàng đã sung sướng, nhưng chàng sung sướng một cách vô tri vô thức, đến nay đã thức tỉnh, đã hiểu biết; nếu cái sung sướng ấy không vững thì tất nó không thật, không chính đáng. Chàng mang máng thấy cần phải tìm một cách sống khác, một quan niệm khác về hạnh phúc có thể đem ra đời với những cảnh thực đau đớn bên ngoài mà không rung chuyển. Một khi đã nghĩ đến chàng không thể khư khư ôm lấy cái thú chật hẹp của chàng trước kia được nữa; hạnh phúc của chàng từ nay chàng đã thấy rõ rệt rằng nó phải liên lạc với hạnh phúc của những người chung quanh; đời chàng, đời một người dân dã đã nhờ sự may mắn được sáng sủa, cần phải ăn nhịp với đời đám dân quê tối tăm, bạn cũ của chàng. Sự nhịp nhàng ấy cần cho hạnh phúc đời chàng cũng như sự hòa hợp của các màu cần cho vẻ đẹp những bức tranh chàng vẽ.

IV

Ăn đã gần xong bữa, Doãn buồn rầu nhìn mâm cơm đầy cao lương mỹ vị mà không ai đả động tới. Chàng vừa ăn vừa cúi mặt xuống vì chàng không muốn để Vĩnh ngượng mỗi khi chàng vô tình nhìn thẳng vào mặt Vĩnh. Từ ngày Vĩnh xin ra làm tri huyện, hai người ít khi gặp nhau, nên Vĩnh đối với Doãn cũng gần thành một người xa lạ. Doãn không thể nào tưởng tượng được rằng người mặc quần áo ta, đội khăn tề chỉnh, cổ áo viền sợi dây đỏ ngời trước mặt chàng lúc đó, trước kia đã nhiều lần cùng chàng vừa hát nghêu ngao vừa nện mạnh gót giày trên các đường phố ở Pa-ri những đêm mưa tuyết. Cùng đồ cử nhân luật một năm, cũng về nước một chuyến tàu, Vĩnh lo xin ra tri huyện, còn Doãn thì ở yên nhà quê, miệt mài

với nghề vẽ. Hôm nay Vĩnh về để nói cho mẹ biết rõ việc dân kiện chàng vừa mới xảy ra.

Bà Thượng chỉ món chim hầm, âu yếm bảo Vĩnh:

- Con ăn đi chứ.

Vĩnh gấp lấy lệ cho mẹ bằng lòng. Doãn để ý thấy Vĩnh chan nước rau, ăn mấy miếng cá, rồi và lừa cho hết bát cơm. Cơm tuy trắng, tuy mềm dẻo nhưng lúc đó đối với Vĩnh cũng khô rắn, khó nuốt như cơm gạo đỏ của bọn dân nghèo. Doãn thấy bà Thượng khi gặp biến lại yêu con hơn lúc thường; từ khi biết tin, bà chỉ lo tìm cách cho con thoát khỏi bước khó khăn, chứ không hề tự hỏi tại sao con bà đã thừa tiền, lại còn ăn hối lộ. Bà chỉ thỉnh thoảng than phiền cùng Doãn:

- Tao đã bảo nó năm nay năm hạn phải nên cẩn thận, nó cứ không thèm nghe.

Ăn xong, Doãn và Vĩnh cùng bước sang bên xưởng vẽ, Vĩnh khép cửa lại hỏi Doãn:

- Tôi cần ít tiền, anh có thể cho vay được không?

Doãn mở tủ lấy ra tập phiếu nói:

- Chú lấy bao nhiêu để tôi ký.

Vĩnh cầm lấy tờ phiếu tay run run, khiến Doãn động lòng thương hại. Đột ngột, chàng nói với Vĩnh:

- Nên tính trước những sự có thể xảy ra được. Nếu chú phải cách thì làm sao?

Vĩnh đáp giọng quả quyết:

- Không thể nào xảy ra thế được. Nhưng nếu xảy ra thì...

Vĩnh cau mày ngừng một lát rồi tiếp theo:

- Nếu cách nào làm cho tôi khỏi mất danh giá thì tôi dùng cách đó.

Doãn biết là Vĩnh định nói đến cách tự tử. Chàng hỏi Doãn như là mình lại tự hỏi mình:

- Vì có gì?

Vĩnh nói:

- Tôi còn mặt mũi nào nữa!

- Nhưng nếu là một việc xấu thì đằng nào cũng xấu rồi cơ mà.

Nói câu ấy vì Doãn đã tin chắc ngay từ lúc biết chuyện rằng Vĩnh thật có lỗi, bị kiện không phải là oan. Vĩnh sững sốt. Doãn vội phân trần:

- Chú đừng giận tôi. Tôi biết chú lắm. Tôi hiểu cái đau khổ của chú hơn ai hết, hiểu hơn cả anh em ruột thịt. Hơn mười năm trời cùng học cạnh nhau.

Thật tình Doãn chỉ thương em chứ không khinh, vì chàng biết Vĩnh là một người rất tốt; Vĩnh thành ra như vậy chỉ vì đã sống một cách sai lạc, hay nói cho đúng hơn, không bao giờ nghĩ đến việc tìm cách sống.

Vĩnh đưa mắt nhìn ra những bức tranh mà chàng không tài nào hiểu được vẽ đẹp. Chàng bảo Doãn:

- Chỉ anh là sung sướng. Không lo không nghĩ, cả ngày mê mết với tranh ảnh. Giá tôi cũng thích vẽ như anh.

Doãn lại phía cửa sổ, cạnh chỗ Vĩnh đứng, rồi hai tay chống cằm nhìn ra ngoài vườn, thong thả nói:

- Chúng mình sống phơ phất... sống như vậy không thể nói đến sung sướng được; nếu có thì chỉ là cái sung sướng trong giấc mê, lúc tỉnh là tan mất ngay.

Doãn ngừng lên nhìn vẻ mặt bơ phờ của Vĩnh và trong trí so sánh lo nghĩ của chàng trong mấy tháng nay với cái lo nghĩ của Vĩnh. Hai cái lo thật là khác xa nhau. Chàng cảm động nói:

- Chú không thể ngờ rằng mấy tháng nay tôi đã khổ sở đến bực nào. Tôi không thể thích vẽ như trước được nữa, cái thích độc nhất trong đời tôi.

Vĩnh có vẻ không hiểu. Doãn nói, giọng tha thiết:

- Chú thử nghĩ lại xem. Chú, đầu chú bị tù tội cũng không sao nhưng tôi, nếu tôi không qua khỏi bước này, thì tôi không hiểu tôi sống, tôi sống đây để làm gì?

Hai người lúc đó cùng nhìn ra phía hàng rào ở cuối vườn. Qua lũy tre, một đám khói xanh tỏa trên mấy nóc nhà tranh lợp xúp đứng thu hình dựa vào nhau như có vẻ sợ hãi. Nhìn ngọn lửa vàng lập lòe sau lá cây, Doãn nghĩ đến mấy miếng cá Vĩnh vừa ăn cho trôi bát cơm trắng và những đĩa cà héo đen của những người làm ruộng suốt đời ăn cho trôi cơm lấy sức làm việc. Quanh năm vất vả, hết nắng thiêu lại đến gió buốt, mà họ không có chút hy vọng gì thoát khỏi cái đời lầm than của họ. Họ không bao giờ nghĩ đến điều đó nữa. Suốt ngày còng lưng nơi bùn lầy nước đọng, đêm về chui rúc trong những gian nhà tối tăm, chiếu hôi, giường bẩn, cảnh đời như thế lúc nào cũng ở trước mắt chàng mà sao trước kia chàng không nom thấy, thờ ơ đi tìm những vẻ đẹp mĩa mai của hình sắc. Doãn nghĩ đến những ổ rơm bẩn thỉu, những đứa trẻ gầy còm ốm yếu, cổ sống cầm hơi chờ khi lớn để kéo dài mãi cái đời nhem nhuốc của ông cha.

Doãn mang máng như sắp nghĩ ra được một điều rất quan trọng trong đời mình. Vì có Vĩnh đứng cạnh nên chàng không muốn cố tìm.

- Lát nữa ta sẽ đi chơi và nghĩ cho kỹ hơn.

Nhìn lại Vĩnh, tự nhiên chàng đem lòng khinh rẻ, chứ không thương nữa. Chàng lăm bắm trong miệng bằng tiếng Pháp:

- Tàn nhẫn mà không ngờ mình tàn nhẫn.

Chàng không biết đó là câu để mắng Vĩnh hay là để mình tự mắng mình. Tuy thấy Vĩnh cũng nhìn một nơi nhưng chàng biết là cảnh ấy không gọi trong óc Vĩnh cùng những ý tưởng như chàng. Chàng cất tiếng nói to cho Vĩnh nghe thấy.

- Chúng mình phải mở mắt nhìn. Tuy đau đớn thật, nhưng lúc cần thì phải biết đau đớn.

Chàng thấy Vĩnh tuy đứng cạnh nhưng đã xa chàng lắm. Người bạn học của chàng, người đã cùng chàng chung một văn hóa, một ngày một xa chàng mãi. Chàng biết rằng nói với Vĩnh là vô ích. Muốn cho Vĩnh thay đổi thì Vĩnh cũng phải cảm thấy như chàng. Doãn đi lại phía bàn rút điều thuốc lá hút.

- Nhưng để làm gì? Đến mình đây, mình cũng chưa tìm nổi cách cứu được mình, nữa là...

Bà Thượng mở cửa hỏi:

- Hai anh em bàn gì trong đó?

Rồi bà bảo Vĩnh:

- Con ra đi thôi. Ô tô đã về đón kia rồi.

Đợi cho Vĩnh đi khỏi, Doãn cởi áo ngoài, ngồi dạm nét vẽ lên trên gỗ. Chỉ được một lúc, chàng vút bút chì, vút tẩy, đứng dậy đi đi lại lại trong phòng. Chàng ra hiên đứng nhìn trời cho khỏi rức đầu rồi hai tay đút túi quần, đi qua vườn mở cổng sau ra đường làng.

Vài cái lá tre khô rơi ngang trước mặt Doãn, gió bắc thổi lũy tre kêu lắc rắc. Mùi bèo mới vớt từ ao lên để cạnh đường đi, gợi trí nhớ Doãn nhớ tới thuở bé, nhớ lại mẹ chàng, người mẹ mà chàng không nhớ rõ mặt, nhưng tin chắc rằng đã sống một đời khổ sở cho đến lúc chết. Trong chiếc nhà tranh gần đây, vẫn có tiếng xay thóc và tiếng ru em như năm xưa...

Không lúc nào Doãn cảm thấy thân mình trợ trợ và đời mình quạnh hiu bằng lúc đó. Bao nhiêu người yêu của chàng, cha mẹ, anh em, đều lần lượt theo nhau khuất dần; nghệ thuật, người bạn cuối cùng bấy lâu vẫn an ủi chàng cũng bỏ đi nốt để chàng lại một mình chơ vợ. Chàng không hiểu còn cái gì, cái gì nữa giữ chàng sống ở đời... Doãn khoanh tay ôm chặt lấy vai như người lạnh; hai con mắt chàng mở to nhìn. - Một chiếc lá tre khô từ trên cao rơi thẳng xuống mặt nước; Doãn nhìn chiếc lá tre theo gió trôi trên mặt ao, lắc đầu lẩm bẫm:

- Thế nào mình cũng phải tìm một thứ khác thay vào! Chàng nghĩ đến những họa sĩ bạn của chàng và cho mình có cái óc hơi khác thường. Tự nhiên mất lòng yêu nghệ thuật, mất hết bình tĩnh trong tâm hồn mà không có ích lợi gì. Chàng đoán có lẽ tại ở nhà quê lâu ngày, bị hoàn cảnh ám ảnh.

- Có lẽ ta phải bỏ lên Hà Nội. May ra có thể lại yên tâm làm việc được.

Cái ý tưởng đi trốn ấy khiến Doãn mỉm cười, vì chàng cho là vô ích. Chàng cần tìm một lý tưởng để nó đem lại cho chàng sự bình tĩnh trong tâm hồn, nhưng cái bình tĩnh ấy phải chắc chắn, ở vào hoàn cảnh nào cũng không mất được.

Doãn thấy mình không có quyền đi trốn: Chàng phải sống ở đây, chàng phải giam mình trong cái đời bần thiêu kia như giam mình trong vũng bùn lầy; chính những nỗi khổ của người chung quanh sẽ đem lại cho chàng cái lẽ để mà sống. Nhìn những lũy tre các làng ở chân trời không bao giờ thay đổi hình dáng, nghĩ đến đời của đám dân trong bao nhiêu năm đóng nguyên một chỗ như vũng nước tù, Doãn nhớ lại điều chàng nhận thấy hôm giờ số cho vay nợ: Họ khổ sở và chịu sống mãi trong đêm tối vì không có ai soi sáng họ, dạy họ biết một cách sống khác, gọi họ mơ ước một cảnh đời đẹp đẽ hơn. Doãn càng thấy rõ cái vô lý của công việc chàng bấy lâu; mê man đi tìm những thứ ánh sáng huyền ảo trên các nóc tranh, không bao giờ tưởng quá tới sự thực thắm đậm: Những cuộc đời tối tăm trong các gian nhà tối tăm. Nghệ thuật mục đích để tìm cái đẹp, làm cho người đẹp đẽ hơn lúc đó đối với chàng chỉ là một sự mĩa mai đau đớn!

Doãn đi rẽ sang con đường nhỏ để lên trên đê. Một người đàn ông đương cày một thửa ruộng và hai đứa bé đóng khố đứng dưới lạch nước lẩn sau hàng cói lơ thơ, làm chàng nghĩ đến một bức tranh vẽ cũng cảnh ấy gửi bày ở Hà Nội. Chàng lại nhớ tới câu khôi hài chua chát của một người bạn nói với chàng khi ngắm bức tranh:

- Vật nhỏ mọn, đê tiện thế kia, thật không đáng cho người ta để tâm thương đến.

Nhưng hồi đó chàng không hiểu; bức tranh đối với chàng chỉ là một vẻ đẹp, ngoài ra không có ý nghĩ gì khác. Doãn lẩm bẫm:

- Đẹp, thiếu gì cái đẹp... Sao mình lại chỉ yêu có mỗi một cái đẹp về hình sắc.

Doãn tự nhiên thấy trong lòng mình man mác; chàng biết là sắp tìm ra được cách sống thế nào để có thể hòa hợp được hai sự trái ngược nhau: Lòng yêu nghệ thuật và lòng trắc ẩn trước những cái đau khổ ở bên ngoài.

Doãn giơ tay hất bờm tóc gió thổi xòa xuống che khuất một bên mắt. Chàng nhìn ra phía sông, thở mạnh và lắc đầu như để xua đuổi hết những lo nghĩ rối loạn trong óc và để sẵn sàng đón tiếp những ý tưởng quang đấng nó như sắp theo gió ở xa đưa lại.

Doãn đi rẽ sang qua đê cũ lượn sát bờ sông để ra chỗ "bụi tre một" cạnh một cái bến đò bỏ không. - Chàng ngồi xuống một mô cỏ, ngay chỗ mà hồi còn bé đã nhiều lần chàng ngồi đợi mẹ chàng đi chợ qua đó về. Cũng như hai mươi năm xưa, bên làn nước gợn sóng lăn tăn, xác những con vờ vướng ở ngọn cỏ phất phơ trước gió chiều...

Doãn táy máy rút một cây cỏ đưa lên miệng nhai lá. Mùi đất ở rễ cỏ chàng tưởng như một mùi thơm của thời quá vãng còn vương lại, để chàng nghĩ đến cái ý nghĩa của quê hương. Doãn thấy mình đã bao lâu nay sống ở giữa chốn quê mà đối với quê như một người xa lạ; bây giờ chính những cảnh nhem nhuốc của quê hương đã kích thích chàng, xúi giục chàng quay về với quê hương và mong mỏi cho quê hương trở nên đẹp đẽ. Đời của đám dân quê đã bao lâu bị chàng thờ ơ, lạnh nhạt, bỏ quên như xác những con vờ bên sông kia, từ nay chàng sẽ săn sóc tới.

Thoáng một lúc chàng thấy hiện ra, trên những làng xóm ngủ yên, in bóng xuống các ruộng nước trắng rải rác ở chân trời, những cảnh đẹp khác hẳn những cảnh đẹp chàng vẫn phô diễn trong tranh: Đó là những cảnh đời đẹp đẽ sáng sủa mà mấy tháng trước đây chàng đã có lần tưởng đến, nhưng cho là không bao giờ thành được sự thực. Doãn ngâm nghĩ:

- Ta phải hết lòng đi tìm cái đẹp ấy cho người khác cũng như là bấy lâu ta đi tìm cái đẹp về hình sắc để ghi trên vải lụa.

Ý nghĩ ấy làm chàng vui vẻ vì nó thỏa được lòng yêu nghệ thuật cổ hữu của chàng.

- Trong công việc tô tạo vẻ đẹp của đời người, ta sẽ khoan khoái và lòng ta cũng rung động một cách êm ái như trong khi tìm những màu hòa hợp để vẽ nên tranh... Cảnh đời đẹp đẽ của dân quê đối với ta cũng là một bức tranh đẹp.

Doãn ngồi không dám động đậy sợ những điều chàng mới nhận ra như con chim còn dút dất bay vụt đi mất.

Mấy ngôi sao chiều yếu ớt mới mọc ở chân trời mờ sương lúc ẩn, lúc hiện, nghĩ đến cái sung sướng bắt đầu nhóm trong lòng, Doãn lẩm bẩm:

- Ước gì lòng ta cứ mãi mãi được như thế này.

Chàng mỉm cười vì nghĩ đến rằng mình giàu có, sang trọng ai cũng tưởng như vậy là đủ sung sướng, không ngờ đâu hạnh phúc của cả đời mình lại dựa vào một cái vô hình, mỏng manh, không có giá trị gì đối với mọi người.

Doãn đi vòng ra phía chỗ để về cổng trước. Lúc đó, trời sâm sẫm tối. Hai dãy nhà bên đường đã đóng cửa gần hết; thỉnh thoảng qua phen đại thấp thoáng ánh đèn.

Bóng tối nặng nề như đè các mái tranh thấp sát xuống đất; cảnh tượng thảm đạm mọi ngày trông càng thảm đạm hơn nhưng Doãn, chiều hôm nay, nhìn đến không còn buồn nản một cách khó chịu nữa. Chàng có cảm tưởng là lạ rằng vừa đi du lịch ở một nơi rất xa nay trở về quê, thấy cảnh vật có vẻ thân yêu chàng và đón mừng chàng như đón một người bạn cũ. Lúc đi ngang qua túp nhà Doãn ở trước, nay lại tồi tàn hơn xưa, hình như trong bóng tối lờ mờ, Doãn thấy mẹ chàng ăn mặc theo lối một người dân nghèo, đứng ở cổng có vẻ mong đợi chàng đã lâu. Doãn tưởng trông thấy mẹ mỉm cười mừng rỡ, mừng rằng nay chàng lại biết đóai hoài tới những người bạn hèn cũ, chìm đắm trong tối tăm; bên tai, Doãn nghe văng vẳng như có tiếng hỏi dụi dụi, âu yếm:

- Con đã về?

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Hai Chị Em

Bà xã Vực có hai cô gái đầu lòng: Bìm và Lạch. Bìm hơn Lạch hai tuổi, nhưng trông già hơn nhiều: Người nàng béo chắc, chân tay to, mắt nhỏ và hơi toét. Hai mí mắt hùm hụp, đôi má bánh đúc và cặp môi dày làm cho nét mặt Bìm có vẻ nặng nề, đần độn. Bìm suốt ngày làm lụng vất vả, thức khuya dậy sớm, ăn uống kham khổ nhưng cứ một ngày một béo đen ra. Bìm không hay nói, không cãi lại ai bao giờ, lúc nào cũng lì lì, vui buồn không lộ ra nét mặt. Bà xã rất yêu Bìm, và tuy Bìm mới hai mươi tuổi bà đã cho là con ế chồng, ngày đêm lấy làm buồn và thương con. Bà tự an ủi rằng con mình tuy xấu, nhưng được cái tính nết tốt, đứng đắn và chăm chỉ công ăn việc làm.

Cùng xóm có ông lý Thịnh, nhà giàu, cày cấy trên hai mươi mẫu, ông Lý, bà Lý hiếm hoi chỉ có một người con trai, năm ấy mười ba tuổi. Bà xã Vực biết rằng ông Lý cần người làm nên rất hy vọng Bìm được về làm dâu nhà ấy. Bà Lý cũng đã để mắt tới Bìm và dò tính nết Bìm rất cẩn thận; chỉ có một con nên bà thận trọng trong việc kén chọn nàng dâu. Có người chê Bìm chậm chạp. Bà đáp:

- Chậm nhưng mà chắc chắn. Tưởng người như thế được việc.

Trong lúc nói câu ấy, bất giác bà nghĩ đến mấy con trâu ở chuồng nhà bà.

Hôm mới sang hỏi, bà xã xin khất để còn dò ý con. Thật ra bà không cần hỏi, vì bà biết chắc rằng thế nào Bìm cũng bằng lòng. Bìm nghe người ta nói chuyện nên biết tin. Nàng không hề nghĩ đến người chồng mới mười

ba tuổi của nàng; cậu bé con ấy không kể đến. Việc chính là việc nàng về làm dâu nhà bà Lý. Làm dâu một nhà giàu ấy, Bìm cho là rất hân hạnh.

Hôm đón dâu vì một việc hiểu lầm suýt xảy ra sự lôi thôi.

Sau khi mặc cả hai, ba phen, bà xã yên trí rằng nhà trai sẽ nộp cưới đủ tám chục bạc. Nhà trai lại tưởng bà xã bằng lòng sáu chục.

Trước mặt hai họ đông đủ, ông xã phàn nàn về việc đó và xin hoãn ngày cho dâu về. Sau một hồi bàn tán thương lượng, ông xã bằng lòng vậy vì nhà trai có hứa sau sẽ nộp đủ số bạc.

- Xin ông bà nghĩ tình cho trẻ, cho chúng thành vợ thành chồng là điều cần nhất. Đợi mãi mới chọn được ngày tốt, để xin đón dâu. Sau sẽ xin chu tất.

Vợ chồng ông xã biết trước rằng con đi thì tiền không về nữa, và tự cho là mắc lừa. Bà xã thương con, sợ hỏng việc nên đành chịu mất số hai chục bạc. Bà bảo thăm chồng:

- Thôi thầy nó ạ. Già néo đứt dây.

Vì thế dây không đứt. Chỉ đứt những dây chằng ngang trên đường làng từ nhà ông xã đến nhà ông Lý để mở lối cho Bìm về nhà chồng, cho Bìm lấy một cậu bé mười ba tuổi sau khi đã bán thân bằng một số tiền sáu chục bạc.

Bà xã chỉ cốt lo xong việc cho con gái lớn; đối với Lạch, biết rằng không sao răn bảo được, bà đã coi như một đứa con bỏ đi. Bìm đứng đắn bao nhiêu thì Lạch lẳng lơ bấy nhiêu. Lạch không biết nghe lời ai cả. Lạch như con chim vành khuyên đẹp mã, nháy nhót luôn chân, ai trông cũng muốn yêu. Hai con mắt nàng trông ai cũng hình như đưa tình và đôi môi nàng nói với ai cũng như trao đổi những lời ân ái, Lạch hát rất hay; những đêm thu trăng sáng, không nơi nào là không có tiếng nàng. Nàng đứng lẫn

trong bóng cây, những quãng đường vắng, hát gheo trai làng đi qua, rồi cười khúc khích, lấy làm sung sướng. Nàng không có tính nết đứng đắn, nên gặp người đàn ông nào nàng cũng coi thường. Thấy chị sắp lấy Ngẫu, con ông Lý, nàng ôm bụng cười lăn. Có lần gặp Ngẫu, Lạch ẩn vào một bụi cây, đợi Ngẫu đi quá gọi:

- Em Ngẫu ơi, vào đây chị bảo tí ti.

Rồi nàng kéo cậu bé vào, lấy hai tay xoa đầu một lúc, lại thả cho đi.

Không phải nàng biết nghĩ cho việc lấy chồng như vậy là vô lý; nàng vốn có bản tính ngang tàng nên thấy việc ấy buồn cười quá, như nàng, nàng không sao kham nổi. Bà xã vẫn bảo:

- Con này ngày sau chỉ đi làm đĩ... Chị mày còn cho tao được mấy chục bạc, chứ mày rồi thì tao mất nhờ lại mang tiếng xấu lây.

Cách đó ít lâu, Lạch theo một phường hát chèo đi lang thang hết làng này đến làng khác. Kiếm không đủ tiền, Lạch bỏ nghề hát chèo. Nhờ có nhan sắc và giọng hát hay, Lạch trở nên một danh ca của xóm bình khang gần Hải Phòng.

Trong lúc đó, Bìm vẫn sống yên lặng ở nhà ông Lý. Nàng giữ đủ bốn phận một cô nàng dâu, nghĩa là suốt ngày làm vất vả để hầu hạ nhà chồng.

Bốn giờ sáng, Bìm đã dậy để băm bèo, đun cám cho lợn ăn và thổi cơm cho những người đi làm. Rồi cả ngày trông nom những việc trong nhà, hầu hạ cơm nước bố chồng, hầu chồng và các em gái bé. Những khi nhà có việc, ngày giỗ ngày Tết, một mình nàng, con dâu trưởng, phải cáng đáng mọi việc; đầu tóc đầy tro bụi, mặt mày nhem nhuốc, mình mặc chiếc áo vá và chiếc váy đụp không bao giờ giặt, Bìm hết ngồi trước bếp lửa nóng vằn cơm, lại chạy bưng các món ăn hầu những bô lão đến uống rượu, mắt đỏ gay. Quanh năm suốt tháng, công việc của nàng không bao giờ thay đổi. Nàng không bao giờ được nghỉ ngơi và cũng không bao giờ cần phải nghĩ.

Sau ngày cưới mấy tháng, nửa vì Ngẫu đã quen Bìm không sợ hãi như trước, nửa vì bố mẹ chồng bắt buộc nên hai vợ chồng đã ngủ chung một buồng. Nhưng Bìm làm việc suốt ngày mệt mỏi, vào đến giường chưa đặt mình đã ngáy; Ngẫu sợ lạnh ngủ rúc vào nách vợ để tìm hơi nóng như một đứa bé nằm trong lòng mẹ.

Một lần trên quãng đường vắng, Bìm gặp một người đàn ông. Nàng không hồi hận, nàng chỉ sợ thôi, và khi về đến nhà thấy sự nguy hiểm đã qua, chắc rằng không ai hay, và nếu có con cũng là con của Ngẫu, nên Bìm coi như là một việc thường đã xảy ra. Nàng không hề áy náy trong lương tâm.

Như một con gà trống thiến, như một con lợn không tư tưởng lẫn lộn trong nơi bán thiu mà vẫn béo tốt, Bìm một ngày một béo hơn, mắt Bìm một ngày một toét thêm ra.

Ông Lý có nuôi trong nhà một ông đồ để dạy dăm ba đứa trẻ trong làng học chữ nho. Ngẫu cũng có học, học để biết dăm ba chữ xem nổi văn tự và gia phả.

Nhiều khi trong lúc vợ Ngẫu đứng cho lợn ăn, mặt mũi chân tay, bán thiu không kém gì những con lợn trong chuồng, mà đời nàng với đời những con lợn kia biết đặng nào có giá hơn, đáng sống hơn, thì trên nhà tiếng Ngẫu ê a như tiếng ở thời cổ đưa lại:

- Đại học chi đạo... đại học chi đạo, đại học chi đạo, a...

Tại minh minh đức, tại tân dân, đại học chi đạo ư a... tại tân dân... âm a...

Rồi Ngẫu vừa đọc vừa dịch ra tiếng An Nam:

- Đại học chi đạo ư... a... tại tân dân... ở mới dân, tại tân dân, ... ở mới dân.

Bìm không còn nghĩ gì tới người em gái đốn mạt đã bỏ nhà đi. Có ai nhắc tới thì nàng thầm mắng em:

- Con đi!

Nàng coi như là không có người em ấy nữa.

Lạch không những chỉ làm nghề ả đào. Khách làng chơi đêm nào cũng rủ nàng đến các tiệm khiêu vũ; ít lâu nhờ có bạn trai dạy nhảy, nàng bỏ nghề cũ làm một vũ nữ cho một tiệm nhảy ở Hải Phòng. Đêm đến, trong lúc Bìm ở nhà quê nằm ngáy bên cạnh một đứa bé bần thiêu, mình đắp một mảnh chiếu rách, thì dưới ánh đèn xanh đỏ, Lạch tươi đẹp như bông hoa, ôm một chị em bạn cùng nghề nhảy lượn theo điệu đàn du dương, đợi khách chơi đêm. Quặt tay ra sau vai, Lạch vừa nhảy vừa đùa, nhí nhảnh. Thỉnh thoảng thích chí, nàng ngả nghiêng đầu theo dịp đàn, chân đạp mạnh xuống nền gạch, rồi ôm bạn quay vòng mấy lượt. Nàng cất tiếng hát theo bài đàn, rồi bất giác nhớ lại những đêm trăng ở nhà quê, nhớ lại những bụi tre khóm ổi, cảnh cũ của đời ngây thơ nay đã xa lắc; nàng cảm động se se ngâm:

Khi đi trúc chừa mọc măng,

Khi về trúc đã cao bằng ngọn tre.

Một ngày kia tình cờ có người nhân tình đưa nàng đi chơi ô tô về qua làng; Lạch xin phép bạn về thăm nhà và dặn bạn khi quay về đón ở quán nước đầu xóm. Bà xã thấy con về, ôm mặt khóc:

- Sao mày không chết đường chết chợ ở đâu cho rảnh, còn bén mảng về đây làm gì cho tao thêm nhục.

Thấy Lạch, bà lại nghĩ đến Bìm và tự an ủi rằng hỏng em, nhưng được chị. Lạch nói:

- Con xin phép u sang thăm chị con và anh con... xem đã nhớn được tí nào chưa. Anh gì nhỉ, u nhỉ?

Lạch cất tiếng cười rồi nói tiếp:

- À, con nhớ ra rồi... Anh Ngẫu, Ngẫu!

Bà xã vội can:

- Thôi, mày đừng sang đây bêu xấu tao, bêu xấu chị mày. Lạch không nghe lời mẹ. Lúc sang tới nhà ông Lý, Bì

đang ngồi bắt chấy cho mẹ chồng cạnh đồng rơm. Lạch vén áo, ngồi trên bức tường thấp bao bọc khu vườn cảnh. Dưới ánh nắng, chiếc áo lụa màu vàng và chiếc quần cẩm nhung của nàng bóng loáng. Mùi nước hoa bay thoảng.

Bì hỏi gọn một câu lãnh đạm:

- Cô về chơi.

Bì ngượng quá, cúi mặt, bới tóc mẹ chồng một lúc rồi rút trứng chấy đưa lên miệng cắn:

- Gớm! Đầu bu lắm chấy quá.

Ngẫu đương ngồi ở trước hiên nghêu ngao đọc: "Đạo thánh hiền là rộng,... Đạo thánh hiền là rộng", thấy người lạ mặc áo đẹp, vội chạy ra, rồi sợ hãi đứng ở xa, bên cạnh một đàn lợn con thả rong vừa mút ngón tay, vừa trở mắt nhìn, Lạch trông thấy Ngẫu, mỉm cười, nhắm một bên mắt lại, nháy mắt chế giễu quen như độ còn ở nhà. Nàng toan cất tiếng cười, nhưng phải cố giữ lại.

Lâu không thấy bà Lý và chị mời vào trong nhà, Lạch đứng lên từ cáo.

Bìm đưa mắt nhìn theo dáng đi ông ọ của Lạch, bữu môi. Nàng hết sức ngưỡng mặt với mẹ chồng vì có người em làm đĩ. May quá, lúc đó nàng bắt được con chấy to, liền đặt vào lòng bàn tay mẹ chồng, nói để che ngưỡng:

- Bu nà! Con chấy kèn đố nà.

*

* *

Bạn tôi kể xong câu chuyện, kết luận:

- Lẽ cố nhiên là Bìm được trọng vọng và Lạch bị khinh rẻ. Nhưng đời một người bán thân bằng số tiền mấy chục bạc để về làm nô lệ một đứa bé hỉ mũi chưa sạch, đời một người vẫn được tiếng là con hiền, dâu thảo, đứng đắn, nết na, cái đời lương thiện ấy khổ nạn quá, bản thiu quá đến nỗi tôi lưỡng lự không biết có thể đặt lên trên đời Lạch, một con đĩ, được không? Đời Lạch tuy xấu xa nhưng còn là đời một người, và Lạch tuy làm đĩ, nhưng còn biết mình làm đĩ, không u lì như một con trâu người ta trả tiền lôi đi vì nó được việc. Bìm khinh Lạch, nhưng thật ra Bìm không có quyền ví mình với Lạch, một người đã có hơn nàng cái giá trị làm một người.

- Nhưng đó là chuyện thật?

- Không hẳn là chuyện thật. Song như Lạch rất ít mà như Bìm, ở xã hội quê ta thiếu gì. Tôi kể anh nghe câu chuyện này vì tôi vừa thấy một cậu bé toét mắt, trọc đầu, ước độ mười tuổi mà có vợ hơn ba năm, và mới đây vào tiệm khiêu vũ ở Hải Phòng tôi đã được thấy một cô cắt cỏ lẳng lơ ôm một bạn gái nhảy lượn dưới ánh đèn như hai con thiêu thân. Cô cắt cỏ - tôi tạm gọi là cô Lạch - có hai con mắt đẹp nhưng nhiễm đầy vẻ buồn ảo não hình như đương nhớ tới quê hương, mong mỗi một cảnh đời khác mà không sao được. Tôi tưởng nghe thấy tiếng cô ta bảo tôi, đau đớn tuyệt vọng:

- Em thế này để khỏi phải sống như chị em!

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Tiếng Kêu Thương (Lời Một Người Đàn Bà Bán Hàng Nước)

Thuở bé, hồi lên mười một, mười hai tuổi, tôi đã có cặp sách đi học, học ở một trường con trai huyện G... Tôi không có một người bạn học gái nào, vì độ ấy, con gái đi học còn hiếm lắm.

Cứ chiều đến, anh tôi và một người bạn của anh tôi tên là Hải thường rủ tôi đến chơi các nhà bạn học, mà hồi đó, người bạn thân nhất của nhà tôi là cậu Đan, chồng tôi bây giờ. Cậu Đan là con bà tuần Đông (ông tuần lúc đó đã qua đời) ở một cái ấp rất lớn, bên cạnh trường học. Mỗi lần vào chơi nhà Đan, chúng tôi phải đi qua mấy lần cửa; cái ấp ấy đối với tôi thật có vẻ kiên cố, vững chãi, tôi tưởng chừng nghìn, vạn năm không thể suy chuyển được và cho Đan là một người sung sướng nhất đời.

Một buổi chiều, mà buổi chiều ấy không bao giờ tôi quên, Đan rủ Hải, cùng anh tôi và tôi vào chơi nhà Lương, để Lương thổi sáo cho nghe. Tôi còn nhớ cả con đường vào nhà Lương, nhớ cả mấy cây cúc vạn thọ, hoa lá héo rũ sau một ngày nắng to. Đan bảo anh tôi rằng Lương là con một ông án đã qua đời, cùng với mẹ già đến ở nhờ trong ấp.

Chúng tôi vào chơi được một lúc, Lương lấy sáo ra thổi. Tôi không biết Lương thổi sáo có giỏi hay không, vì độ ấy tôi chưa đủ trí phán đoán. Nhưng tiếng sáo nào nùng như tiếng than vãn cái cảnh nghèo của con một ông án ở trong túp lều tranh xơ xác với bà mẹ già đầu tóc đã bạc phơ, chiều hôm ấy đã gieo vào tâm trí non nớt của tôi một nỗi buồn chán nản và lần đầu tiên đã cho tôi cảm thấy rõ cái đau khổ của những cảnh sa sút ở đời.

Tiếng sáo ấy, tiếng sáo của một buổi chiều trong ký vãng xa xăm lúc nào cũng như văng vẳng trong đời tôi, đến nay thì cái dư thanh ấy đã biến thành một tiếng sáo thực, cứ chiều chiều lại đến ní non bên người tôi... ngay ở trong nhà tôi... mà người thổi sáo bây giờ lại là Đàn, chồng tôi.

Đến năm mười bốn tuổi, thầy tôi bắt tôi ở nhà vì đã lớn, đi học có nhiều điều bất tiện. Năm mười sáu tuổi tôi lấy Đàn.

Bắt đầu từ đó, tôi sống một đời sung sướng, nhàn nhã trong một cái ấp rộng, vườn tược bao la, tôi cho là đẹp đẽ như một cái vườn ở trên tiên giới.

Chồng tôi học lớp nhất trường Bảo Hộ, nhưng vì thi luôn ba năm không đỗ sơ học tốt nghiệp, nên bỏ về nhà nói là để làm ruộng. Tôi còn ít tuổi nên cả ngày chỉ có việc ăn chơi và dọn dẹp nhà cửa, còn việc quản trị ruộng nương về phần mẹ chồng tôi cả.

Năm năm qua. Tuy không được dự một tý gì về việc nhà, nhưng tôi cũng dần dần thấy rõ những triệu chứng về sự khủng hoảng trong gia đình. Nguy hơn nữa, là chồng tôi vì quá chơi bời, nên mắc nghiện, mẹ chồng tôi phải cho đem bàn đèn về nhà để tránh tiếng. Rồi hôm hôm... mẹ chồng tôi gọi tôi đến khóc lóc kể cho tôi biết rằng ấp đã bán cho người ta để lấy tiền trả nợ, nay mai người ta sẽ đến ở, mình phải dọn ra cái nhà nhỏ ở đầu ấp với một vài sào vườn. Cái nhà ấy lại chính là cái nhà cho Lương ở nhờ mười năm trước.

Ở đây không có cách gì sinh nhai cả, một ít đất làm vườn chỉ đủ để sống lần hồi cho qua ngày một cách khốn nạn mà thôi.

Tôi lại sinh thêm một đứa con trai nữa: Tôi xoay sở hết cách cũng không thể nào đủ tiền phụng dưỡng mẹ chồng tôi và nuôi hai đứa con thơ. Chồng tôi thì liệu kiếm lấy mà hút; tuy thừa biết cách kiếm tiền của chồng tôi là bất chính, tôi cũng phải làm ngơ đi. Người ta trong lúc nghèo đói không thấy mình quá nghiêm khắc, quá giữ gìn nữa.

Sau cùng, chúng tôi phải bán cái nhà đó cho một người cai trong ấp, rồi đem nhau ra ở ngoài quán B..., cách ấp độ năm trăm thước. Cho đến bây giờ, chúng tôi còn ở đây và có lẽ phải ở đây cho hết đời. Tôi mở một ngôi hàng bán nước chè tươi, bún riêu và bánh đúc cho những người phu xe kéo khách qua.

- Cô hàng cho tôi bát nước chè. - Cô hàng cho tôi xu bún riêu.

Thấy khách gọi, tôi lật bát rót nước chè hay canh riêu, lâu dần như cái máy, ít khi nghĩ đến mình là con dâu một ông tuần... - Sao nước chè nguội và loãng thế này. Chắc lại pha thêm nước lã chứ gì?

Tôi chỉ mỉm miệng cười như một cô hàng biết chiều khách. Tôi quen rồi nên không giận ai nữa. Tôi chỉ tủi thân nhất là khi nào thấy một vài người khách hàng, vì quen mồm còn gọi tôi bằng "mợ".

Trong khi tôi bán hàng, bà mẹ chồng tôi, đầu tóc bạc phơ, chống cái gậy ra cho gà ăn, và hai đứa con tôi trần truồng ghẻ lở nằm ở hiên nô đùa.

Còn chồng tôi, nếu không rúc trong buồng tối hút thuốc, thì cũng lò dò đi khắp nơi làm những việc hèn hạ: bắt trộm gà, bẻ măng; có khi hai, ba ngày không về. Chồng tôi ngoài cái thú nằm bàn đèn ra, chỉ còn mỗi cái vui khi nào tôi nấu xong nồi canh riêu ngon là đến ăn trước một bát. Tôi múc bát riêu nóng, hơi lên nghi ngút, mỉm cười mời chồng ăn. Hai vợ chồng nhìn nhau cảm động. Tôi cũng thương hại, vì tôi biết chồng tôi cũng như tôi cảm thấy rõ sự trụy lạc của mình vì nghị lực đã hết, nên đành nhẫn nhục chịu thủ phạt; biết mình khốn nạn, nhưng không tài nào cất đầu lên được nữa.

Thình thoảng chồng tôi nảy ý lên mở kiếm việc làm, nhưng mấy ngày sau lại không thấy đả động đến nữa; hết lực rồi.

Mới đây ít lâu, có một cái xe ô tô hòm đở ở trước quán. Xe ô tô ít khi đi qua con đường này, nên tôi để ý nhìn kỹ người ngồi trên xe và thấy người

ấy có vẻ mặt quen quen. Người đó hình như cũng nhận ra, nên đã nhìn vào hàng bên cạnh, lại sang hàng tôi. Đến khi người đó vào ghế ngồi thì tôi không thể làm được: Chính là Hải, người bạn của anh tôi ngày trước.

Tôi vờ như không nhận ra, còn Hải ý chừng sợ tôi tưởng là làm cao, nên vội hỏi ngay:

- Có phải cô là cô Hà, con ông thợ Sắc ở huyện này?

Tôi mỉm cười trả lời rất tự nhiên:

- Vâng. Còn ông có phải ông là... anh Hải Trương Phi không?

Tôi cười vì tìm được một câu nói đùa thân mật, nhưng cười mà thấy nước mắt mình như muốn giàn giụa ra. Tôi cố giữ lại được ngay; thấy Hải hỏi về gia thế tôi, tôi cho Hải biết rằng thầy tôi mất đã lâu... bây giờ tôi lấy chồng nhà nghèo ở đây, nhưng giấu không cho Hải biết chồng tôi là Đản. Hải chăm chú nhìn tôi mãi. Một người phu xe vào hàng, vút đồng trinh trước mặt tôi nói:

- Cô hàng cho tôi bát nước đây.

Hải cố ý ngượng hộ nên nói như để an ủi tôi.

- Mỗi người một cảnh...

Khi Hải lên xe đi rồi, cả ngày hôm ấy tôi như người mất hồn.

- Vì cố gì mình lại phải sống cái đời khốn nạn như thế này?

Tôi tự hỏi thế, nhưng không tìm được câu trả lời.

Phận con gái về nhà chồng thì cái sướng, cái khổ của mình là hoàn toàn do ở nhà chồng, không phải tự mình quyết định được. Mẹ chồng tôi và chồng tôi là những người đã có lỗi và đã làm phí cả một đời tôi, tôi cũng

không thể trách được, tôi đành yên lặng theo cái số phận mình, làm đủ bốn phận một người nàng dâu, một người vợ. Tôi biết tôi có thể tìm cách lên cao được, nhưng chân tôi bây giờ như có hòn đá buộc vào, không thể tháo ra được. Lắm lúc tôi muốn bỏ đi xa hẳn người chồng hèn hạ kia đã làm hại đời tôi, để mưu lấy một cuộc đời trong sạch, nhưng hễ trông thấy hai đứa con thì tôi lại biết rằng không thể nào thoát được, đành chỉ cúi đầu ứa nước mắt.

Chồng tôi mượn được cái sáo của ai về, cứ chiều đến lại ra ngồi ở hiên thổi bài "Nam Ai". Tiếng sáo làm tôi hồi tưởng lại cả quãng đời thơ ấu và nhắc tôi nhớ lại cái cảm giác thương hại cảnh trụ lạc nhà Lương hồi tôi còn là cô học trò bé dại, thơ ngây.

Chồng tôi lúc thổi sáo không biết lòng có rung động gì không, còn tôi thì khi nghe tiếng sáo tôi tưởng như là tiếng than khóc của tâm hồn tôi, tâm hồn một người đàn bà đương độ thanh xuân, đáng được sống một cuộc đời tốt đẹp mà số phận đã bắt phải mãi mãi sống những ngày tuyệt vọng của cái đời trụ lạc này.

Tôi yên lặng ngồi ngắm cái cảnh nhìn đã quen mắt trước cửa hàng, cái cảnh tồi tàn, đìu hiu, hình ảnh cuộc đời tôi; một bụi chuối xơ xác, mấy chiếc xe sắt mui đã tả tơi đổ bên cái cầu gỗ sơn đen, bắc ngang một con sông nước không bao giờ chảy.

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Hai Buổi Chiều Vàng

Lòng ta chôn một khối tình...

K.H.

Chưa để Kính đọc hết, Triết giật lấy tờ báo, đưa mắt tìm chỗ đăng tin hội đồng Đề hình nay mai xử mấy vụ hội kín. Chàng đọc lại đoạn nói về bị cáo nhân Nguyễn Văn Lộc, một đảng viên quan trọng âm mưu phá rối cuộc trị an. Triết đặt tờ báo xuống bàn nói một mình:

- Nguyễn Văn Lộc quán ở Vĩnh Yên! Chính Lộc ấy. Triết ngược nhìn một cái khung kính dán đầy ảnh và

chăm chú vào tấm ảnh con đặt ở góc, chụp một cặp vợ chồng trẻ: Ảnh Lộc và Thoa, vợ Lộc, lúc hai người mới lấy nhau.

Kính nói:

- Vụ này, mỗi anh ít ra cũng hai mươi năm khổ sai. Nghe đến mấy tiếng "hai mươi năm khổ sai", Triết giật

mình ngơ ngác. Chàng nhìn vào hình Thoa trên bức ảnh, hai con mắt mơ màng, thầm gọi:

- Em Thoa...

Đã ba năm nay chàng chưa gặp mặt, nhưng hình ảnh Thoa lúc nào cũng phảng phất trong trí tưởng. Mặc dầu Thoa đã lấy chồng, đối với Triết, Thoa lúc nào cũng là một người bạn gái, chàng đã yêu trong quãng đời hoa

niên xa xăm mà chàng biết rằng còn yêu, yêu mãi. Bức ảnh chụp hai vợ chồng Thoa, chàng không muốn cắt đôi ra sợ mọi người nghi ngờ, chàng đem dán lẫn với những tấm ảnh khác để lúc nào cũng có trước mặt mà chỉ có riêng đối với chàng... Bức ảnh chụp lâu ngày, nay đã mờ và bị những chấm trắng lấm tấm lan gần khắp; hình Thoa trên tấm ảnh một ngày kia sẽ mất, nhưng ở trong lòng chàng thì không bao giờ phai lạt.

Triết trầm tính:

- Hai mươi năm... Bây giờ Thoa hai mươi bốn tuổi...

Chàng với điều thuốc lá châm hút để được bình tĩnh vì

chàng không muốn nghĩ ngợi tìm cách xử trí trong lúc óc chàng bối rối bị những ý tưởng trái ngược nhau dồn dập đến một loạt.

Nhìn theo khói thuốc lá từ từ lan ra phía cửa sổ, chàng thần thờ để tâm trí phiêu diêu nhớ đến cảnh quê cũ: Mấy nóc nhà tranh bên vại cây cau thân trắng, khóm chuối xơ xác và những ao bèo đầy lá khô, những bè rau rút mỗi khi thu về điểm hoa vàng lấm tấm... nơi mà chàng đã cùng Thoa sống những ngày vui không trở lại nữa.

*

* *

Nhà Triết và Thoa ở cạnh nhau. Hai người trong bao nhiêu năm cùng chơi bời đùa nghịch, cùng đi học một trường, nên quen nhau và hiểu nhau như hai người bạn trai. Triết hơn Thoa ba tuổi. Vì Thoa là con một, bỏ cô cha từ bé, nhà lại sa sút hơn nhà Triết, nên tự nhiên săn sóc, che chở Thoa như một người em gái. Tuy nhà Triết chỉ đủ ăn, mà Triết cũng cố nói với mẹ giúp đỡ cho Thoa được cặp sách đi học.

Dần dần Triết thấy tình bè bạn hai người đối khác trước; trong những lúc chơi bời, cả Thoa và chàng cầm tay nhau đã thấy hơi ngượng.

Một hôm, hôm đó Thoa lần đầu tiên quấn khăn. Nàng sang chơi bên nhà Triết để khoe. Triết đứng đứng với mẹ ở hiên, lấy tay chỉ nói với mẹ:

- Kìa mẹ trông! Cô Thoa... nhà tôi.

Rồi chàng và cả mẹ chàng cùng cười ngoặt ngoẹo. Bỗng Triết ngừng hẳn lại, đăm đăm nhìn vào mặt Thoa: Lần đầu chàng thấy Thoa đẹp, lần đầu chàng để ý đến nhan sắc của Thoa, không nhìn Thoa như nhìn một cô bé nữa, mà lại là một cô gái xinh đẹp đương tuổi dậy thì... Thoa mỉm cười hỏi Triết:

- Cô Thoa nhà anh làm sao cơ? Mẹ Triết cười nói:

- Trông cô ra dáng một cô dâu lắm rồi. Thoa tinh nghịch nhìn Triết hỏi:

- Nhưng còn ai là chú rể?

Triết không đáp, nhưng chàng đã hiểu ý của Thoa. Năm mười bảy tuổi, Triết phải lên Hà Nội học. Lần đầu tiên hai người xa cách nhau nên cùng thấy buồn vợ vắn. Hôm đi, Triết không thấy Thoa vồn vã ân cần như mọi ngày; nàng chỉ đứng ngoài hè nhà yên lặng nhìn Triết xếp quần áo, sách vở. Lúc lên xe, Triết không dám quay mặt nhìn lại.

Mỗi lần Triết nghỉ học, hai người lại sống lại những ngày vui cũ; nhưng cái vui dần dần nghiêm trang hơn trước; hai người không đùa nghịch nữa tuy vẫn cả ngày gần nhau.

Triết còn nhớ lại hôm cùng Thoa đứng bên bờ ao hai người không biết làm gì, vợ vắn nhìn những lá tre khô rơi xuống mặt nước. Thoa một tay vịn

cành ổi, lấy chân hắt nước lên trên bề rau rút để ngấm những ngọn lá bị động dần dần cúp lại và rũ xuống như lá héo. Nàng nói:

- Anh có nhớ hôm nào phải ăn canh khoai rau rút trừ cơm không?

Triết cười đáp:

- Thế mà chưa bữa cơm nào ngon hơn.

Một lúc, Thoa vẻ mặt hơi buồn, chép miệng nói:

- Em ước ao chẳng bao giờ phải gặp nông nỗi ấy nữa. Triết hỏi:

- Cô sợ nghèo lắm à?

Thoa yên lặng không đáp. Triết nhìn tấm áo trắng vá vai, chiếc khăn đã cũ của Thoa, chợt hiểu và đem lòng thương hại nỗi lòng của người bạn gái có nhan sắc nhưng vì nghèo không dám nghĩ đến sự điếm trang. Chàng nói đùa để an ủi Thoa:

- Tôi ăn bữa cơm khoai hôm đó ngon hơn bữa cơm sang trọng, cũng như tôi nhìn cô mặc bộ quần áo nghèo này đẹp hơn khi cô mặc bộ quần áo sang.

Thoa mỉm cười nói:

- Sao anh biết? Vì em chưa mặc bộ quần áo nào sang trọng cả.

Triết đáp:

- Cũng chả mấy lúc nữa.

Chàng nói câu ấy vì chàng nghĩ rằng không mấy lúc nữa chàng thi ra, chàng sẽ đi làm và lúc đó không sợ thiếu tiền để giúp nhà Thoa nữa. Chàng sẽ lấy Thoa làm vợ và hai người sẽ mãi mãi sống gần nhau như đã sống gần

nhau từ trước đến nay. Triết yên trí rằng đó là một việc tất nhiên, không thể khác được.

Đột ngột, Thoa hỏi:

- Chỉ còn một năm nữa anh đã thi ra rồi, nhỉ? Triết sung sướng nghĩ thầm:

- Thoa cũng một ý nghĩ và một ước vọng như mình. Mấy ngày trước khi lên Hà Nội, nhân một buổi mẹ Thoa đi vắng, Triết sang bên nhà Thoa và nhất quyết định tỏ cho nàng biết cái tình yêu ngấm ngấm của mình trong bấy lâu. Chàng phấp phỏng lo sợ, vừa đi vừa lựa trước những câu sẽ phải nói với Thoa.

- Anh Triết đi đâu mà vội vàng hấp tấp thế kia.

Câu hỏi và một tiếng cười giòn theo luôn sau làm Triết giật mình ngừng lên. Thoa lúc đó đang đứng bên một cái lồng chim treo ở cành cây nhãn.

- Anh cho hộ em con chim này vào lồng. Triết hỏi:

- Sao cô bắt nó?

Thoa đặt con chim vào lồng bàn tay Triết, nói:

- Em có bắt nó đâu. Nó ở trong lồng bay ra, em đuổi mãi mới tóm được anh chàng... Mệt quá.

Vì Triết đứng gần sát nên thấy hơi thở của Thoa đưa mơn man qua má chàng. Lúc cho con chim vào lồng, Triết có ý để đầu chàng chạm vào khăn Thoa. Thoa cứ đứng yên, chăm chú nhìn con chim vờ như không để ý đến. Triết hỏi:

- Sao cô lại cứ nhất định cho nó vào lồng?

Thoa nhìn Triết, ngây thơ đáp:

- Cho nó có đôi kéo nó buồn. Em không hiểu sao nó lại dạt dột đòi bay ra.

Rồi nàng hạ giọng như muốn ngỏ cho Triết một sự gì bí mật lắm.

- Hai vợ chồng nó đấy.

Triết đẩy cửa lồng chim lại cẩn thận, rồi đứng lui dựa vào cái giậu nửa, thờ thần nhìn Thoa. Chàng nhận ra rằng ý định của chàng lúc này không cần nữa. Nhìn hai con mắt Thoa, chàng thấy một cách rõ ràng rằng Thoa đã hiểu tình của chàng rồi và Thoa cũng yêu chàng như chàng yêu Thoa. Hai người đã yêu nhau và đã biết thế từ lâu rồi thì cần gì phải nói nữa. Chàng thấy sự yên lặng của hai người lúc nhìn nhau phô diễn nhiều ý hơn những lời nói nòng nà...

- Anh táy máy làm đứt cả lạt ra thế kia.

Triết nhìn xuống, thấy mấy sợi lạt bị chàng vô tình rút xổ tung cả ra. Triết mỉm cười, Thoa đến đập nhẹ vào bàn tay Triết, nũng nịu trách:

- Hôm qua mưa to, giậu đổ, em phải buộc mất cả buổi sáng đấy.

Triết nói:

- Tôi xin buộc đền.

Rồi chàng quên cả câu chuyện kia, loay hoay cùng Thoa buộc lại cái giậu nửa.

Triết yên tâm lên tinh học. Ít lâu, chàng nhận được của mẹ chàng một bức thư, vội vàng mở ra xem:

Anh Triết,

Anh lại nói với bác cả mua hộ một tấm áo lượt tây màu trứng gà, và khi về nghỉ, anh lại lấy đem về cho tôi để tôi làm quà cho cô Thoa. Cô ấy nay mai sắp lấy chồng, lấy cậu Lộc ở trên tỉnh, cháu ông Vịnh ấy mà. Có lẽ hôm cưới đúng ngày nghỉ, anh về mừng cho em. Anh nhớ dặn bác cả mua cho được thứ màu trứng gà vì xem ý cô Thoa chỉ thích màu đó.

Đọc xong đã lâu mà Triết vẫn còn ngồi yên nhìn chòng chọc vào mấy dòng chữ. Chàng cau mày như người chưa hiểu lắm lắm:

- Thế này là nghĩa lý gì?

Chàng đọc lại những dòng chữ do tay em chàng viết một lần nữa, thầm mong em chàng viết đùa chơi. Nhưng không, em chàng còn nhỏ chưa thể đùa như vậy được. Chàng cầm cái phong bì lên xem dấu nhà dây thép. Bỗng chàng để ý đến nét chữ:

- Chính chữ của Thoa.

Ở nhà chỉ có Thoa là đề nổi phong bì, nên Triết không lấy làm lạ; chàng tự hỏi:

- Nhưng Thoa có biết trong thư viết gì không?

Triết toan xin nghỉ học để về ngay, nhưng nghĩ không tiện, nên đành đợi đến ngày nghỉ.

Hôm về tới nhà gặp mẹ, chàng cố giữ vẻ thản nhiên vút gói vải xuống giường nói:

- Áo của cô Thoa. Mẹ chàng vội hỏi:

- Mua được thứ màu trứng gà đấy chứ?

Thấy mẹ hỏi vậy, Triết biết ngay là chuyện thật.

Chàng đáp:

- Vâng... nhưng cô Thoa lấy chồng thật đấy ư mẹ?

- Chẳng thật thì bõn sao.

Triết thấy mẹ yên trí rằng Thoa phải lấy người khác đến nỗi không cho câu hỏi của chàng là lạ. Chàng hỏi:

- Sao bác Huấn lại biết nhà Lộc.

- Bác Huấn có biết đâu. Em Thoa lên tỉnh mua hàng, rồi hai người mướn nhau; mãi bác Huấn mới thuận đấy, vì cậu ấy nghèo, bồ cô cả cha lẫn mẹ, ở nhờ nhà ông thông Vịnh.

Cả đời Triết chưa thấy giận ai bằng giận Thoa lúc đó. Có tiếng động, chàng quay lại, Thoa ở ngoài đi vào, tươi cười, mừng rỡ chào Triết:

- Anh đã về.

Triết như người ngây dại, chỉ gói áo để trên giường, nói:

- Áo cưới của cô đây.

Thoa ngồi xuống giường giở gói áo hỏi:

- Anh mua cho em? Triết gay gắt đáp:

- Không, của bác, tôi thì đâu dám tặng cô những thứ ấy. Bà mẹ Triết nói đùa:

- Chắc anh sẽ làm quà cho cô thứ khác quý hơn nhiều. Đây là thứ quà quê mùa của Triết.

Thoa giơ tấm vải, vắt lên tay soi ra ánh sáng, mỉm cười nói tiếp:

- Cháu lấy chồng nghèo, tấm áo này là quý lắm rồi.

Thấy mẹ đi sang buồng bên, Triết lại gần Thoa, hỏi mĩa mai:

- Sao cô bảo cô sợ nghèo lắm kia mà?

Thoa mở to mắt nhìn Triết, không hiểu, và trên mặt hơi thoáng qua vẻ buồn. Triết vờ như không để ý đến, nói luôn:

- Cô bảo cô chưa mặc chiếc áo sang trọng nào, bây giờ tôi muốn xem cô mặc áo cô dâu ra làm sao?

Triết thấy mình tàn ác và nói những câu không có nghĩa lý gì. Chàng hối hận, nhưng hễ muốn dịu giọng nói một câu để mừng nàng, thì Triết thấy như nghẹn ở cổ. Chàng biết mình không sao giữ nổi giận, nên đi lảng ra ngoài vườn. Trong nhà có tiếng Thoa nói sẽ với mẹ chàng:

- Độ này anh Triết lo học thi nên trông người gầy sút hẳn.

Vì biết là Thoa yêu Lộc như một người tình nhân, mà chỉ coi chàng như một người anh, nên sau một đêm băn khoăn. Triết nghĩ không gì hơn là bỏ đi xa để khỏi làm bối rối Thoa vô ích. Chưa hết hạn nghỉ, chàng đã từ biệt mẹ lên Hà Nội.

Ngày cưới Thoa lại đúng vào dịp Tết, nể lời mẹ nói khẩn khoản nên Triết phải về để đi đưa Thoa về nhà chồng. Hôm đón dâu, Thoa mặc chiếc áo lượt màu trứng gà phủ trên chiếc áo xa tanh da đồng, chiếc áo lượt mà chính tay chàng đã mua về. Nàng thân mật hỏi Triết:

- Anh trông em thế nào?

- Cô dâu thế kia thì đến nhận cũng phải sa!

Chàng thấy Thoa đẹp và đáng yêu hơn trước; lạ nhất là tuy cảnh ngộ thật mĩa mai đau đớn mà Triết lại thấy lòng mình bình tĩnh như không, có

phần lại hơi vui nữa.

Chàng vừa cười nói vừa ngắm Thoa ngồi ấn tóc và nói chuyện với chị em bạn. Thịnh thoảng Thoa ngừng lên; khi hai con mắt nàng gặp mắt Triết, nàng có ý ngừng lại nhìn lâu một chút. Triết thấy hai con mắt Thoa như nói riêng với chàng:

- Em sung sướng.

Triết mỉm cười sẽ gạt như đáp lại.

- Anh cũng thấy thế.

Trong lúc đưa dâu, Triết không thấy mặt Thoa nữa. Mãi đến khi họ nhà gái về, cô dâu đứng ở cửa buồng chào mọi người, Triết mới lại gặp.

Thoa như người mất hồn, ngơ ngác nhìn, nước mắt chảy quanh. Đoán là Thoa đưa mắt tìm mình, Triết đi lại gần; chàng thấy Thoa khi nhìn chàng hình như có vẻ bất lo, vì được có một người bạn thân đứng cạnh.

Thoa chấp tay, nghiêm trang chào Triết:

- Lạy anh ạ.

Rồi bỗng nàng ứa nước mắt, cúi mặt khóc nức nở. Một người trong họ nói:

- Cô dâu chưa chi đã nhớ nhà rồi.

Tuy đó là cử chỉ rất thông thường của các cô dâu mà Triết cũng sinh ra nghĩ ngợi mãi. Chàng nơm nớp sợ Thoa chưa hẳn đã được hoàn toàn sung sướng.

Nửa năm sau, Triết mới có dịp biết rõ. Lúc đó bà Huấn đã rời quê nhà lên ở với con rể dạy học tư trên Vĩnh Yên. Nghe tin mẹ chàng mệt, bà Huấn

và Thoa về thăm. Triết thấy Thoa có phần gầy sút hơn trước, chàng đoán là vì lo nghĩ nhiều. Nhưng sau mấy hôm, Triết nhận ra rằng nàng vẫn giữ được cái tính vui như ngày còn con gái. Nàng hay nói đùa hơn trước, và thấy Triết ngạc nhiên, nàng phân giải:

- Em bắt chước nhà em đấy, vì nhà em nói đùa luôn miệng. Có khi em cười suốt ngày, quên cả ăn.

Triết mỉm cười đáp:

- Cười mà no thì chắc chẳng phải ăn canh rau rút trừ cơm như độ nào nữa.

Thoa cố vẻ băng khuâng, nói một mình:

- Anh nhắc đến làm em lại tiếc... độ ấy vui quá nhỉ?

- Thế bây giờ cô lại buồn à?

Thoa quay vào, ngẫm nghĩ một lát, rồi hỏi lại Triết:

- Thế anh có tiếc độ ấy không?

- Tiếc lắm chứ.

- Thế bây giờ anh có buồn không?

- Không.

- Thế sao anh lại bảo em buồn. Em nghèo nhưng lúc nào cũng vui sướng là đủ rồi.

Triết chữa lại:

- Có, tôi có buồn, vì tiếc những ngày ấy có cô ở bên cạnh.

- Em thì em tiếc vì những ngày ấy em được ở gần anh. Triết nhìn ra ngoài vườn, hai con mắt mơ màng, sẽ nói:

- Sao chúng mình lại không được như thế mãi... cả đời?...

Chàng nói xong, giật mình vì chàng đã quên hẳn không nghĩ đến rằng đương nói với một người đàn bà đã có chồng. Chàng vội chữa:

- Xin lỗi cô. Tôi cứ tưởng ngồi nói chuyện với cô Thoa bé bỏng ngày xưa.

Thoa nhìn Triết một lúc lâu rồi nói thong thả như cốt để cho Triết hiểu cái ý ngầm của mình:

- Thì em cũng vẫn là Thoa, chứ có khác gì trước đâu. Chỉ khác là không được ở gần nhau mãi thôi.

Triết hiểu; chàng biết Thoa muốn tỏ cho chàng hay rằng Thoa chỉ coi chàng như một người bạn, trước kia cũng như bây giờ. Nhưng một việc khác - việc đó Triết không biết là hữu ý hay tình cờ - đến làm cho Triết bứt rứt. Thoa đương ngồi xem cuốn truyện, thấy Triết đến, liền ngừng lên hỏi:

- Anh đã đọc chưa?

- Truyện gì vậy?

- Truyện "Tình tuyệt vọng".

- Có! Tôi đọc rồi.

Thoa nói:

- Có bài thơ dịch hay quá nhỉ? Rồi nàng sẽ đọc:

Lòng ta chôn một khối tình,

Tình trong giây phút mà thành thiên thâu. Tình tuyệt vọng nỗi thắm
sâu,

Mà người reo thắm như hầu không hay

Hỡi ơi, người đó ta đây,

Sao ta thui thủi đêm ngày tiếc thân.

Thoa lật trang. Triết tự nhiên đọc theo:

Dẫu ta đi trọn đường trần,

Chuyện riêng dễ dám một lần hé môi.

Người dù ngọc nói hoa cười,

Nhìn ta như thể nhìn người không quen,

Đường đời lặng lẽ bước tiên,

Ngờ đâu chân đạp lên trên khối tình.

Một niềm tiết liệt đoan trinh,

Xem thơ nào biết có mình ở trong.

Lạnh lùng, lòng sẽ hỏi lòng,

Người đâu tả ở mấy dòng thơ đây.

Thoa hỏi:

- Anh đọc thuộc lòng được à? Triết cười, nói như nói đùa:

- Vì tôi cũng gặp một cảnh ngộ ấy. Thoa ngẩn ngơ nhìn Triết:

- Thế à, em không biết đấy.

- Cô biết thế nào được.

Hai người trầm ngâm một lát, rồi Thoa nói một câu như để bình phẩm truyện:

- Em tưởng gặp cảnh ngộ ấy, chỉ có thể là hơn cả.

Triết thì cho câu bình phẩm ấy là một câu khuyên chàng. Câu khuyên ấy đã bốn năm nay lúc nào chàng cũng nghe văng vẳng bên tai. Chàng không có dịp gặp Thoa nữa, nhưng càng ngày càng yêu Thoa hơn lên. Chàng chưa hiểu rõ Thoa, mà chàng cũng không muốn tìm để hiểu rõ nữa; cái tình trạng mập mờ ấy đã cho chàng có cái cảm tưởng êm thú rằng trong cuộc đời hiu quạnh của chàng có một người yêu chàng mà chàng yêu, hai người yêu nhau lúc nào cũng nghĩ tới nhau và không ai dám tự thú nhận. Chàng cho ở đời chỉ có cái tình yêu như vậy là lâu bền nhất.

Trong thời kỳ đó, chàng vừa bận làm lụng để kiếm ăn vừa bận học để thi tú tài. Chàng hợp sức với Kính, một người bạn thân để mở ở Hà Nội một buồng giấy làm đơn từ và trông nom về mọi việc kiện tụng. Chàng đã vào học trường luật được một năm và dự định về sau sẽ hết sức làm những việc mà chàng vẫn hoài bão và đã nhiều lần nói chuyện ngỏ cho Thoa biết.

Nhiều khi, trong những lúc làm việc vất vả, hoặc trong những lúc chán nản, chàng ngừng mặt nhìn ra cửa sổ, lặng yên tưởng tới Thoa: Chàng lại thấy cái vui vẻ phấn khởi trở lại trong tâm hồn. Lăn lộn trong chốn phồn hoa, gặp bao nhiêu người đẹp mà chàng không hề để ý đến ai. Vì Thoa là cái biểu hiện linh động của quãng đời thơ ấu của chàng, chàng nghĩ đến Thoa lúc nào là thấy hiện ra những hình ảnh đáng yêu mến của những ngày vui cũ ở nơi quê nhà.

Không ai thấy được Thoa trong lòng chàng, vì người ta một đời chỉ có một tuổi thơ. Tuổi thơ của chàng đã qua, qua hẳn và Thoa cũng không bao

giờ trở về với chàng nữa.

Một hôm, hôm đó tự nhiên Triết thấy vui vẻ lạ thường. Chàng biết cái lẽ khiến chàng vui, nhưng chàng không dám tự thú. Như cái máy, Triết lấy vé xe lửa lên Vĩnh Yên. Chàng tìm đến nhà Thoa ở và sẽ lấy cớ rằng có việc đi qua Vĩnh Yên vào thăm bà Huấn và Thoa trong lúc đợi giờ xe về Hà Nội. Cái cớ ấy tự nhiên lắm, Thoa cũng thấy thế, nhưng không biết tại sao, đến khi nhìn thấy cổng nhà Thoa, chàng cho là không thể được. Chàng không còn đủ can đảm để nói dối nữa, mà chàng lại tin chắc chắn rằng thế nào Thoa cũng biết là chàng nói dối.

Sẵn có cái quán gần đấy, chàng vào ngồi uống nước. Cổng nhà Thoa lúc đó đóng kín. Sau bức giậu gần ta lẫn dâm bụi chỉ lộ ra một cái mái tranh và mấy ngọn cau in trên nền núi cao.

Trời đã về chiều, một buổi chiều vàng người ta thường thấy những khi bắt đầu mùa hạ. Ánh chiều tà lướt trên áo chàng, trên bãi cỏ ngay trước cổng và nhuộm vàng những thân cau trong sân nhà Thoa. Triết ngồi yên lặng, nghe rõ tiếng mình thở. Chàng tin rằng lúc đó Thoa đang ngồi chơi mát ngoài sân mà ánh sáng của buổi chiều vàng chàng đang ngắm đây, ở bên kia giậu, cũng lấp lánh trong đôi con mắt của Thoa.

*

* *

- Anh nghĩ gì vậy?

Nghe tiếng Kính hỏi, Triết vút điếu thuốc lá cháy dở ra cửa sổ, quay lại.

Triết nhắc tờ báo lên, đưa cho Kính xem, nghiêm trang nói:

- Vài hôm nữa tôi lên Vĩnh Yên mở trên đó một buồng giấy.

- Về kiện tụng?

Triết gật.

- Về kiện tụng. Anh tính chừng này người bị bắt cũng nhiều công việc lắm chứ?

Kính nói:

- Anh điên?

Triết nói, giọng quả quyết:

- Việc ấy tôi đã nhất định rồi. Anh đừng gièm, vô ích. Thế nào tôi cũng đi.

- Thế còn việc học của anh, còn tôi?

- Việc học hãy tạm để đấy. Còn anh thì anh chịu khó buồn vậy.

II

Lên Vĩnh Yên, Triết có ý thuê một căn nhà ngay đầu tỉnh để khi nào Thoa ra chợ phải đi ngang qua. Chàng bày biện cho có vẻ một cái buồng giấy và treo ở ngoài cửa một tấm biển thực to, khiến ai đi qua cũng phải để ý.

Mỗi lần nhìn cái biển, chàng không khỏi mỉm cười, nghĩ thầm:

- Nếu mong có khách đến để mà sống thì chắc là chết đói trước khi có ông khách đầu tiên.

Mở buồng giấy chỉ là một cố để chàng được ở gần nhà Thoa, không ngại gì lời dị nghị. Chàng sẽ có thể giúp Thoa mà giúp một cách rất tự nhiên, cả đến Thoa cũng không ngờ được cái dụng ý của chàng.

Thấy Thoa ở phía xa đi lại, Triết vội cởi áo ngoài cho có vẻ một người đương làm việc. Khi đi ngang qua trước cái biển, Thoa chậm bước lại, ngược mắt đọc. Đứng sau bức bình phong nhìn trộm Thoa, thấy nàng gầy sút hẳn, vẻ mặt bơ phờ tiêu tụy, Triết động lòng thương hại và nhận thấy việc mình định giúp là rất cần. Chàng chạy vội ra chào:

- Kìa cô...

Thoa giật mình:

- Kìa anh Tú...

Rồi nàng mừng rỡ cuống quýt nói luôn:

- Anh làm em hết hồn vía... Anh lên chơi đây bao giờ? Triết lùi lại nhường cho Thoa vào trước, cố lấy giọng

bình tĩnh đáp:

- Tôi lên mở buồng giấy trên này. Định lại thăm bác với cô, nhưng chưa xếp dọn xong nhà cửa... May quá, lại vừa gặp ngay cô đi qua.

Thấy Thoa đưa mắt nhìn cái bàn giấy như có vẻ nghi hoặc, Triết vội vàng phân giải:

- Đây là buồng giấy phụ, mở ra cốt để giúp người anh em. Nhưng lúc đầu, tôi phải lên để lấy khách.

Rồi chàng cố hết sức giữ vẻ tự nhiên, hỏi:

- Trường bác giáo dạy học có gần đây không?

Thoa ngơ ngác nhìn chàng:

- Anh chưa biết tin à?

- Chưa, tin gì?

- Nhà em bị bắt rồi.

Thoa bảo Triết đưa mình vào nhà trong vừa khóc về kể tình đầu cho Triết nghe. Triết nói:

- Tôi đọc nhật trình không để ý. Nếu biết thì tôi đã lên đây ngay. Tôi có ngờ đâu.

Rồi chàng thân mật trách:

- Sao cô không viết thư cho tôi biết?

Thoa lau nước mắt, nói:

- Ừ, sao em không nghĩ ra! Thật lú cả trí khôn. Bây giờ có anh đây, sao em vững tâm quá.

Triết thầm cảm ơn Thoa, đứng dậy nói:

- Bây giờ ta về thăm bác đã.

Hai người lững thững đi, không ai nói câu gì. Khởi dãy phố, Triết thấy hiện ra cái mái tranh nhà Thoa với bức giậu và mấy ngọn cau. Nhưng Thoa không cách chàng một bức giậu nữa. Nhớ đến mấy tiếng "hai mươi năm khổ sai", Triết có cái cảm tưởng rằng Thoa lúc ấy lại là người bạn thuở bé của chàng. Nhưng Triết lấy làm mừng một cách chân thật rằng cái cảm tưởng ấy chỉ là một cái cảm tưởng làm cho chàng thoáng thấy vui trong lòng chứ không phải là cái cố đã xui giục chàng về giúp Thoa. Chàng về giúp chỉ vì thương bạn, muốn an ủi bạn chứ không phải để mong mọi thứ gì khác. Đến chỗ rẽ vào nhà Thoa, Triết cứ đi thẳng. Thoa gọi giật lại:

- Anh quên đường rồi à, anh Tú?...

Triết quay lại, lo sợ nhìn Thoa nói:

- Tôi đã biết đường đâu mà quên. Sao cô lại cho là tôi biết đường?

- Em nhớ hình như anh đã đến chơi một lần rồi.

Triết bối rối đáp:

- Chưa, bây giờ Triết mới đến là một. Thoa nói:

- Có lẽ em nhầm mê.

Thấy Thoa hai lần gọi mình là "anh Tú", Triết khó chịu.

Chàng hỏi:

- Sao cô lại gọi tôi bằng anh Tú?

- Vì anh đỗ tú tài.

- Sao cô biết?

- Anh làm việc gì mà em không biết. Triết thần thờ buông hai tiếng:

- Thế à?

Buổi chiều hôm ấy, ngồi ngoài sân nói chuyện với bà

Huấn và Thoa, Triết tưởng sống lại những năm ở quê nhà.

Bà Huấn nói:

- Trông anh Tú vẫn thế. Triết đáp:

- Cháu trông bác cũng không khác mấy, cả cô Thoa cũng vậy.

Chàng giơ tay che miệng mỉm cười, nói:

- Chết chữa cứ quen như ngày trước.

Triết nghiệm ra rằng có chàng ngồi đấy thì bà Huấn và Thoa yên tâm, và sau khi nghe chàng nói, hai người rất hy vọng Lộc sẽ được tha. Bà Huấn nói:

- Không có anh thì mẹ con tôi chịu, chẳng biết xoay sở ra làm sao?

Thoa buồn rầu nói tiếp:

- Mấy hôm nọ em lo quá. Giá nhà em bị tù chung thân thì em khó lòng mà sống nổi. Em sợ quá. Anh Triết, liệu nhà em có được tha không, anh?

Câu ấy không biết Thoa hỏi đã mấy lần, Triết gượng cười đáp:

- Tôi chắc thế nào cũng được tha. Bác và cô cứ yên tâm, tôi xin lo liệu.

Trời đã sâm sẩm tối mà Triết cũng không nghĩ đến về. Thoa mời:

- Anh ở luôn đây ăn cơm với em.

Bà Huấn nói:

- Cơm có gì mà mời anh ấy ở lại. Thoa mỉm cười nhìn Triết:

- Anh không từ chối chứ?

Triết đáp:

- Tôi chẳng dám từ chối cô cái gì. Thoa vui vẻ đứng lên, nói:

- Để em vào bếp làm cơm.

Đi mấy bước, nàng quay lại nói với Triết:

- Hôm nay có canh rau ngót nấu tôm. Ngày trước anh thích ăn lắm cơ đấy. Để em vào nấu thật ngon anh xơi.

Triết nhìn Thoa mơ mộng:

- Cô nhớ lâu nhỉ!

Tuy vẫn chân thật định tìm hết cách làm cho Lộc được tha, mà Triết lúc đó thấy mình thậm mong cho Lộc phải tù chung thân. Nghĩ đến hai sự trái ngược ấy, Triết mỉm cười.

Bà Huấn bỗng bảo khẽ Triết:

- Anh cố giúp em nhớ. Bác lo quá, bác chỉ sợ có làm sao thì em nó hóa điên mất, anh ạ.

III

Thoa đứng ở bờ ao, tay vịn cành ổi, khoảng nước rửa chân. Triết lững thững đi lại gần vừa đi vừa có cái cảm tưởng là lạ rằng chàng dường sống lại những phút mà một năm nào trước kia chàng đã sống qua một lần rồi. Chàng cố nghĩ, nhưng không nhớ ra.

Chính quãng đời trong ba năm chàng sống trở lại bên cạnh Thoa, từ khi Lộc bị bắt, chàng thấy nó giống quãng đời tuổi trẻ của chàng quá, nên những kỷ niệm của hai thời kỳ lẫn lộn với nhau, không sao phân biệt rõ.

Đối với Thoa, chàng đã hết sức nhưng không làm thế nào được, vì chính Lộc mới nhập hội kín, chưa kịp hành động việc gì đã bị bắt ngay. Khi lấy cung, đứng trước mặt anh em, Lộc không từ chối điều gì, nhiều việc không hề nhúng tay qua, Lộc cũng cứ nhận liều. Lộc bị án hai mươi năm năm phát vắng. Sau khi Lộc ra ngoài Côn Đảo, thì bà Huấn đưa Thoa về nhà quê. Triết nói với mẹ giúp Thoa mở một ngôi hàng tẩm để lấy kế sinh nhai; chàng thì thỉnh thoảng lại về chơi y như là độ chàng còn học trong

trường mà Thoa chưa đi lấy chồng. Nỗi đau khổ của Thoa cũng nhẹ bớt dần. Thấy vậy Triết rất mừng, nhưng thật chàng mừng cho Thoa chứ không phải mừng cho chàng. Chàng tha thiết mong có một ngày kia Thoa quên hẳn được.

Trước kia, khi Thoa đi lấy chồng, trong lúc tuyệt vọng, lần đầu tiên chàng đã nghĩ đến hai cảnh khiến Thoa trở về với mình: Thoa bỏ chồng hay góa chồng. Bây giờ tuy nàng không góa mà cũng như góa; không một cơ gì có thể bắt người đàn bà giữa tuổi xuân chờ đợi cho đến khi già. Nếu Thoa có thể quên được thì phải giúp cho nàng quên đi. Triết đã băn khoăn nghĩ ngợi mãi mới dám quyết định về việc ấy. Huống hồ chồng Thoa không phải là người quen chàng, không phải là bạn chàng.

Đêm nằm nghĩ đến việc đó, Triết cho là rất dễ dàng, nhưng hễ cứ thấy mặt Thoa là chàng ngượng nghịu và lưỡng lự không biết có nên không.

Thoa thấy Triết đi lại phía mình liền mỉm cười hỏi:

- Sao lần này lâu anh mới về, chắc anh bận gì lắm. Triết đáp:

- Tôi bận học thi.

- Thi gì?

- Thi bằng "cô-vê".

Hai người cùng cười. Thoa nói:

- Độ anh thi cái bằng đó sao ở nhà lo thế. Em còn nhớ một lần bác cúng cho anh đỗ, bác khẩn đến hai chữ "cô-vê" làm em không thể nhin cười được.

Trên mặt ao, những làn sóng từ chỗ Thoa đứng lan ra làm cho bè rau rút bập bênh cùng với bóng mấy đám mây in đáy nước. Thấy bè rau rút,

Triết nhớ ngay ra hôm nói chuyện với Thoa về sự giàu nghèo trong khi Thoa hắt nước lên bè rau để nhìn ngọn lá cúp lại. Triết nhìn nàng nói:

- À, tôi nhớ ra rồi.

- Anh nhớ ra gì cơ?

Triết lắc đầu:

- Tôi lại quên mất rồi.

Chàng nói đùa lẫn quần để đỡ ngượng và để tìm dịp khơi câu chuyện dự định cho được tự nhiên, khỏi đột ngột. Chàng lại gần đứng dựa gốc ổi, nhìn vợ vẫn:

- Phong cảnh chẳng đổi khác trước một tí gì, mà chúng mình cũng vậy, rức rồi độ một rồi lại về đứng nguyên ở cái bờ ao này. Chỉ khác một điều là mỗi người già thêm mấy tuổi. Tôi ba mươi tuổi rồi đấy...

Thoa tiếp theo:

- Em kém anh ba tuổi, thành ra em...

Nàng ngừng lại tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Thế ra em hai mươi bảy tuổi rồi à? Em không kịp nghĩ đến tuổi nữa... Chóng quá.

Thấy trên mặt Thoa thoáng qua vẻ buồn, Triết hiểu ngay là Thoa nghĩ đến cái năm xa lắc xa lơ chồng nàng được về, cái năm không bao giờ đến.

Triết nói:

- Những ngày sung sướng thường đi rất mau...

Thoa cúi mặt, nghịch lấy ngón chân cái ấn xuống đất, có vẻ ngẫm nghĩ. Một lúc lâu nàng buồn rầu nói:

- Như mấy năm ở Vĩnh Yên sao mà chóng thế. Ba năm vừa rồi sao lâu quá chừng... Thế mà còn hơn hai mươi năm nữa...

- Sao cô cứ nhắc đến làm gì. Tôi vẫn mong cho cô quên đi...

Triết nhìn Thoa âu yếm nói tiếp:

- Chúng mình cố coi những năm vừa rồi như là không có và bây giờ bắt đầu sống lại như sống từ năm còn mười bảy, hai mươi tuổi trở đi. Đấy, cô xem, hôm nay chúng mình đứng đây thật chẳng khác gì cái hôm nào cô nghịch đá nước lên bè rau rút mười năm về trước. Cô còn nhớ không, cô Thoa? Lúc này, tôi nói: Nhớ ra rồi, là nhớ ra hôm ấy đấy.

Thấy Thoa vẫn đứng yên như lắng tai nghe, Triết bạo dạn nói tiếp. Tiếng chàng mỗi lúc một khẽ dần, nghe đều đều dịu ngọt như tiếng ru:

- Xa nhau ít lâu rồi lại gần, đời chúng mình hình như có liên lạc gì với nhau. Ba mươi tuổi mà tôi chưa có vợ thì cô cũng có thể coi như là chưa có chồng, sao không thể được.

Thoa ngừng lên nhìn Triết ngập ngừng như không dám hiểu những lời Triết nói. Triết lại thấy ngượng, sợ rằng mình nói quá rõ, nên vội nói tránh đi:

- Tôi không nghĩ đến lấy vợ, vì có lẽ vợ chưa chắc đã là người bạn... mà bạn thì đã có rồi.

Thoa ngắt lời:

- Vợ chồng khác mà bạn khác.

- Nhưng cô có thể lấy tình bạn để khuây khỏa được không?

Triết hồi hộp đợi câu trả lời của Thoa. Chàng mừng rằng đã nói thoát được câu chàng định nói từ bao lâu. Nhưng Thoa lại hiểu ra cách khác, nàng đáp:

- Em không có anh thì khó lòng mà sống nổi được đến bây giờ.

Thấy Thoa hiểu câu hỏi của mình ra ý khác, Triết biết rằng không bao giờ chàng còn có can đảm hỏi Thoa lại một lần thứ hai như thế nữa.

*

* *

Cách đó một tháng, Triết chưa có dịp nào về quê thăm Thoa, thì bỗng được tin chính phủ dự định ân xá các chính trị phạm. Chàng vội vàng đáp ngay xe hỏa đêm về báo tin cho Thoa biết.

Mười giờ tối chàng về tới nơi. Bên nhà Thoa còn đèn sáng; chàng cầm bức thư của người bạn bên Pháp gửi về chạy vội sang.

Thoa cầm đèn ra hiên soi, ngỡ ngác không hiểu có chuyện gì mà Triết về khuya khoắt vậy. Triết mỉm cười giơ tay đỡ lấy cái đèn:

- Cô để tôi cầm hộ... tôi sợ nó vỡ.

Sau khi đặt đèn lên bàn cẩn thận, Triết mới đưa bức thư cho Thoa. Chàng nhìn Thoa nói:

- Có lẽ anh ấy được tha về.

Thoa hai tay run lấy bầy, giơ bức thư ra ánh đèn. Lầm nhăm đọc qua vài dòng, rồi nàng đưa thư cho Triết:

- Anh đọc hộ em.

Triết vừa đọc xong, Thoa đã giăng lấy bức thư chạy vào buồng, cuống quýt gọi bà Huấn dậy:

- Nhà con được tha, me ạ.

Nàng lại chạy ra ngoài nhà, hai bên má nước mắt giàn giụa lấp loáng dưới ánh đèn. Bỗng nàng ngừng lại, vì thấy Triết ngồi gục bên bàn, vẻ mặt buồn rầu ủ rũ. Nàng lo sợ nghi ngờ hỏi:

- Có đúng thế thật không anh?

IV

Triết mua hoa xong, thuê chiếc xe bảo kéo thật mau.

Chàng ngẫm nghĩ:

- Ở nhà chắc bác Huấn và Thoa đang nóng lòng đợi. Chàng nói một mình:

- Thôi, chỉ còn hai hôm nữa...

Câu ấy chàng không biết là để than thở cho mình chỉ còn được hai hôm ở gần Thoa hay là để mừng cho Thoa sắp được gặp mặt chồng.

Đã mấy hôm bà Huấn và Thoa lên Hà Nội, ở nhà chàng để đợi tin tức về Lộc; chiều hôm nay ra sở mật thám hỏi, Triết mới biết đích xác rằng ngày kia thì người ta giải Lộc lên Vĩnh Yên. Triết đoán chắc rằng biết tin rồi bà Huấn và Thoa sáng mai sẽ từ giã chàng để lên trên ấy đón Lộc.

Triết vừa xuống xe thì trời đã bắt đầu mưa nặng hạt. Qua lá cây, chàng thoáng thấy bóng Thoa. Chàng lững thững đi vào không cần gì mưa, cốt để được thông thả ngắm Thoa đang đứng ở hiên đợi chàng như một người vợ đợi chồng đi làm về.

Triết nói ngay:

- Đến ngày kia, cô ạ.

Thoa nhìn bó hoa Triết ôm bên người, hỏi:

- Anh mua lắm hoa thế?

- Mua về để mừng cô.

Thoa xuống mấy bậc thềm, giơ tay đỡ lấy bó hoa:

- Anh để em cầm cho. Hoa đẹp quá nhỉ... Thơm lạ.

Thoa ôm bó hoa vào ngực: Mặt nàng phản chiếu ánh phớt hồng của bó hoa lộ ra một vẻ đẹp rực rỡ, nồng nàn: Triết quay đi vì nhìn gò má và cặp môi của Thoa bên những bông hoa hé nở thoang thoảng hương thơm, Triết thấy sinh ra những ý nghĩ thèm muốn làm chàng ngây ngất một cách khó chịu.

Thoa hỏi:

- Nhà có bình cắm hoa không, anh?

Triết mỉm cười đáp:

- Không có, nhưng không sao, để tôi lấy cái này thay vậy.

Chàng lại bàn giấy lấy một cái liễn Bát Tràng cổ vẫn dùng để cắm thước và cắm những cuộn giấy. Thoa cười:

- Nhà không có đàn bà có khác.

Triết tiếp theo luôn:

- Mà chẳng bao giờ có đàn bà nữa. Chàng giơ tay chỉ trên trần nhà nói:

- Cô xem mạng nhện trắng khắp cả thế kia.

Thoa cắm hoa vào liễn, và cắm cùi xếp đặt những bông hoa cho đẹp mắt. Thoáng nghĩ đến cái đời sống cô độc của Triết, Thoa đột nhiên nói:

- Anh ở đây hẻo lánh quá nhỉ... Những hôm trời mưa thế này mà về đây một mình thì buồn chết.

Triết nói:

- Lâu cũng quen dần... Vả lại cả đời cứ phải sống như thế không quen cũng không được.

Thoa nghiêng đầu ngắm cái liễn hoa:

- Ở trong nhà có ít hoa trông vui hẳn lên. Đây anh xem. Triết cười nói đùa:

- Cô nói nghe cũng có lý đấy.

Rồi như mới nghĩ ra được điều gì, chàng nhìn Thoa, vẻ mặt băng khuâng:

- Tôi cũng nghe cô. Để mai kia, khi cô lên Vĩnh Yên rồi, tôi sẽ dùng cái liễn này để cắm hoa. Ngày nào cũng mua hoa về cắm cho vui nhà.

Bỗng chàng hỏi Thoa đột ngột:

- Cô thích thứ hoa gì nhỉ? Thoa đáp:

- Em thích nhất hoa hồng. Triết lẩm bẫm nói một mình:

- Hoa hồng có quanh năm...

Rồi như sợ Thoa đoán được ý mình, chàng nói tiếp:

- Chơi hoa hồng vừa rẻ tiền lại vừa tiện. Hoa hồng đẹp, nhưng mà phải cái thường quá.

Nghe tiếng bà Huấn ở trên gác, Thoa giật mình nói:

- Để em chạy lên gác báo tin cho me em biết.

Triết uể oải ngồi xuống ghế. Quên mình đi khó nhọc mấy tháng trời để tìm cách cho Lộc về với Thoa, mong mỗi mãi cho đến ngày có kết quả, nay ngày ấy đã đến, Triết thấy buồn bã lạ thường. Bắt đầu từ ngày mai, chàng không còn được gần gũi Thoa nữa.

Ngoài nhà, mưa vẫn rơi tầm tã.

Một cơn gió lạnh thổi vào làm rung động mấy bông hồng và đưa lại phía chàng một ít hương nhẹ, Triết lẩm bẫm:

- Éo le vô cùng...

Rồi chàng chống hai khuỷu tay lên bàn với một bông hồng, áp vào môi, nhắm mắt lại, rưng rưng muốn khóc.

*

*

*

Ăn cơm xong, bà Huấn kêu rúc đầu lên gác, chỉ còn Thoa và Triết ngồi bên bàn nói chuyện. Mưa đã tạnh; nước đọng ở mái nhà rơi từng giọt một xuống rãnh, nghe đều đều như điểm thời khắc qua.

Triết thân thờ nói:

- Thế là ngày kia anh ấy đã về rồi.

Càng thấy câu nói của mình rõ ràng có vẻ một câu than thở, lo sợ sắp đến ngày Lộc về. Chàng đưa mắt nhìn Thoa. Nàng thở dài một cái rất nhẹ, yên lặng không đáp. Triết nói:

- Lần này đi dễ chừng đến Tết cô mới về thăm nhà quê được.

Thoa đáp:

- Chắc em về luôn, vì còn ruộng nương của em. Anh không biết à? Bác mới sang tên cho em mấy mẫu ruộng ở ngay ngõ đi vào.

- Tôi không biết.

Thật ra, chính vì chàng nói nên mẹ chàng mới nghĩ đến việc cho Thoa mấy mẫu ruộng ấy. Thoa nói:

- Ngày cưới, bác cho em áo, bây giờ bác lại cho ruộng.

- Chỉ có tôi là không có gì tặng cô.

- Sao anh lại nghĩ thế. Anh thì cần gì phải cho em nữa. Triết ngời cúi mình về phía Thoa, ngập ngừng sẽ gọi:

- Cô...

Triết định nói cho Thoa hiểu hết cái tình u ẩn của mình. Chàng nghĩ bây giờ Lộc về thì có thể nói cho Thoa biết được, vì Thoa vẫn yêu chồng và cái tình yêu chàng tuy có ngang trái, nhưng vẫn là một thứ tình bè bạn trong sạch. Chàng nghĩ nói ra cũng không có hại cho ai, can gì mà giấu giếm Thoa trong bao nhiêu.

Thoa thấy Triết gọi, ngừng lên nhìn.

Lần này cũng như lần Thoa chưa đi lấy chồng, Triết nhìn hai con mắt Thoa thấy một cách rõ ràng rằng Thoa đã hiểu chàng rồi và đã biết chàng

định nói gì. Chàng không cần phải nói nữa.

Thoa thấy Triết đăm đăm nhìn mình nên cúi mặt xuống; nàng mỉm cười, buồn rầu sẽ nói:

- Lạ quá, không có gì cả, nhưng hễ em cứ sắp đi đâu là em thấy buồn.

Triết nói:

- Tôi bận việc, nhưng đến vụ gặt cô về quê trông coi ruộng thì tôi cũng cố về.

Thoa tiếp theo:

- Nhưng chẳng cứ gì trông thấy mới là gặp.

Triết nắm chặt hai bàn tay lại với nhau để cố giữ vẻ cảm động và âu yếm nhìn Thoa nói:

- Tôi hiểu cô lắm. Như trước kia, khi cô ở Vĩnh Yên ba, bốn năm, tuy không trông thấy cô, mà lúc nào cũng như gặp cô, vì lúc nào cũng nghĩ tới cô, mong cô sung sướng. Cô khổ thì tôi không thể nào vui được.

Thoa ngược mắt nhìn Triết, mỉm cười:

- Cám ơn anh. Em được sung sướng ngày nào là nhờ ở anh cả. Nhưng em biết lấy gì để đền ơn anh.

- Cô nói làm gì đến ơn nghĩa. Cô hiểu tôi như tôi hiểu cô, thế là đủ. Suốt đời tôi, tôi không mong ước gì hơn nữa.

Hai người nhìn nhau, tự nhiên thấy ngượng. Mắt Thoa tỏ vẻ bối rối, nhưng có thoáng một nỗi vui mới lạ. Triết đứng lên ra tựa cửa sổ, trông ra ngoài vườn. Quả tim chàng đập một cách êm ái. Không có gì cả nhưng từ

lúc đó chàng biết chắc là Thoa cũng đã bắt đầu yêu chàng như yêu một người tình nhân. Một lúc lâu chàng nói:

- Mưa xong mà có trăng, trời trong lạ. Trong đời, tôi chưa thấy đêm nào đẹp như đêm nay...

Câu tả cảnh trời đẹp ấy, Triết chỉ cốt mượn nó để mong diễn cho Thoa biết cái vui sướng đương tràn ngập cả tâm hồn chàng, cái vui sướng mà chàng thấy nó trong sáng hơn cả bầu trời đêm trăng hôm đó.

Nhưng cái tình của chàng với Thoa đẹp đẽ quá, khiến chàng nghi ngờ không biết cái vui của mình có thể thật được không. Hay đó chỉ là cái ảo tưởng diễm lệ của một sự khao khát về tình ái không bao giờ được mãn nguyện.

Triết nhìn ánh trăng đọng trên lá cây ướt, ngẫm nghĩ:

- Miễn là cái ảo tưởng ấy hai người cố giữ sao được lâu bền mãi, suốt đời.

V

Một buổi chiều vàng... Thoa lững thững ra ngoài cổng chơi mát. Người thấy mùi lúa chín thơm gió đưa thoảng qua, nàng lẩm bẫm:

- Đã hai vụ gặt rồi chưa về thăm quê.

Nàng lại gần quán nước hỏi chuyện bà hàng:

- Mấy hôm nay có hội, hẳn là đông khách. Bà hàng lắc đầu:

- Ế quá, mợ ạ. Nhưng cũng may hôm nay có được một thầy mặc quần áo tây vào ngồi uống có một bát nước mà trả cho những năm xu. Thầy ấy làm ở lục lộ. Ngồi một lúc, cháu thấy thầy ấy giở cuốn sổ tay họa mấy cái nhà này và biên chép mãi.

Toa đã toan đi, bỗng một ý nghĩ vụt hiện đến làm nàng thấy lạng cả người. Nàng hỏi:

- Hay là ông tham lục lộ?

- Không phải, người này trẻ hơn. Vào trạc ba mươi tuổi. Yên lặng một lúc rồi bà hàng tiếp theo:

- Hình như thầy ấy trước đã có đến một hai lần rồi. Toa không cần hỏi nữa, vì nàng đã biết người ấy là ai rồi.

Nàng quay mặt ra phía đường xe lửa xuôi Hà Nội, đứng yên lặng đưa mắt nhìn theo hàng cột dây thép nhỏ dần rồi khuất sau quả đồi xóm Rùa, làng Khai Quang; trên mỏm đồi, về phía đầm Vạc, trơ trọi đứng một cây thông cằn in lên nền trời xa, hiu quạnh.

Hai con mắt mơ màng, Toa se sẽ lắc đầu và thở dài rất nhẹ.

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Mười Năm Qua

Ngày 25 tháng 10 năm 1924

Anh Trung yêu dấu,

Chắc anh còn nhớ mấy giọt nước mắt của em đã thấm ướt tay anh đêm qua. Anh hẳn không ngờ rằng đêm qua lại là đêm em phải vĩnh biệt anh, vĩnh biệt người đầu tiên đã cho em biết thế nào là tình yêu ở đời. Anh hỏi em vì cớ sao mà khóc, thì em chỉ mỉm cười, nũng nịu đáp lại: Vì yêu anh quá, vì sung sướng quá. - Anh có ngờ đâu em khóc vì em phải xa anh, vì em đã quyết phải rời anh ra.

Vâng, em cần phải xa anh. Em sẽ đi, đi thật xa. Anh đừng tìm kiếm em làm gì vô ích, vì không bao giờ, không bao giờ nữa anh có thể gặp được em, gặp được Lan Hà yêu quý của anh nữa. Anh chỉ biết rằng ở một nơi xa xôi mà không bao giờ anh đi tới, em vẫn dùng những ngày tàn sót lại để hối hận những sự lầm lỗi đã qua và để luôn luôn tưởng nhớ tới anh...

Anh ạ, em không muốn làm hại đời anh, vì vậy em phải miễn cưỡng xa anh, để anh "lập lại cái đời niên thiếu của anh".

Xin anh tha lỗi cho em đã làm anh đau khổ, xin anh tha lỗi cho con Lan Hà khốn nạn này đã đến làm vẩn đục quãng đời ngây thơ, trong sáng của anh. Em chỉ là một gái giang hồ dày dạn phong trần mà ai cũng có thể khinh được.

(*) Ý truyện của Phạm Ngọc Thọ.

Nhưng anh thì anh chỉ thương em mà không nỡ khinh em. Vì gái giang hồ này đã tình ngộ biết mình là hòn đá chẵn ngang bước đường tiến thủ của một gã thiếu niên chứa chan hy vọng về tương lai như anh... Vì không muốn làm hỏng đời một người yêu, gái giang hồ này đã biết hy sinh cả hạnh phúc ái tình.

Thôi xin vĩnh biệt anh và anh cho phép em hôn anh, một lần cuối cùng. Cái hôn ở ngoài ngàn dặm, em chắc là tinh khiết, thanh cao hơn những cái hôn tục tiểu, dâm ô mà em đã hiến cho biết bao nhiêu người khác trong những giờ phút điên rồ.

Xin vĩnh biệt anh... Không gặp anh nữa, nhưng xin anh nhớ cho rằng nơi phương trời mù mịt không lúc nào là em không để hồn mơ tới anh...

Sang năm, hễ lúc nào em thấy lá thu rơi, gió heo may thổi như hôm nay thì em sẽ viết thư cho anh để nhắc anh nhớ lại trong giây phút cái tình của em đối với anh, cái tình trong sạch trong cuộc đời nhơ nhuốc của em.

Em sống ở đời chỉ còn mỗi một cái vui sướng đó thôi.

Người yêu anh: Lan Hà.

Ngày 25 tháng 10 năm 1925

Anh Trung yêu dấu,

Hôm nay em thấy gió heo may thổi ở ngoài vườn nắng... lá vàng rơi... Một năm đã qua.

Em viết thư để nhắc anh nhớ đến em giây lát, chỉ giây lát thôi, vì em không muốn làm huyên náo cái đời yên tĩnh của anh.

Một năm qua, em chắc đã đủ làm cho anh dụi được vết thương cũ, hồi đôi ta mới vĩnh quyết. Em muốn anh thỉnh thoảng tưởng nhớ đến em, đến người bạn gái ở chốn xa xôi này, nhưng em ao ước rằng lòng tưởng nhớ đó không đến nỗi làm cho anh buồn quá, mà chỉ nhắc anh biết rằng ở đâu đó có một người đương tha thiết yêu anh, và mong mỏi cho anh được sung sướng.

Chắc anh vẫn thường tự hỏi: Nhưng Lan Hà bây giờ ở đâu? Em dám chắc rằng không bao giờ anh có thể biết được, vì em ở một chốn quê hẻo lánh, mà không đời nào được bước chân tới. Hiện nay em sống một đời bình tĩnh lạ thường. Em đã đổi khác trước nhiều, giá anh có tình cờ trông thấy em, anh cũng không nhận ra. Em muốn trong ít lâu có lẽ độ mười năm sống một đời giản dị, trong sạch để xóa nhòa hẳn cái quá khứ nặng nề kia đi, vì biết đâu sau này em lại không có cái hy vọng được gặp anh. Nhưng bây giờ thì chưa được. Bây giờ thì em chỉ có thể trở lại với anh trong tưởng tượng mà thôi, và gặp gỡ anh trong những giấc mơ ngắn ngủi. Bây giờ thì em chỉ còn có cái hy vọng đợi đến mùa Thu sang năm.

Lan Hà.

Ngày 25 tháng 10 năm 1934

Anh Trung,

Mười năm qua...

Đã mười năm trời... em xa anh.

Đã mười năm trời, em rời bỏ cõi trần.

"Em rời bỏ cõi trần".

Vâng, Lan Hà của anh đã chết rồi... chết đã mười năm nay rồi. Nếu anh giờ mười lá thư của em đã gửi cho anh, anh sẽ thấy cùng một nét chữ

viết, cùng một màu mực, cùng một thứ giấy và anh sẽ rõ sự lạ lùng kia.

Phải, chỉ mới đêm qua chúng ta chia tay nhau.

Mới đêm qua gục đầu vào ngực anh, em còn thồn thức, mặc lệ sầu tuôn thấm ướt tay anh.

Mới đêm qua, sau khi biệt anh, em về thu xếp đồ đạc như sắp đi xa, rồi sáng hôm sau, mặc một chiếc áo nâu cũ kỹ để không ai nhận được ra em nữa, em vào nằm đợi chết... trong nhà thương.

Trong mấy tháng em vẫn giấu không cho anh biết rằng em mắc bệnh lao không có hy vọng gì chữa khỏi. Đó là thứ bệnh thông thường để kết liễu đời những gái giang hồ như em.

Rồi nằm trong nhà thương em dùng những ngày cuối cùng trong đời em để viết luôn mười bức thư này. Em dặn một người thân, cứ theo đúng ngày, tháng, năm gửi tới cho anh.

Thế rồi mai kia, cùng với lá vàng rơi... em về cõi chết, để lại trên đời một tập thư thay người. Bức thư cuối cùng em viết từ "đêm nay" mà mãi... "ngày nay" anh mới đọc. "Ngày nay" tức là... mười năm về sau của "đêm nay".

Mười năm sau em mới ngỏ cho anh biết rằng em lừa dối anh. Xin anh tha lỗi cho em và xem những dòng sau đây, anh sẽ biết vì có gì em lừa dối anh.

Đau lòng cho em quá! Đến lúc được cái hạnh phúc anh yêu đến, yêu bằng một thứ tình khác xa với những thứ tình giả dối kia, thì lại là lúc em phải từ giã cõi đời. Em đau lòng, rồi em ghen với hết cả mọi người được sung sướng, em không muốn cho anh biết là em đã chết, để mong kéo dài cuộc tình duyên này mười năm nữa.

Nhìn lại cuộc đời rộng không, hieu quạnh của em, nghĩ đến nay mai phải về chốn "nghìn năm", không còn ai, không còn ai nhớ đến nữa, em thấy lạnh cả người, em sợ lắm. Mười bức thư này sẽ an ủi em khi nhắm mắt, vì em chắc rằng ở trên đời, mười năm sau, ít ra cũng còn có anh tưởng nhớ đến em. Bây giờ biết sự thực rồi, anh có thể khinh em được, khinh em mà vẫn phải thương em. Em chỉ cốt có thể thôi, cốt còn có người thương đến em mười năm sau khi em chết. Người đó không là anh thì còn là ai?

Em không cần giấu chỗ ở của em nữa. Chốn quê hẻo lánh em nói trong những bức thư trước ở ngay gần anh... anh cứ xuống nghĩa trang N.T và tìm đến mộ nào bia có đề những chữ: Nguyễn Thị Kim 25 tuổi, mất năm 1924. Chỗ ở cuối cùng của em đó.

Nhưng lúc anh nhận được bức thư này thương nhớ đến em mà xuống thăm, em chỉ sợ mấy chữ bia đã mờ rồi, anh không nhận ra được mộ em nữa...

Thôi anh Trung yêu dấu, em biệt anh... biệt anh hẳn. Từ nay không còn có những bức thư của em cứ mỗi năm, mỗi khi Thu sang lại đến làm bận rộn đời anh nữa.

Nhưng mỗi năm hễ anh thấy lá vàng rơi, thấy hơi gió heo may đến mơn man tóc anh, má anh thì xin anh coi nó như cái hôn âu yếm của người đã khuất từ lâu, cái hơi thở cuối cùng của Lan Hà năm xưa.

Người yêu anh: Lan Hà.

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Cái Tây

Nếu không có một việc cần bất ngờ, thì có lẽ cả đời không bao giờ Vượng đi tới con đường quê hẻo lánh ấy. Đã thế ô tô đương đi tự nhiên ngừng hẳn lại. Thấy gần đây có một cái chợ và mấy lớp nhà, Vượng để mặc tài xế chữa xe, đi rẽ xuống một con đường nhỏ, tìm quán uống nước.

Chàng vào một cửa hàng tạp hóa, đưa mắt nhìn xem có chai nước chanh nào không. Bỗng chàng ngạc nhiên, kêu:

- Anh!

Một người mặc áo cộc trắng đương ngồi cặm cụi cho lạc rang vào chai, ngừng nhìn Vượng một hồi lâu, rồi đứng thẳng dậy như cái máy, reo một tiếng thật to, và cũng kêu như Vượng:

- Anh!

Vượng còn đương đứng ngẩn người nhìn bạn từ đầu đến chân, thì người bạn đã nhảy xuống đất rồi cứ chân không chạy ra kéo tay Vượng vào:

- Phải, tôi đây. Huy đây! "Huy địa dư" đây!

Vượng không ngờ đâu người bạn học cùng một trường với chàng đã hai lần đi thi tú tài, nay đương ngồi cho lạc vào chai ở một cửa hàng tạp hóa nhỏ, cạnh một chợ quê tiêu tụy.

Huy gọi với vào trong nhà bảo pha nước, hỏi chuyện rồi rít, làm Vượng không kịp trả lời: Tuy vậy, Huy vẫn không quên cho nốt chỗ lạc rang còn thừa lại vào chai. Chàng lấy một cuốn sổ mỏng gập đôi lại rồi thả lạc trôi dần dần vào chai, và phồng má thổi mạnh cho vỏ lạc bay ra ngoài.

Vượng chưa kịp nói câu gì, vì chưa biết bắt đầu ra sao. Vừa mới hỏi được một tiếng "anh" thì bạn đã gật lấy gật để đáp ngay:

- Phải tôi: Vượng gắt:

- Ai chẳng biết là anh. Nhưng anh làm gì ở đây? Huy đáp:

- Nhà tôi đây... Anh chưa biết à?... Mà anh biết làm sao được. Anh ở tây về bao giờ?

- Tôi về đã hai năm nay.

- Đồ gì rồi?

- Đồ kỹ sư.

- Khá đấy!

Huy khen bạn một cách thản nhiên không mảy may lộ chút thèm muốn, hình như đã lâu lắm chàng không nghĩ đến những sự thi cử, học hành...

Một người đàn bà không đẹp không xấu, mặc áo nâu cài khuy, chân đi guốc ở trong nhà bước ra. Huy nói khẽ:

- Nhà tôi...

Rồi chàng chỉ Vượng giới thiệu với vợ:

- Đây là bác ký Vượng ở trên Thái xuống chơi. Mình bảo nó làm cơm bác xơi.

Vượng lấy làm lạ không hiểu tại sao Huy lại tự tiện cho mình là một ông ký.

Chàng mỉm cười ngẫm nghĩ:

- Có lẽ vì trong kỹ sư có chữ kỹ, đổi một cái dấu thì thành ký ngay.

Vượng không hỏi bạn vì lẽ gì, đành tạm cho mình là một ông ký vậy. Chàng từ chối không nhận ăn cơm, lấy cớ chỉ đợi tài xế chữa xe xong, lại phải đi ngay. Huy hỏi khê:

- Bác đi ô tô... Ô tô của bác? Thế thì bác bảo tài xế ở ngoài xe đừng vào đây, sợ nhà tôi biết. Rồi tôi sẽ cho bác hiểu vì sao.

Thấy có người vào mua hàng, Huy vội đứng lên:

- Xin lỗi bác...

Chàng tươi cười hỏi khách:

- Chè đầu xuân mới về, tôi vẫn để dành ông một bao đấy.

Chàng rút ra một bao, mở nắp để mũi vào hít ngửi mấy cái, rồi cẩn thận gói đưa cho khách, vừa đưa vừa thân mật hỏi:

- Thế nào, ông đã lo được tiền đăng cai cho cháu chưa? Vượng để ý nhìn bạn vẫn thấy bình tĩnh như thường, không lộ vẻ khó chịu vì phải nói một câu đả bôi, trái với ý tưởng. Chàng ngẫm nghĩ:

- Cái học trong bấy lâu thật vất đi cả... Hay là anh đã đổi cả tâm tính đi rồi.

Vượng lắc đầu chán nản, vì chàng nghĩ rằng sự nghèo khổ không nguy hiểm cho người ta bằng sự trụy lạc về tinh thần.

*

* *

Người nhà bưng mâm cơm lên và đặt ngay ở giữa giường.

Đồ ăn tuy nhiều nhưng vì để trong những cái đĩa đàn trên một cái mâm gỗ đã bong sơn, nên trông không có vẻ ngon lành.

Vượng quay mặt cho bạn khỏi ngượng, vì chàng đoán chắc bạn cũng ngượng như chàng. Huy ngồi vào mâm so đĩa nhìn mâm cơm, nói với Vượng:

- Hôm nay không phải phiên chợ, bác xơi tạm bữa cơm dưa muối. Thức ăn đã chẳng có gì, mà người nhà lại vụng về.

Nói vậy, nhưng Vượng thấy bạn có vẻ mặt khoái trá của người sắp được dự một bữa tiệc rất sang; chàng thấy bạn so những chiếc đĩa sơn cong queo một cách âu yếm, và gượng nhẹ đặt ngay ngắn bên cạnh mâm.

Vượng thấy nét mặt và cử chỉ của bạn có vẻ tự nhiên, là những nét mặt và cử chỉ vẫn thường có hàng ngày chứ không phải tô tạo ra để cốt làm vui lòng một người bạn.

Ăn cơm xong thì trời vừa chiều. Huy rủ Vượng ra hiên sau ngồi uống nước.

Bên cạnh một giàn mướp đầy hoa vàng có để một cái bàn cũ và cái ghế tre dài. Vượng vừa hút thuốc lào vừa nhìn ra: Cái cảnh khu cánh đồng bùn lầy, nước đọng phẳng lì đến tận chân trời gieo vào tâm trí chàng một

nỗi buồn mênh mang, với những ý tưởng chán nản về cuộc đời sống ở những chốn quê hẻo lánh.

Bên một cái giậu nửa đã đổ nghiêng dưới sức nặng của những cây mồng tơi, một con lợn sề gầy gò, ve vẩy đuôi, lê bụng đi từ từ giữa một đàn lợn con chạy loăng quăng.

Huy ngả người vào lưng thế, dang thẳng hai tay có vẻ khoan khoái bảo Vượng:

- Cái hiên này, mùa hè đến, mát lắm.

Vượng thấy bạn có vẻ hồn nhiên lạ lùng, hình như từ thuở bé chàng vẫn sống trong cái cảnh này, và chàng còn muốn sống trong cái cảnh đó cho hết đời. Lúc ấy Vượng mới nhận ra rằng mình buồn, mình thương bạn, không phải vì thấy bạn gặp cảnh nghèo, mà thật ra vì thấy bạn không có thể nào thoát khỏi cảnh nghèo được, không có sức để cất đầu lên được nữa. Chàng lẩm bẩm một câu bằng tiếng Pháp:

- Thật là hết!

Chàng toan nói cho Huy rõ ý tưởng đó, nhưng chàng biết là vô ích, nên lại thôi. Huy không sao hiểu được nữa.

Hai người ngồi yên lặng một lúc lâu. Bỗng Huy quay lại phía Vượng hỏi đột ngột như đã đoán được ý nghĩ vẫn vương trong óc bạn:

- Anh thấy tôi đổi khác trước nhiều có phải không? Bảy tám năm rồi còn gì?

Trời tối hẳn; Vượng và Huy không nhìn rõ mặt nhau, nhưng tiếng nói của Huy vẫn đều đều lọt vào tai Vượng; lúc nói chuyện, hai người cùng sống trở lại những ngày vô tư lự của cái đời học trò chín năm trước. Có tiếng vợ Huy ở trong nhà hỏi:

- Sao mình không thắp đèn lên? Huy vội ngắt lời vợ:

- Thôi, không cần.

Rồi chàng lại bắt đầu kể chuyện cho Vương nghe:

- ... Thế là tôi rớt về địa dư và lịch sử, mặc dầu anh em đã gọi tôi là "Huy địa dư".

Wương nói:

- Anh rớt, có lẽ vì tại anh học thuộc quá, thuộc cả chấm câu, chấm phẩy và số trang.

Huy cười:

- Anh không nhớ có lần làm bài về địa dư, tôi bắt đầu ngay bằng một câu: "như tôi đã nói ở trang 45, mục 7..." nghĩa là tôi cứ viết theo nguyên văn trong sách. Của đáng tội, trí học của tôi không lấy gì làm sáng suốt cho lắm, tôi chỉ được một cái chăm và học thuộc lòng. Mà chăm như thế, chỉ vì cốt thi đỗ để lấy Liên. Chắc anh đã biết Liên?

- Lạ gì, Liên con cụ tuần Đạo.

- Chính đó. Nhưng năm đầu tôi rớt, Liên và nhà Liên đành lòng đợi tôi năm sau. Cái mộng được làm một ông tham, lại được lấy một người đẹp, con nhà giàu, cái mộng to lớn nhất trong đời tôi lúc đó, vì thế vẫn còn. Tôi chăm học bằng hai năm trước và học thuộc lòng cũng gấp hai trước...

Thế rồi chỉ vì một cái tầy...

Nói đến đây, Huy cười khẽ một cái, với điệu thuốc lá, đánh diêm châm hút.

- Kỳ thi năm sau, tôi trả lời các bài trôi chảy cả. Chỉ còn địa dư và lịch sử, tôi để lại sau cùng. Lúc vào phòng thi, tôi lo sợ phấp phỏng. Ông giáo chấm thi hỏi tôi câu đầu, tôi đáp ngay được. Ông bằng lòng lắm. Ông tươi cười toan cho nốt, nhưng gió quạt máy cứ chực lật tờ giấy chấm thi, sẵn có cái tẩy, ông lấy chặn lên một góc giấy. Nhưng cái tẩy không chịu được sức gió, lăn ra ngoài, giấy cuốn cong chạm vào bút; ông hất ra mấy lần không được, đập tay xuống tỏ vẻ khó chịu và bảo tôi ra tắt quạt máy đi.

Ông hỏi sang địa dư... Thấy trán ông lấm tấm mồ hôi, sợ ông vì nóng quá đâm ra gắt gỏng nên tôi ra vặn quạt cho chạy. Ông mỉm cười khen:

- Tốt lắm, con ạ. (Très bien, mon enfant).

"Con" sung sướng lắm, hỏi đâu đáp đấy, trôi như nước chảy.

- Ông cầm bút cho nốt và tiện tay lấy cái tẩy chặn lên góc giấy. Tôi lo lắm, chỉ lo tẩy nhẹ quá, gió lại hất giấy vào bút làm ông phát bần không cho nốt cao. Hai mắt tôi nhìn đăm đăm vào cái tẩy như bị thôi miên. Cái tẩy khễ rung động. Tôi lẩm nhẩm:

- Này nó sắp lăn... nó sắp lăn.

Cái tẩy lăn đi một vòng. Tôi nín hơi đợi, nhưng vì lúc đó sức gió yếu, nên nó đứng lại ngay. Cái tẩy lại rung động, tờ giấy lật mạnh: Thấy cái tẩy bị hất ra ngoài, sắp lăn xuống đất, tôi nghiêng người toan chạy lại; ông giáo vừa cho xong nốt, nhưng bị tờ giấy hất vào bút, mực dây cả ra tay.

Ông ngừng nhìn tôi, và thấy tôi đương nghiêng người về đằng trước, chăm chú vào tờ giấy cho nốt, có vẻ khả nghi. Ông đập bàn:

- Được lắm, anh muốn nhìn nốt, tôi sẽ dạy cho anh cách nhìn nốt... Anh vừa gan vừa khéo nịnh... À, tôi nhớ ra... lúc này anh vặn quạt máy cốt để giấy lật, anh nhìn nốt cho rõ.

Ông liền xóa nốt cũ đi, cho tôi một con số khác, không phải hình quả trứng thì cũng hình cái gậy.

Lẽ cố nhiên là tôi rút. Nhà cô Liên và cô Liên lẽ cố nhiên là không đợi tôi và đợi chức tham biện với số lượng hơn trăm đồng mong ước kia. Tôi đau, tôi khổ, tôi kêu trời, kêu đất mất gần nửa tháng. Trí tôi không lúc nào không nghĩ đến cái tầy. Nếu cái tầy ấy nếu có nặng hơn một tí, một tí nữa thôi, thì tôi đã đổ, cô Liên đã lấy tôi, tôi đã sung sướng...

Huy ngừng lại một lúc lâu, rồi nói tiếp một cách chậm rãi như cân nhắc từng tiếng:

- Bỗng một hôm tôi nghĩ ra. Tôi sức tình. Tôi tự bảo: Nếu bao nhiêu điều mình mơ ước, nếu hy vọng của cả đời mình chỉ dựa vào cái tầy bé con, một cái tầy khốn nạn, vô lý, thì hạnh phúc ở đời mình không thể nào chắc được. Đi đuổi tốn công. Phải làm thế nào cho hạnh phúc ở đời phải ở mình, chỉ ở mình thôi.

Huy nhắc lại:

- Hạnh phúc chỉ ở lòng mình, hạnh phúc ở sự yên tĩnh của tâm hồn. Khi mình đã có cái bình tĩnh đó, thì không cái tầy nào làm mất được, thật là chắc chắn, kiên cố. Thế là từ hôm đó, tôi khỏi buồn, người tôi đổi khác hẳn. Tôi lăn lộn rất nhiều nơi, có lúc làm lụng vất vả trong các nhà máy, các hầm mỏ, có lúc giàu, có lúc nghèo... ngồi bán chè ở cái chốn quê xơ xác này, nhưng chỉ cảnh ngộ đổi khác, còn ở trong vẫn không thay đổi. Nếu cái tầy làm tôi vất vả thì trái lại nó đã cho tôi thấy hạnh phúc trong tám năm nay.

Một hôm lang thang đến đây tôi gặp nhà tôi, tính ra đến nay đã được hơn một năm. Tôi chưa biết là ở tạm, hay là ở hẳn vì đảng nào cũng vậy. Nhà tôi không rõ quãng đời trước của tôi, tôi phải tự tiện cho anh là một

ông ký, vì tôi làm gì có một người bạn kỹ sư, sang trọng, có ô tô nhà như anh.

Huy cười nói thật khẽ:

- Nhà tôi cứ tưởng là tôi cũng dốt như nhà tôi vậy.

Mặt trăng từ từ lên sau mấy thân cau viền trăng; ánh trăng chiếu vào in rõ lên quần áo Huy những bông lá mướt gió lay động.

Vượng lại nhìn rõ nét mặt bạn. Nhưng bây giờ chàng thấy bao nhiêu những ý tưởng buồn bã, chán nản về bạn tự nhiên tiêu tan hết.

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Vết Thương

Dung nhìn qua nét chữ trên phong bì, lẩm bẩm:

- Lạy trời có tin mừng.

Tuy miệng nói vậy, nhưng trong thâm tâm nàng lại mong ngày có tin mừng còn lâu mới đến, hay không bao giờ đến. Nàng vội vàng xé phong bì, giở bức thư ra đọc:

"Chị Dung,

Xin báo tin để chị hay rằng anh Địch và anh Kỳ đã được tha. Đó là một tin đích xác. Hiện giờ đã ở Hà Nội, còn như bao giờ người ta giải về làng, em không được rõ. Vậy chị báo tin ngay cho chị Địch và chị Kỳ rõ".

Dung vội buộc băng cho người đau chân đến xin thuốc rồi đội nón để về nhà báo tin cho hai em.

Nàng vừa đi vừa lẩm bẩm:

- Hai cô tha hồ mà mừng.

Hai con mắt Dung mơ màng nhìn ra chân trời xa lắc như cố tìm bóng một người mà nàng biết không còn bao giờ trở về nữa. Hoạch, chồng nàng, cũng bị đày ra Côn Đảo cùng một chuyến với em chồng nàng và Kỳ, em rể. Ba chị em từ lúc chồng bị đày vẫn ở chung một nhà và an ủi lẫn nhau cho nhẹ bớt nỗi khổ. Cách đây trên một năm, Dung được tin chồng mất ở Côn Đảo. Hai em nàng hết sức khuyên giải chị và thường nói:

- Đã bị đày chung thân thì sống với chết cũng thế thôi. Và lại, ba chị em ta đã quyết coi như là chồng đã chết hẳn, thì can gì chị phải quan tâm đến sự sống, chết. Đẳng nào chúng mình cũng là ba người đàn bà góa rồi.

Dung nhờ có hai em nên khuây dần; ba người lại sống trở lại những ngày bình thường, lúc nào cũng gần gũi nhau và thân yêu nhau. Cho đến khi nhà nước ân xá và chính trị phạm; Dung mừng cho hai em, săn sóc hỏi tin tức các bạn ở Hà Nội về Địch và Kỳ; nhưng nàng không khỏi ghen thầm, ghen đến nỗi chỉ mong cho Địch và Kỳ không được ân xá. Nàng tự mắng:

- Sao mình lại nhỏ nhen, khốn nạn đến như thế được. Đau đớn nhất là nàng vẫn yêu hai em và mong cho hai em sung sướng.

Dung rút bức thư ở trong túi ra đọc lại rồi lẩm bẫm:

- Cốt nhất là mình phải giấu kín nỗi buồn riêng, mình không có quyền làm vẩn đục cái vui của người khác.

Tiếng bà nhiêu Bình ở sau lưng làm Dung giật mình quay lại:

- Thư gì đấy cháu? Đã có tin mừng gì chưa? Sao lại khóc thế kia?

Dung đáp:

- Hai chú ấy được tha cả rồi, bác ạ... Cháu mừng quá không giữ nổi nước mắt.

Nhưng bà nhiêu Bình đã hiểu vì cố sao Dung khóc. Bà lắc đầu thương hại, nói:

- Rõ tội nghiệp cho cháu tôi quá.

Sợ về ngay hai em tất biết là mình vừa mới khóc, Dung rẽ vào tam quan chùa làng và đứng một lúc lâu đợi cho khô hẳn nước mắt.

Khi Dung về tới nhà, Thuận và Trinh đang đứng ở hiên thì thầm nói chuyện. Dung thấy hai em quay ra nhìn mình một cách khác thường. Nàng hỏi:

- Có việc gì thế?

Trinh và Thuận vẫn yên lặng nhìn chị. Dung chột hiệu.

- Hai cô đã biết tin rồi à? Thuận nói:

- Bà nhiều Bình vừa vào đây báo tin. Dung rút bức thư, bảo Thuận:

- Cô đọc thư xem. Hai chú ấy đã về tới Hà Nội.

Bỗng nàng nghĩ đến rằng bà nhiều bắt gặp nàng đương khóc, tất thế nào cũng kể chuyện lại với hai em. Trinh và Thuận vì thương hại nàng, không dám lộ vẻ vui mừng. Dung cảm động nói:

- Mong mỗi mãi... nhận được thư... chị mừng quá hóa khóc.

Nàng nghẹn ngào ở cổ, rồi nước mắt ứa ra chảy dòng dòng trên má, rơi cả xuống lá thư còn cầm ở tay. Nàng mỉm cười, ngượng nghịu nói:

- Rõ thật chị hay mau nước mắt quá. Đấy... lại khóc rồi đấy...

Nàng bỏ chạy vào trong nhà nằm gục trên giường. Trinh và Thuận đưa mắt nhìn nhau yên lặng.

*

* *

Dung giải khăn bàn và lấy bát đĩa ra bày. Khi nhìn cái bát lẽ loi để riêng ở một góc bàn, chỗ mà chốc nữa nàng sẽ ngồi một mình giữa hai cặp

vợ chồng mới đoàn tụ, Dung phải hết sức giữ mới khỏi ứa nước mắt. Nàng nhớ lại câu của chồng khuyên hôm từ biệt để ra Côn Đảo.

- Em phải biết rằng vì khóc mới thành ra buồn, chứ không khi nào mặt vui tươi mà buồn được. Muốn không bao giờ buồn thì đừng bao giờ khóc cả.

Dung mỉm cười, nhưng không phải nàng muốn làm theo lời chồng dặn: Chỉ vì nàng thấy câu của chồng nàng có vẻ ngộ nghĩnh. Nàng chạy xuống bếp rồi đứng ngắm Trinh đương phồng má thổi lửa, bụi tro bay lên phủ trắng cả vành khăn nhung.

- Thế nào, các cô nhà bếp mau chân mau tay lên. Đức anh chương đi thăm các nhà quen đã sắp về kia kìa.

Trinh ngừng lên, hai má đỏ ửng, mắt long lanh. Nàng vừa thở vừa nói:

- Khéo không hỏng tiệt cả.

- Hỏng gì mà rối rít lên thế?

- Hỏng mất món đồ ăn này của em. Gió gì mà gió ghê gió gớm thế này, cứ chốc chốc lại tắt bếp.

Dung nói:

- Khê cháy ăn cũng ngon. Hay nói cho đúng, có làm ngon cũng vô ích. Còn ai nghĩ gì đến ăn nữa.

Trinh múc thức ăn vô đĩa, để mũi người hơi bốc lên, vui mừng nói:

- Không việc gì, thơm lạ... Nhà em lúc... sinh thời chỉ thích ăn có một thứ này. Chị tính xem sáu năm nay làm gì có món này mà ăn.

Dung bẻ:

- Dùng chữ nho không biết đường mà dùng. Ai lại nói lúc sinh thời... trong khi chú ấy còn sống sờ sờ, dẫn xác về...

Thuận ở ngoài đi vào tay bưng một đĩa cây cải non vừa đem ra rửa ngoài bể nước mưa. Nàng nói:

- Cô ấy nói sinh thời thế mà đúng, đã coi như là chết đi, nay sống lại thì hồi trước là sinh thời.

Thuận lấy tay vốc những cây cải non đầu mùa, nói:

- Em phải cho nó sang xin tận bên bác cả, chỉ được có ngần ấy, ít quá.

Thuận vừa cho cải vào nồi vừa nói một mình:

- Chắc là ăn phải khỏe, chùng này chẳng đủ được.

Rồi nàng quay lại phía Dung:

- Chị có thấy nhà em khỏe hơn độ trước không?... Phải cái đen tợn.

Trinh tiếp lời chị:

- Cả đến tiếng nói cũng đổi khác trước. Tiếng nhà em, em nghe là lạ... đến hay.

Dung nói:

- Thế nào mà chẳng hay.

Nàng đứng vịn tay vào cánh cửa băng khuâng nhìn hai em vừa cặm cùi nấu nướng vừa hí hửng nói chuyện đến chồng mình. Dung mỉm cười và nghe những lời nói của hai em, nàng có cái cảm tưởng của một người tình ngồi trong một bữa tiệc chung quanh ai cũng say cả. Dung thấy trong lòng hơi vui vui; có lẽ nàng đã bắt đầu có thể lấy cái mừng của hai em làm cái

mừng chung cả cho nàng. Nàng tưởng tượng suốt đời hai em ở cạnh nàng mà lúc nào cũng yêu thương người chị xấu số đã riêng chịu phận lẻ loi.

*

*

*

Trời tối dần dần, nhưng Dung vẫn đứng tựa cửa nhìn ra khu vườn con. Tiếng gió rít trong lũy tre lẫn với tiếng nói chuyện thì thầm của hai vợ chồng Địch lọt vào tai nàng, Dung không còn cái hy vọng được hai em ở cạnh mình nữa; từ sáng đến giờ, Kỳ và Địch chỉ bàn đến chuyện xin phép đi nơi khác làm ăn và đem cả vợ đi. Trinh và Thuận cũng tỏ ý thích như vậy, không nghĩ gì đến nàng cả. Nàng không trách gì hai em, nàng chỉ đau đớn nhận ra rằng từ giờ trở đi, trong đời Trinh và Thuận, nàng là một người không kể đến nữa. Nàng sẽ ở lại nhà một mình bơ vơ, không còn ai để an ủi mình và suốt đời sống với những nỗi thương nhớ chồng không bao giờ nguôi.

Trong nhà, tiếng Địch và Thuận nói với nhau nhỏ dần.

Sợ làm mất tự do của hai em, Dung nói:

- Thím bảo nó đóng cửa ngõ cẩn thận. Tôi buồn ngủ quá, phải đi ngủ đây.

Nàng vào buồng đóng cửa lại. Vừa nằm vật xuống giường, nàng thấy nước mắt chảy ra giàn giụa. Nàng phải nức lên mấy tiếng cho khỏi khóc to. Ở ngoài kia, tiếng nói chuyện vừa im. Dung chắc hai vợ chồng đang hôn nhau. Nàng kéo gối bông áp vào mặt để làm mất những tiếng nức mỗi lúc một to. Ngực nàng khó thở, quả tim nàng như ngừng lại. Nàng tưởng giá khóc lên được mấy tiếng thì sẽ nhẹ nhàng xiết bao. Sợ không giữ nổi, Dung vứt cái gối đi, lấy tay đè mạnh ngang miệng. Bỗng nàng tối tăm cả mày mặt. Để giữ một tiếng kêu thét suýt thốt ra, hai hàm răng nàng vội cắn nghiền lấy cánh tay nàng. Dung ngất đi.

Ở ngoài nhà, Thuận muốn dò xem chị đã ngủ chưa, hỏi to:

- Lúc này chị dọn gì em thế?

Không thấy tiếng đáp, Thuận âu yếm nhìn chồng, thẫn thờ nói:

- Chị ấy đến tài. Bao giờ cũng vậy, cứ đặt mình xuống là ngủ ngay được.

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Câu Chuyện Mơ Trong Giấc Mơ

Một đêm trăng mờ trên sông Thương. Con thuyền lơ lờ trôi bên cạnh một dãy lau cao, gió thổi qua xào xạc. Sinh ngồi dựa vào mạn thuyền, đôi mắt mơ màng nhìn một thiếu nữ tóc trần, mặc áo lụa trắng, đương ôm lỏng một cây đàn, hờ hững gảy vài tiếng rời rạc. Một cơn gió mát thoảng qua. Sinh hỏi thiếu nữ:

- Ở giữa sông, mà lạ thật, có mùi hoa nhài thơm lạ. Thiếu nữ nghiêng đầu để Sinh rõ mấy bông hoa nhài

trắng cài trong làn tóc đen, rồi thiếu nữ dăm dăm nhìn nước trôi cạnh thuyền như muốn ôn lại trong trí những việc xảy ra thời quá khứ xa xăm. Một lát, thiếu nữ thở dài, buồn rầu nói:

- Em thích nhất hoa nhài... vì hình như kiếp trước đời em là đời hoa nhài.

Sinh cười nói đùa:

- Tuyệt của tôi có linh hồn một nhà thi sĩ...

Tuyệt nghiêm nét mặt:

- Em không nói đùa đâu. Anh không thấy người ta vẫn bảo hoa nhài là một bông hoa dĩ, vì hoa nhài chỉ nở ban đêm, thế mà đời em, em nói ra cũng không hổ thẹn gì là đời một gái giang hồ...

Rồi nửa buồn rầu, nửa đùa cợt, Tuyệt cất tiếng hát:

... Ngẫm xem hoa ấy thân này...

Tuyết đặt đàn, ngồi sát lại gần Sinh.

- Anh muốn tin hay không là tùy ý anh, nhưng em thì em cho đời em với đời hoa nhài có liên lạc với nhau. Mà người ta bảo hoa nhài là một thứ hoa đĩ, thật đúng lắm. Để em kể anh nghe lại cái hồi em mới bắt đầu bước chân vào cuộc đời giang hồ này:

Năm ấy em mới mười sáu tuổi. Một đêm nhà vắng, cũng về mùa hè và có trăng mờ như đêm nay. Em nằm một mình ở ngoài hiên cho mát và vợ vẫn nhìn ra ngoài. Bỗng em thấy trên cái sân gạch rộng, lờ mờ dưới bóng trăng, hiện ra ba người con gái mặc toàn đồ trắng, nhẹ nhàng đi lướt qua sân. Em lấy làm lạ, vì trong nhà ngoài em ra, không có một người con gái nào khác nữa. Em ngồi nhồm dậy nhìn ra thì thấy ba người con gái đi đi, lại lại, chơi bời, cười nói trên sân coi như nhà của họ. Em ngạc nhiên bước ra sân, toan hỏi thì cả ba cô con gái cùng đến xúm lại quanh em, cầm tay em tỏ nỗi mừng rỡ, rồi bảo em:

- Chị Tuyết đây rồi! Chúng em tìm chị mãi.

Thấy em ngạc nhiên, một cô nói:

- Chị quên chúng em rồi sao? Sao mà chóng thế. Bạn cũ của chị đây mà, chị nhớ ra chưa?

Thế là từ lúc ấy, em mang máng nhớ dần ra, rồi em thấy hình như có gặp họ ở đâu nhiều lần rồi. Em chỉ nhớ mang máng thế thôi, chưa kịp nghĩ ngợi gì cả, thì cả ba cô cầm tay em kéo đi vừa đi vừa nói chuyện, nói chuyện lâu lắm, nhưng em không nhớ nói những chuyện gì. Lúc đi với họ, em thấy trong người nhẹ nhõm và quanh người lúc nào cũng phảng phất một thứ hương thơm mát, nhưng không đoán ra được thứ hương gì. Bỗng một cô nói:

- Thôi khuya rồi, xin từ biệt chị.

Rồi cả ba cô sát lại người em, ôm lấy em: Em thấy hoa cả mắt, và hương thơm ở người ba cô bạn làm em choáng váng, tê mê, thêm thiếp đi một lúc. Khi tỉnh dậy thì cả ba cô đã biến đâu mất và khi giơ vạt áo lên thì thấy đẫm mùi hoa nhài. Có tiếng cười khúc khích... Em giật mình thức dậy mới biết là mình vừa nằm mê.

Em quay mặt ra ngoài cho tỉnh hẳn thì thấy ngay ở đầu phản bên gối em ba bông hoa nhài trắng, và to vừa mới nở, gió thổi chúm lại với nhau và quay cả về phía em nằm, hương thơm đưa thoang thoảng.

Sinh cười bảo Tuyết:

- Nằm bên hoa, ngửi thấy mùi hoa, mê như thế là thường.

Tuyết nói:

- Anh để em kể hết đã... Từ lúc ấy trở đi, em thấy em đổi khác hẳn, rồi ngay ngày hôm sau, em gặp một chàng trẻ tuổi, em mê người ấy và từ đó, em không còn là một cô con gái mười sáu tuổi trong sạch nữa. Em trở về nhà thì mấy bông hoa hôm trước, cánh đã héo tàn, vàng úa. Bắt đầu từ đó, em bước dần mãi vào con đường nhơ nhuốc... cho đến ngày nay. Nhiều lúc em muốn trở về với cái đời trong sạch kia, nhưng không thể nào được nữa, hình như có một sức mạnh vô hình bắt em phải sống phải mãi mãi sống cái đời khốn nạn này.

Tuyết nhắc cây đàn lên gảy xong bài xuân nữ thán, rồi cúi mặt buồn rầu, hai bên má nước mắt chảy giàn giụa.

Muốn khuây buồn cho người bạn một đêm, Sinh giơ tay khẽ rút mấy bông hoa nhài ở mái tóc Tuyết, rồi cầm vớt xuống sông. Hai người cùng nhìn theo mấy bông hoa trôi theo dòng nước. Một cơn gió thoảng qua. Sinh nói:

- Để làm gì cái bông hoa ấy nó khuấy rầy cuộc vui của hai người đêm nay. Hết hoa, một cơn gió thoảng qua là hết cả hương thơm ám ảnh...

Tuyết mỉm cười chua chát:

- Hết thế nào được. Cái hương ấy nó thấm sâu vào trong da thịt em, nó đã thấm cả linh hồn em, gió nào thổi cho sạch được.

Mặt trời lộ ra: Trời sáng hẳn. Tấm áo của Tuyết đã trắng lại trắng thêm, nổi hẳn lên nền lá sậy đen. Bồng Sinh chăm chú nhìn vào mặt Tuyết, và ngạc nhiên thấy mặt Tuyết dưới ánh trăng mỗi lúc một trắng dần... trắng như màu trắng của một bông hoa nhài mới nở. Chàng ngạc nhiên hơn nữa, khi một cơn gió thoảng qua đưa lại phía chàng mùi hương nhài thơm nức như ở trong áo Tuyết bay ra...

Sinh dụi mắt. Lúc bỏ tay ra, thì thấy ánh sáng soi vào giữa mắt mình và thấy mình nằm trên cái ghế mây dài ở đầu hiên nhà. Lúc đó Sinh mới hay rằng mình vừa mới mê một giấc chiêm bao. Thấy lẫn trong gió có mùi thơm hoa nhài, Sinh quay mặt nhìn ra: Ngay ở đầu ghế, một cành nhài gió thổi hất về phía chàng để lộ ra trong đám lá một bông hoa nhài mới nở trắng nuột dưới ánh trăng. Hương thơm vẫn thoang thoang và bông hoa rung rinh trước gió, Sinh tưởng tượng như đương còn thì thầm kể lại câu chuyện mơ chàng vừa được nghe trong giấc mộng.

TRUYỆN NGẮN NHẤT LINH

Nhất Linh

www.dtv-ebook.com

Lan Rừng

Quang xuống xe rồi vào một cái nhà ở đầu phố để hỏi thăm đường đi Bản Lang và để thuê ngựa. Người cho thuê ngựa hỏi:

- Ông vào nhà ai trong đó?

- Vào nhà ông Vi Văn Hoài. Đường vào đấy có xa lắm không?

- Độ mười cây số thôi. Nhưng ông phải đi ngay kẻo trời tối mất. Để tôi lấy con ngựa thật khỏe ông đi cho chóng. Ông vào trong ông Hoài thì tôi không cần cho người đi theo dắt ngựa về, khi nào ra, ông đem ngựa lại trả tôi cũng được.

Rồi người cho thuê ngựa chỉ tay về phía một con đường lên dốc, bảo Quang:

- Ông cứ đi theo con đường đó. Đến một cái chùa đã đổ nát, thì ông rẽ sang bên tay phải, rồi đi thẳng, khi nào đến một cái cầu gỗ là đến Bản Lang.

Lên hết chỗ dốc Quang cho ngựa chạy phóng để kịp đến trước khi tối trời.

*

* *

Đi vài cây số gặp một cái chùa đổ nát, chàng theo lời người cho thuê ngựa rẽ về bên tay phải, rồi lại cho ngựa phóng. Nhưng đi được ít lâu,

chàng có cái cảm tưởng là lạ rằng con đường đương theo không phải là đường về Bản Lang, tuy chưa lần nào chàng về Bản Lang cả. Chàng tự cho mình nghĩ thế là vô lý, rồi cứ cắm đầu quất ngựa.

Đi đã lâu lắm, đáng lẽ phải tới nơi rồi, mà vẫn chưa thấy cái cầu gỗ. Chàng nhìn ra không có một cái nhà nào để có thể hỏi thăm được. Chung quanh chỉ toàn rừng già; những cây cao vót, ngọn nghiêng ngả, rào rào trước ngọn gió chiều vừa bắt đầu nổi lên. Chàng thấy rợn rợn, sợ hãi trước cảnh non cao rừng cả, nhưng vẫn quất ngựa cho phóng nước đại, tiến lên.

Đường thấy khó đi dần. Hai bên toàn một thứ cỏ cao, hoa trắng như bạc, lá nhọn và sắc. Sương chiều dần dần tỏa xuống Quang phải cho ngựa đi từ từ, vì cách năm thước không nom thấy rõ đường.

Bỗng chàng ghì ngựa lại, lắng tai, mừng rỡ. Trong sương, chàng vừa nghe rõ có tiếng người, tiếng thanh thanh của một người con gái:

- Có ai cưỡi ngựa trắng đi trên đường. Quang cất tiếng hỏi:

- Ai đấy?

Thấy có tiếng động ở sau lưng, Quang quay nhìn lại. Một người con gái Thổ vai gánh hai cái giỏ, đi với một đứa bé con tiến đến phía chàng.

- Đến Bản Lang còn xa không cô?

Quang vừa hỏi vừa nhìn cô gái Thổ và để ý đến nước da trắng và đôi mắt đen của cô bé. Chàng lấy làm lạ rằng cái sợ hãi lúc nãy đã biến đâu mất và tủi thẹn rằng mình được yên tâm như thế là nhờ ở một cô con gái yếu ớt.

Quang nhắc lại câu hỏi:

- Đến Bản Lang còn xa không, cô? Người con gái thân nhiên đáp:

- Ông đi nhầm đường rồi. Quang buột mồm kêu:

- Bây giờ làm thế nào?

Chàng toan quay ngựa thì cô gái Thổ như đoán được ý chàng, nói:

- Ông không quay về được nữa đâu.

- Nhưng mà đêm nay có trăng.

- Có trăng, nhưng nhiều sương không nom thấy rõ đường.

Thấy Quang lưỡng lự, cô gái Thổ nói tiếp:

- Vả lại ông phải đi qua một cái rừng có nhiều hổ.

Cô con gái quay lại vẫy đứa em:

- Chúng mình về đi thôi, kéo ở nhà mong. Quang không muốn quay lại nữa, hỏi cô bé:

- Nhà cô ở gần hay xa?

- Gần đây.

- Tôi muốn về nhà cô có được không?

Cô gái Thổ vừa đi vừa nói:

- Ông cứ về.

Quang nhảy xuống ngựa, rồi yên lặng rẽ cỏ đi theo hai chị em cô Thổ.

Chàng tưởng mình đi trong một thế giới huyền ảo vì chung quanh chàng chỉ có một màu sương trắng mờ dưới ánh trăng.

Đi khỏi mấy khóm cây, bỗng chàng nghe thấy một tiếng gì ở xa, ồn ào như tiếng họp chợ.

- Tiếng gì thế cô?

- Tiếng thác, thác Linh Hai ở gần nhà em.

*

* *

Vì trời không lạnh lắm, nên Quang bảo cô gái Thổ cho mượn cái chiếu để chàng nằm ngủ ngoài sân. Chàng vừa ăn cơm no, và uống ít rượu nên thấy trong người dễ chịu, khoan khoái. Bữa cơm chỉ có một đĩa chả trứng và một bát canh măng mai, nhưng chàng ăn rất ngon miệng; xưa nay chàng không thích rượu, mà bữa cơm ấy chàng cũng uống nổi hai chén, vì rượu đó chàng thấy có một hương riêng phảng phất như hương lan. Cha mẹ cô gái Thổ với chàng rất là ân cần. Chàng mừng rằng lỡ đường lại gặp được một gia đình tử tế như vậy, và nhất là được gặp một cô gái Thổ xinh đẹp. Chàng mỉm cười, sung sướng, đánh diêm châm thuốc lá hút và đợi cô gái Thổ mang chiếu ra để được nhìn lại nét mặt cô dưới bóng trăng. Giải chiếu xong, chàng nằm một lát rồi ngủ thiếp đi.

Lúc Quang sức tỉnh thì trăng đã lên cao, sương đã tan hết. Trời trong lắm, nên những ngọn núi trông như ở sát ngay cạnh nhà, mấy dải rừng đen trên ngọn núi in rõ nền trời đầy sao.

Nghe có tiếng dột vải sau nhà, Quang tìm đến chỗ dột vải định xin nước uống và nhất là để gặp mặt cô gái Thổ, vì chàng chắc rằng chính cô đương ngồi dột vải.

Cô gái Thổ ngừng thoi, mỉm cười, nhìn Quang hỏi:

- Ông chưa đi ngủ? Quang hỏi lại:

- Thế cô cũng chưa đi ngủ.

- Em còn dệt vải.

- Còn tôi thì khát nước, nên không ngủ được. Cô gái Thổ lại cúi xuống bắt đầu dệt.

- Ông ra suối mà uống.

- Tôi sợ lắm, sợ hổ nó ăn thịt.

Cô gái Thổ bật cười. Quang thấy hết cả gương mặt, chàng tiến lại đứng sát bên khung dệt, hỏi:

- Tên cô em là gì?

- Tên em là Sao. Quang mỉm cười nói:

- Thảo nào mà cô đẹp như sao trên trời. Cô Sao ngâm thơ đáp:

- Em chẳng đẹp.

Nhưng câu đó cô ta nói bằng một thứ giọng cố làm ra nũng nịu, và vừa nói vừa đưa mắt nhìn Quang một cách tinh nghịch.

Bỗng Quang thấy thoảng qua một cơn gió thơm mùi hoa, và ngay lúc đó Quang nhận thấy nét mặt cô gái Thổ tươi lên bội phần. Nàng nói:

- Nửa đêm rồi.

Quang lấy đồng hồ xem thì kim chỉ đúng mười hai giờ.

Chàng ngạc nhiên hỏi:

- Sao cô biết đúng thế?

- Vì hoa lan nở. Ông không ngửi thấy mùi thơm à?

- Có, nhưng mà lan gì vậy?

- Hoa lan rừng, nở đúng nửa đêm.

Cô Sao đặt thoi xuống, rồi nhìn thẳng vào mặt Quang, nói:

- Ông có đi chơi rừng không... đi xem lan nở, và nhân tiện em đưa ông ra suối uống nước.

Quang thấy một cô gái rủ mình đi chơi rừng đêm, lấy làm ngạc nhiên vô cùng, song chàng nghĩ rằng người đường rừng có tính tự nhiên, chất phác, nên sự đó, họ cho là thường chẵn.

Quang để cô Thổ đi trước mình một ít. Qua mấy thửa ruộng ngô non, hai người đến một cái khe suối, nước chảy lấp lánh như bạc sau những ngọn cỏ đen.

Quang hỏi:

- Nước này uống có sợ sốt rét không cô?

- Không sao. Ngày nào em cũng uống. Ông trông người em tươi tắn thế này thì đủ biết.

Quang bạo dạn tiến lên trước rồi quay lại cúi nhìn vào tận mặt cô Thổ, mỉm cười nói đùa:

- Thử xem mặt cô Sao có tươi tắn thật không nào. Chàng đứng lặng nhìn không chớp mắt: Màu da cô Thổ dưới bóng trăng, chàng trông trắng mát như màu một cành hoa phong lan và đôi mắt đen phảng phất như hai chấm đen trên cành hoa. Bỗng Quang thấy một thứ hương thơm thoảng qua, cũng một thứ hương thơm như ban nãy.

Cô Sao nói:

- Ở bên suối đây có một cây lan. Cây này ít khi có hoa lắm. Nếu có thì chỉ nở một cái hoa là cùng. Ông muốn xem?

Quang lấy làm lạ: Chàng vừa ví mặt cô Thổ với hoa lan thì cô ấy đột nhiên nói đến hoa lan như đã đọc được ý nghĩ của chàng.

Nhìn theo phía ngón tay trỏ của cô Thổ, Quang thấy một bông hoa trắng na ná như một bông huệ to, nhưng hai cành phía trên có hai chấm đen như mực. Thật là một thứ hoa lạ, chàng chưa được thấy bao giờ.

Quang tiến lên toan ngắt, thì cô Thổ vè mặt sợ hãi giơ hai tay giữ lấy tay Quang:

- Em xin ông. Chỉ có mỗi một cây này gần nhà, em quý lắm. Chốc nữa vào rừng vô số, ông tha hồ bẻ... Ông uống nước, rồi ta đi.

Quang cúi rạp xuống mặt suối uống nước và tưởng mình lúc đó như một con hổ đang uống bóng trăng.

Lúc ngừng lên, chàng để ý đến một vật gì trắng trắng ở giữa dòng suối. Nhìn kỹ thì là một hòn đá. Hòn đá ấy, kỳ dị thay, Quang thấy phảng phất giống hình một cái vai của một người con gái trắng trẻo nằm dưới làn nước. Chàng bảo cô Thổ:

- Trông hòn đá như vai người con gái, cô Sao ạ.

Cô Thổ cười bảo đùa Quang:

- Sao ông không đánh thức cô ta dậy để cùng vào rừng chơi... Nhưng mà cô ta còn mãi tắm, chúng mình đi thôi.

Chữ "chúng mình" Quang thấy cô Thổ nói một cách thân mật, âu yếm. Lúc đó chàng cũng bắt đầu coi cô Thổ như một người tình nhân quen biết đã từ lâu. Chàng nắm lấy tay cô Thổ, nói:

- Chúng mình cùng nhảy qua suối nào. Lúc qua bên kia bờ suối, Quang hỏi cô bạn:

- Sao tay em lạnh thế em?

- Lúc này em vừa rửa tay ở nước suối.

Quang không để ý nên không biết là cô Thổ vừa nói dối chàng.

Hai người đi qua một bãi cỏ, rồi vào một cái rừng thưa. Bóng cành cây in trên đất, trên áo hai người lại càng làm tăng vẻ sáng của đêm trăng. Cô Thổ nói:

- Qua một cái rừng nữa thì đến chỗ lan nở. Hai người đi vào bóng tối đen của rừng già.

Quang có cái cảm tưởng như người vừa ở ngoài nắng vào trong rợp, chàng hơi sợ, nắm chặt lấy tay cô Thổ.

Đi khỏi một cái dốc, chàng thấy hiện ra ở trước mặt một mảng trắng xóa dưới bóng trăng.

- Rừng lan.

Cô Sao mừng rỡ vừa nói vừa kéo tay Quang chạy vào trong đám hoa. Hương thơm ngát Quang thấy đầu óc choáng váng; chàng mơ màng thấy cô Thổ kéo mình ngồi xuống giữa rừng lan. Chàng lắc lư đầu, dụi mắt để cố nhìn cho rõ, nhưng không thể được. Trong lúc bàng hoàng, chàng thấy hình như tất cả những bông hoa trong rừng đều ngả cả về phía chàng, những bông hoa mềm và mát rung rinh bên má chàng như mơn man, ve vuốt...

... Lúc chàng mở mắt ra, chàng thấy mình nằm im trên cỏ, chung quanh chỗ nằm, những bông lan đều ngả dẹp xuống đất. Chàng thấy có

bóng đen che khuất ánh trắng, liền quay đầu nhìn lại: Cô Thổ đứng bên cạnh chàng, tay cầm bó lá to, mỉm cười:

- Sao ông ngủ say thế. Em đánh thức mãi, ông mới tỉnh. Quang ngạc nhiên:

- Tôi vừa ngủ? Thế mà tôi không biết đấy.

Ngẫm nghĩ một lát, chàng nói tiếp:

- Có lẽ không phải tôi ngủ đâu, vì say hương lan, nên thiếp đi một lúc đấy.

Quang nhìn cô Thổ một lúc rồi trong lòng sinh ra một mối nghi: Hay cô con gái này không phải là người. Chàng vừa sợ vừa hỏi:

- Sao đầu tóc cô rối bời thế?

- Vì em phải chui qua bụi rậm để bẻ trộm ngô.

Cô Thổ vụt xuống bên cạnh Quang một bó ngô.

- Ông có diêm không để nướng ngô ăn?

- Không, tôi không mang diêm theo.

- Thế thì đi về đi, ông đi. Về nhà ăn ngô, em đói lắm. Nghe tiếng cô Thổ nói, và trông điệu bộ, Quang lại thấy hết cả nghi ngờ.

Lạ nhất là đêm khuya ở giữa rừng có mỗi một mình mình với một cô con gái yếu ớt mà chàng không thấy có cái ham muốn của một người con trai khi gần người con gái. Chàng lại có cảm tưởng mà chàng cho là vô lý là người con gái ấy đã thuộc về chàng rồi.

Cô Thổ bảo Quang:

- Bây giờ ông muốn hái hoa thì tha hồ hái. Em không cấm nữa đâu.

Quang đứng dậy thấy trong người mỗi mệt lạ thường. Chàng không thiết hái hoa nữa; chàng chỉ muốn về ngay vì không chịu nổi hương lan thơm một cách hắc quá.

- Về đi, cô Sao.

*

* *

Sáng hôm sau thức dậy, Quang nhìn phong cảnh chung quanh không thấy có vẻ huyền ảo như đêm qua nữa. Cô Thổ bưng ra một bát cháo mời chàng một cách thân mật:

- Ông xơi cháo.

Quang dăm dăm nhìn cô Thổ. Dưới ánh sáng mặt trời, chàng thấy cô Thổ có cái vẻ đẹp hồng hào của một người con gái khỏe mạnh.

Ăn cháo xong Quang xin đi một cách vội vàng, chàng chỉ mong đến nhà ông Vi Văn Hoài thu xếp cho chóng xong công việc, khi về chàng sẽ rẽ qua đây.

Quang nhìn cô Thổ:

- Đến mai xong công việc, đi qua đây tôi sẽ rẽ vào thăm cô.

Cô Thổ gật:

- Để em tiễn ông ra khỏi rừng, sợ ông lạc đường.

Quang dắt ngựa đi theo cô Thổ. Đi qua một cái suối, Quang hỏi:

- Hòn đá trắng đêm qua đâu mất rồi. Cô Thổ đáp:

- Ở về phía sau nhà em cơ. Rừng lan cũng ở về phía ấy.

Bồng Quang thấy trước mặt sương dày đặc như khói.

Cô Thổ bảo:

- Đây là khe núi, sáng nào cũng có sương. Phải quen đường mới đi qua được... Vì thế em mới phải tiễn ông ra tận đây.

Ra khỏi chỗ sương, Quang nhảy lên ngựa từ biệt cô Thổ. Ngựa đi được mười bước, Quang quay đầu nhìn lại vẫn thấy cô Thổ đứng trong sương mù nhìn theo. Quang giơ tay nói to.

- Đến mai...

Lúc lên tới đường cái, Quang để ý đến hai cây trờ lên cao vút như hai cái cột quét vôi trắng.

*

* *

Hôm trước, Quang đã lầm đường vì người cho thuê ngựa quên không nói rõ cho chàng biết rằng: Dọc đường, trước khi đến cái chùa đổ, có một cái miếu cũng đổ nát.

Quang mới đến cái miếu đã rẽ về bên tay phải. Chàng không trách gì người cho thuê ngựa, vì sự lầm đường ấy đã cho chàng được biết một cảnh thú vị.

Chiều hôm sau ở nhà ông Hoài ra, chàng cho ngựa phóng hết sức mau, vì chàng nóng lòng được gặp mặt cô Thổ. Đến cái miếu đổ nát, chàng rẽ về tay trái, rồi cứ đi mãi vào trong. Gặp hai cây trờ, chàng cho ngựa đi rẽ xuống.

Chàng lần theo vết cũ, rẽ cỏ đi được ít lâu thì đến cái thung lũng có nhà cô Thổ. Chàng cho ngựa nhảy qua cái suối hôm nọ, nhưng lúc ngừng lên nhìn thì, bỗng chàng biến sắc mặt, nắm chặt lấy dây cương, mắt mở to nhìn thẳng về phía trước; ở chỗ đất mà chàng chắc là có cái nhà của cô Thổ, thì không có cái nhà nào cả. Đây chỉ là một bãi cỏ.

Chàng nghĩ mình lầm đường và cho rằng tại cảnh đường rừng phần nhiều hay giống nhau. Chàng tiến ngựa lên trên bãi cỏ không thấy một dấu vết gì có thể chứng rằng ở chỗ ấy mới hôm qua đây còn có người ở, còn có nhà cửa.

Chàng lắng tai nghe; xa xa có tiếng thác chảy. Chàng lẩm bẫm:

- Rõ tiếng thác Linh Hai!

Chàng cho ngựa xuống và đi men theo dòng suối. Bỗng chàng ghi cương ngựa lại: Sau đám cỏ chàng trông thoáng thấy một vật trắng trắng. Chàng nhảy xuống ngựa đến gần xem thì đó là một hòn đá trắng; chàng kinh ngạc thấy hòn đá đó trông phẳng phất giống hòn đá gần nhà cô Thổ, nghĩa là cũng giống hình như cái vai của một người con gái trắng trẻo nằm dưới làn nước.

Quang lúc đó tưởng mình đang mê ngủ. Chàng muốn định thần trí lại để cố nghĩ cho hiểu sự lạ lùng ấy, nhưng không thể được. Hòn đá chàng thấy như có vẻ sống và dưới ánh sáng mặt trời chàng trông rõ một tia đỏ chạy ngang hòn đá như một tia máu.

Chàng cúi xuống giơ hai tay múc nước để rửa mặt cho tỉnh. Nước suối lạnh làm chàng rùng cả mình mây. Bỗng chàng thấy - rõ ràng chàng thấy - bên cạnh bóng mặt chàng in xuống đáy nước có bóng mặt một người khác nữa, mặt một người con gái Thổ chàng trông phẳng phất giống cô Sao.

Chàng rợn người, đứng thẳng lên, nhìn quay lại thì không có ai cả. Chỉ có con ngựa của chàng đứng sau đang rút cỏ ăn. Thoảng thấy hương lan,

chàng nhìn quanh quẩn. Lúc ngừng lên, chàng thấy ở ngay trên đầu có một bông lan, hoa trắng nuột, cành điểm hai chấm đen... bông lan rùng.

Quang toan giơ tay hái bông hoa, nhưng có một nỗi sợ vô cớ làm ngừng tay chàng lại. Văng vẳng bên tai chàng tưởng như nghe thấy tiếng cô Sao nói với chàng đêm hôm trước:

- Em xin ông, chỉ có một cây này gần nhà, em quý lắm.

*

* *

Lúc ra đến ngoài đường cái, Quang đợi mãi mới gặp được một người Thổ kiếm củi qua. Chàng gọi lại hỏi:

- Ở trong kia có nhà ai ở không? Người Thổ đáp:

- Quanh đây không có nhà ai ở cả. Ai dám ở đây. Nhiều hổ lắm.

Quang bảo người Thổ lắng tai nghe tiếng thác rồi hỏi:

- Có phải thác Linh Hai đó không?

Người Thổ ngạc nhiên không hiểu:

- Thác Linh Hai? Linh Hai?... Không phải, đây là thác Na-panh. Ở khắp châu này không có thác Linh Hai.

*

* *

Mấy hôm sau, người cho thuê ngựa thấy Quang sáng nào cũng đến thuê ngựa rồi cứ chiều tối mới đem ngựa về trả.

Băng đi mấy tháng, người cho thuê ngựa lại thấy Quang đến, nhưng lần này chiều không thấy đem ngựa về. Ngày hôm sau cũng không thấy bóng ông khách thuê ngựa đâu.

Nửa đêm nghe tiếng động ở cửa, người cho thuê ngựa đem đèn ra soi thì thấy con ngựa của mình đứng bên giậu, hục hặc tìm lối vào. Trên lưng ngựa, yên còn đóng nguyên, mà người thuê không thấy đâu cả.

Table of Contents

[Mục lục](#)

[Lời Giới Thiệu](#)

[Người Quay Tơ](#)

[Nô Lệ](#)

[Chiến Tranh](#)

[Giấc Mộng Từ Lâm](#)

[Sư Bác Chùa Kênh](#)

[Làm Gì Mà Bân Khoăn Thế?](#)

[Giật Mình Tỉnh Dậy](#)

[Vuông Vải Trắng](#)

[Thế Rồi Một Buổi Chiều](#)

[Chết Dở](#)

[Nghèo](#)

[Hai Cảnh Ngoài Phố \(Lòng Tử Tế\)](#)

[Hai Vẻ Đẹp](#)

[Hai Chị Em](#)

[Tiếng Kêu Thương \(Lời Một Người Đàn Bà Bán Hàng Nước\)](#)

[Hai Buổi Chiều Vàng](#)

[Mười Năm Qua](#)

[Cái Tây](#)

[Vết Thương](#)

[Câu Chuyện Mơ Trong Giấc Mộng](#)

[Lan Rừng](#)